

15 - 2 - 68 VÀ 1 - 3 - 1968

BACH KHOA T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT TRONG KHÓI LỬA
ĐẦU NĂM: *cầm ngẫ, bút ký, nhật ký, tạp ghi của*
NGUYỄN TRỌNG VĂN, LÊ TẮT ĐIỀU, BÙI KIM ĐÌNH,
TRẦN ĐẠ I, NHẬT TIẾN, PHƯƠNG KHANH, MINH
QUÂN, LÊ PHƯƠNG CHI * *Viết trong tiếng sùng* **VỒ**
PHIẾN * *đầu năm thử đề-ngệ một cái cách cuốn | ch*
hiện dùng **HOÀNG THAO** * *chữ viết* **ĐOÀN NHẬT**
TẤN * *sau thư ngỏ của A. Maurois: lời đáp của thanh n'ân*
NGUYỄN HIẾN LÊ * *hóa-chất thay cày* **VỒ QUANG YẾN** *
nghe về chữ hoa **ĐÔNG HỒ** * *giới thiệu một tác ph'hu*
của Đai-Loan **NGUYỄN HIẾN LÊ** * *Sartre trong đời* **TÔI**
NGUYỄN VĂN TRUNG * *những chuyện đi* **MỘNG TRUI** *
** quan niệm cơ cấu trong các khoa học nhân văn* **TRẦN**
THÁI ĐỈNH * *gió cuốn* **VỒ HỒNG** * *khi mùa xi'ân*
tới **TRẦN ĐẠ I** * *thế giới trong những tuần qua* **TỪ TRÌ** *
sự văn nghệ **TRÀNG THIÊN**

SỐ 267 - 268

267

SỐ TÂN NIÊN



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyze

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H
KHOA THỜI-ĐẠI
267-268 15-2 và 1-3-1968

HOÀNG THAO <i>đầu năm thử đề-nghị một cải-cách về cuốn lịch hiện dùng</i>	3
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>chữ viết</i>	8
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>lời đáp của thanh niên về những thư ngỏ của André Maurois</i>	14
VÕ QUANG YẾN <i>một cuộc cách mạng trong ngành nông: hóa chất thay cây</i>	18
ĐÔNG HỒ <i>nghĩ về chữ hoa (góp ý với Ủy-ban Điền-chế Văn-tự)</i>	22
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>giới thiệu tiểu thuyết «Toàn Phong» của Khương-Quý (Văn-học Đài-loan)</i>	28
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>Sartre trong đời tôi: viết đọc từ một hoàn cảnh...</i>	31
MỘNG TRUNG <i>những chuyến đi (nhạc Việt xứ người)</i>	39
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>quan-niệm cơ-cấu trong các khoa học nhân văn</i>	45
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	50
TRẦN ĐẠI <i>khi mùa xuân tới (truyện 2 kỳ)</i>	54
NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT TRONG KHÓI LỬA ĐẦU NĂM	
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>ý nghĩ đầu năm</i>	68
LÊ TẮT ĐIỀU <i>bút ký</i>	73
BÙI KIM ĐÌNH <i>bút ký</i>	75
TRẦN ĐẠI <i>nhật ký</i>	76
NHẬT TIẾN <i>những món nợ tình thần</i>	81
ĐỖ PHƯƠNG KHANH <i>quê hương tôi, đồng bào tôi</i>	83
VÕ PHẾN <i>viết trong tiếng súng</i>	86
TỪ TRI <i>thế giới trong những tuần qua</i>	94
LÊ PHƯƠNG CHI <i>khói lửa đầu năm với người cầm bút</i>	99
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	105

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

In tại TƯ-ÔNG-LAI 133 Võ Tánh S. G

Tòa-soạn : 160 Phan Đình Phùng Saigon

GIÁ 30\$ Công sở : Giá gấp đôi

Bạn đọc thân mến

Biến động đầu năm vừa qua đã gây tai họa khắp trên toàn quốc và làm xáo trộn, tê liệt rất nhiều ngành công, thương, kỹ-nghệ và hoạt-động văn-hóa tại các đô-thị. Riêng báo chí đã gặp đủ mọi khó khăn trở ngại—về ấn loát, về phát hành, về tài chánh...—đến nỗi một tháng sau ngày súng nổ ở Đô-thành mà báo hàng ngày có tờ còn chưa ra được và có tờ ra ít ngày rồi phải tự đình bản; tuần báo và tạp-chí thì quá vắng vẻ tiêu-diệu: lác đác một vài số tân-niên in từ trước Tết để phát-hành đầu năm, còn hầu hết chưa xuất-bản trở lại được.

Tạp-chí Bách-Khoa đáng lẽ phải ra số 267 này vào ngày 15-2 nhưng chính vào khoảng đó nhà in mới bắt đầu mở cửa làm việc lại được và vì số ấn-công còn quá ít nên công việc tiến-hành rất chật vật. Tòa-soạn định phát hành vào ngày 1-3 mà một tuần sau ngày trên đây báo cũng chưa in xong. Số báo này đến tay quý bạn có quá chậm trễ—một sự chậm trễ mà 11 năm nay Bách-Khoa mới vấp phải—thì xin quý bạn cũng thông cảm mà lượng thứ cho.

Những ngày khói lửa đầu năm đã đến với người cầm bút thực bất ngờ: có bạn thì ngay đêm mồng 1 đã phải cùng vợ con chui xuống gầm giường vì ở quá gần địa điểm giao tranh, có bạn thì sáng hôm sau còn lên đường Lê-Lợi để mở cửa hàng cho được ngày giờ tốt và đốt đủ 3 bánh pháo mới hay tin là địch đã tấn công từ đêm trước. Bởi vậy bạn đọc sẽ thấy ở trong số này những bút ký, nhật ký, cảm nghĩ của những cây bút quen thuộc với quý bạn và cả những tin tức của một số lớn nhà văn, nhà báo ở Thủ-đô hoặc các tỉnh nữa. Loạt bài này sẽ còn được tiếp tục đăng trên số tới vẫn trong mục «Những người cầm bút trong khói lửa đầu năm».

Số báo hiện ở trong tay quý bạn là một số đặc-biệt gồm hai số 267 và 268 (ngày 15-2 và 1-3-68) nên nhiều trang hơn số thường và giá cũng tăng lên chút ít. Như đã trình bày trên đây, số này phải gác lại 7 trang (từ trang 68 đến trang 74 gồm hai bài: «Ý nghĩ đầu năm» của Nguyễn-Trọng-Vấn và «Bút ký» của Lê-Tất-Điêu. Tòa soạn không muốn để những trang giấy trắng nên sau trang 68 (có mấy câu «Cáo lỗi») là tiếp ngay đến trang 75; vậy xin quý bạn đừng ngạc nhiên khi thấy số trang thiếu đó.

Tất nhiên với tình-trạng hiện nay, số Bách-Khoa tới đây, 15-3-68, cũng chưa thể tới tay bạn đọc đúng kỳ hẹn được vì số 1-3-68 này xuất bản đã quá trễ. Nhưng với sự cố gắng thường xuyên và lòng thiết tha phục vụ bạn đọc của Tòa soạn, chắc chắn những số kế tiếp sẽ lần lần ra đúng được với ngày tháng đã định, chứa đựng những vấn-đề sát thời-sự, để khởi phụ lòng tin cậy và mong mỏi của bạn đọc đã bày tỏ nồng nhiệt trong những ngày báo chậm phát hành.

một đề-nghị cải-cách cuốn lịch hiện dùng

Cuốn lịch chính thức của chúng ta hiện nay, mà cũng là của hầu hết thế giới, có nhiều cái bất tiện. Nguyên do ở những tháng dài ngắn khác nhau, ở những tuần lễ, tháng và năm không chia đúng cho nhau nên ngày của tuần không trùng vào những ngày nhất định của năm. Không ai có thể nói ngay rằng ngày mồng 5 tháng Giêng 1970 là ngày thứ mấy; hoặc gần hơn như ngày 15 tháng sau là ngày thứ mấy mà không phải lục tìm trong một cuốn lịch. Chúng ta làm việc và nghỉ theo tuần lễ, nhưng chỉ chính thức dùng ngày của tháng, và kế-toán từng tháng, từng tam-cá-nguyệt và lục-cá-nguyệt. Tháng không đều nhau, nên tam cá nguyệt và lục cá nguyệt cũng không đều nhau. Đối với kế toán là một công việc nằm trong hầu hết mọi hoạt động hành chánh, thống-kê, kinh-tế, thương mại, thuế khóa, ngân sách, v.v... thì sự trời sụt một vài ngày là một điều khó khăn đáng kể. Thí dụ một nhà doanh nghiệp muốn biết từ 22 tháng 3 đến 18 tháng 6 có bao nhiêu ngày làm việc để dự trù công việc sản xuất hay phân phối, ông ta bắt buộc phải dở cuốn lịch, nhiều khi phải đếm từng ngày thật phiền phức. Một hãng có

hàng ngàn công nhân làm việc ăn lương công nhật, thì việc tính lương bằng là cả một gánh nặng về kế-toán. Nói chung đối với mọi người muốn tính chuyện riêng của mình, muốn biết sinh nhật, hoặc một ngày lịch sử nào v.v..., chúng ta đều thấy khó khăn.

Vì có nhiều bất tiện như vậy, nên cách đây đã lâu, Liên-Hiệp-Quốc có thành lập một ủy ban sửa đổi cuốn lịch này. Ủy ban này có nhận được khoảng vài trăm đề nghị, nhưng chỉ chọn có một số ít, và có hai đề nghị được chú ý nhất. Đề nghị thứ nhất chia một năm làm 13 tháng. Mỗi tháng có 28 ngày, gồm đúng 4 tuần lễ. Cộng chung là 364 ngày. Còn ngày thừa để riêng không thuộc vào tháng nào và tuần lễ nào cả. Như vậy, thì tuần lễ và tháng ăn khớp với nhau. Ngày đầu của mỗi tháng bao giờ cũng nhằm cùng một ngày của tuần lễ. Nhưng đề nghị đó có một bất tiện là số 13 tháng không thuận tiện cho việc chia năm thành tam-cá-nguyệt hoặc lục-cá-nguyệt là những đơn vị thường dùng trong kế toán.

Đề nghị thứ hai cũng có một ngày thừa để riêng biệt. Còn lại chia làm 4 tam-cá-nguyệt đều nhau, mỗi tam-cá-nguyệt

có một tháng đầu 31 ngày và 2 tháng sau 30 ngày. Cộng chung mỗi tam-cá-nguyệt có 91 ngày chia cho 13 tuần lễ. Tuy ngày đầu mỗi tháng không trùng vào cùng một ngày của tuần lễ như đề nghị thứ nhất, nhưng những ngày đầu mỗi tam-cá-nguyệt thì trùng. Đề nghị này giữ cho sự phân chia tam-cá-nguyệt được dễ dàng. Một năm có 4 tam cá nguyệt dài bằng nhau tuy vậy những tháng lại không được duy nhất, tháng thì 31 tháng thì 30 ngày. Đó là điều không thích hợp với một đơn vị đo lường.

Dẫu sao không có đề-nghị nào được chọn hẳn. Có lẽ vì tình thế chưa thuận tiện cho việc áp dụng. Việc cải cách có thể gây ra một vài trở ngại như phải sửa lại thời-hiệu (ngày, tháng) của nhiều tài liệu: giấy tờ hộ-tịch, sử-ký, là những tài liệu liên quan mật thiết tới lịch. Mỗi người phải xem lại ngày sinh của mình tính theo lịch mới.

Dẫu sao những trở ngại cũng dễ giải quyết. Chỉ cần một thời gian ngắn để chuyển tiếp.

Một cuốn lịch không thể chỉ là một dụng cụ nhất thời mà phải tính chuyện dùng vĩnh viễn. Thật là bất tiện nếu nó phải sửa đổi nhiều lần. Đó là trường hợp trước đây của chính cuốn lịch ta đang dùng. Nó là hậu thân cuốn lịch người La-Mã dùng từ thời cổ. Lúc đầu một năm chỉ có 304 ngày, chia làm 10 tháng không đều nhau. Sau họ thêm hai tháng là tháng Giêng và tháng Hai. Số ngày một năm không nhất định, khi dài khi ngắn, vì người ta tự ý thêm bớt tùy theo nhu cầu và sở thích của người cầm quyền. Mãi đến năm 45 trước Thiên chúa giáng sinh, César mới ấn định dứt khoát một năm dài 365 ngày và 6 tiếng, tức là cứ 4 năm có một ngày nhuận. Đề kỷ niệm

công việc sửa đổi đó, tên riêng Julius của César đã đem đặt cho tháng Bảy, mà tiếng Pháp gọi là Juillet,

Nhưng vì cách tính thời gian một năm vẫn chưa đúng, nên đến năm 1582 thì lịch đã chậm hơn 10 ngày. Ngày xuân phân trước kia vào 21 tháng 3 thì sau đó thành 31 tháng 3. Giáo Hoàng Grégoire XIII, lúc đó, cho sửa lại bằng cách cắt bỏ 10 ngày trong năm đó đi và ấn định lại cách tính những năm nhuận. Chỉ những năm nào tận cùng bằng hai số không như 1400, 1500 mà chia đúng cho 400 thì mới nhuận, tỷ dụ năm 1600. Tuy vậy cách tính độ lâu một năm khi đó vẫn chưa thật đúng nên lịch Grégorien vẫn còn sai hơn một ngày khoảng bốn nghìn năm.

Một cuộc khảo sát và cải cách toàn triệt quả thật là một điều cần thiết cho một dụng cụ được sử dụng mãi mãi như lịch, một dụng cụ làm mốc cho thời gian suốt từ khi nhân loại có lịch sử. Những khó khăn do sự thay đổi gây ra thật không đáng kể. Nếu sự đo lường chiều dài thay đổi từng địa phương đã làm phiền phức cho chúng ta ra sao thì một cuốn lịch cứ phải sửa đi chữa lại nhiều lần cũng vậy. Chúng ta cần phải tìm một cải cách triệt để. Và lại chẳng nào cũng một lần cải cách.

Hai đề nghị kể trước thực ra chỉ nhằm làm cho ngày trong tuần và trong tháng ăn khớp với nhau mà thôi. Chúng ta vẫn tự hỏi xem có thể dùng một lối giải quyết khác là bỏ bớt một vài đơn vị của lịch (gồm có ngày, tháng, năm) đã gây ra sự không ăn khớp chẳng?

Cuốn lịch ta đang dùng gồm có 4 đơn vị chính là ngày, tuần, tháng, năm và hai bộ số phụ là tam-cá-nguyệt và lục-cá-nguyệt. Nguyên do những bất tiện là các tháng dài ngắn khác nhau; một năm có 365, 242 198 79 ngày chứ không phải một số tròn như

100 ngày hay một ngàn ngày ; tuần, tháng, năm không chia đúng cho nhau. Một khi các đơn vị đã không ăn khớp với nhau, thì càng bỏ bớt được cái nào, càng dễ sắp xếp. Và trước khi tính chuyện sắp xếp, chúng ta thử xem đơn vị nào không cần thiết, đơn vị nào bắt buộc phải giữ lại.

Quả thật, nếu tự cho là không có gì ràng buộc với thiên nhiên thì ta có thể coi giờ làm đơn vị gốc mà cứ tính lên bội số thập phân, 10, 100, 1000 giờ vv... cũng được, bắt cần ngày, tuần, tháng. Lấy lý do đó, đã có ý kiến chỉ giữ lại ngày bỏ hết tuần, tháng, năm, thay bằng những bội số thập phân như 10 ngày 100 ngày vv... Ý kiến này cũng chẳng có gì quá trớn vì chính các nhà thiên văn đã dùng lối tính đó.

Chúng ta hãy thử xét xem có cần thiết phải giữ lại đơn vị ngày không ? Trước hết, ngày là một đơn vị thiên nhiên, từ xưa tới nay vẫn dùng làm căn cứ thời khắc cho sinh hoạt của người ta. Ta làm việc, hoạt động ban ngày, ngủ ban đêm. Thứ hai, ngày là một đơn vị dễ nhận biết. Ai cũng thấy một cách dễ dàng thế nào là một ngày, hai ngày, thế nào là bắt đầu ban ngày khi mặt trời mọc. Thứ ba, ngày có một độ lâu tương đối đều đặn. Quả thật, ngày là một đơn vị thiên nhiên quan trọng, ta bắt buộc phải giữ.

Xét dưới mấy khía cạnh đó thì năm cũng có tính cách bắt buộc gần như ngày. Khi còn ở giai đoạn văn hóa nông nghiệp, sinh hoạt của con người lệ thuộc chặt chẽ vào thời tiết bốn mùa. Dù cho tới ngày nay, con người vẫn chưa thoát khỏi lệ thuộc đó. Về bất cứ phương diện canh nông, quân sự, kinh tế, vv... hoạt động trong mùa đông lạnh lẽo, tuyết rơi, phải khác với mùa hạ nóng nực ; hoạt động trong mùa khô phải khác mùa mưa. Những thay đổi thời tiết cùng với chu kỳ

sinh trưởng của thảo mộc là những dấu hiệu nhận biết khá rõ rệt. Hơn nữa, độ lâu của năm còn xác định hơn của ngày, Độ lâu của ngày thường trời sứt, nên thường lấy một độ lâu trung bình của nhiều ngày.

Vì những lý do vừa kể mà ngày và năm là những đơn vị chúng ta bắt buộc phải giữ.

Tháng là một đơn vị lịch bắt nguồn từ chu-kỳ của mặt trăng lâu trung bình 29, 5 ngày, khoảng cách giữa hai lần trăng tròn. Nhưng tháng không phải là một đơn vị thiên nhiên có tính cách bắt buộc như ngày và năm. Thứ nhất, vì độ lâu của tháng trời sứt nhiều. Thứ nhì, vì tháng khó ăn khớp với năm, tuần. Thứ ba, vì tháng rất ít liên quan tới sinh hoạt của người ta, rõ rệt nhất là theo dương lịch hiện nay, tháng chẳng đi đôi gì với tuần trăng cả. Thứ tư, vì tháng không dễ dàng nhận thấy như ngày và năm, vì chỉ xuất hiện về đêm, mà chỉ ở giai đoạn toàn nông nghiệp như ngày xưa người ta mới thường chú trọng tới. Quả thật tháng không phải là một đơn vị cần thiết cho việc đặt một cuốn lịch mới.

Tuần-lễ là một đơn vị hoàn toàn nhân tạo, mà thoát nghĩ tưởng là có một nguồn gốc tôn-giáo nhưng sự thực thì bắt nguồn từ một quan-niệm xưa của người Babilon về ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng và năm hành tinh là : Hỏa tinh, Thủy tinh, Mộc tinh, Kim tinh và Thổ tinh (Sun, Soleil, Moon, Lune, Mars, Mercury, Jupiter, Venus, và Saturne). Thời đó người Babilon chưa khám phá ra Hải-vương-tinh (Neptune), Thiên-vương-tinh (Uranus) và Pluto. Nếu cộng cả lại, một tuần phải có 10 ngày chứ không phải 7. Nguồn gốc quan-niệm đó của

người Babilon còn để lại dấu vết trong hầu hết những tên ngày trong tuần của các ngôn ngữ Âu châu. Thí dụ tiếng Anh: Sunday là chủ-nhật có gốc Sun là mặt trời, và Monday có gốc Mon là mặt trăng, hoặc tiếng Pháp Mardi có gốc Mars, Mercredi gốc Mercury, cùng với những dấu vết của Jupiter, Saturne và Vénus.

Tuần lễ không phải của riêng một tôn giáo nào, và từ nguồn gốc không có một ngày nào, quan trọng hơn ngày nào. Đó chỉ là một thời kỳ thích hợp với khoảng cách những ngày hành lễ, nên đã được những tôn giáo xuất phát từ Trung-đông, (ảnh hưởng của Babilon) sử dụng — và mỗi tôn giáo đã chọn một ngày hành lễ khác nhau. Do-thái giáo, ngày thứ bảy, đạo Cơ-đốc ngày chủ-nhật, Hồi-giáo ngày thứ sáu.

Tất nhiên, nếu không vì thói quen tiện dụng, mỗi tôn giáo đó có thể cho 1 tuần lễ là 5, là 10 ngày v.v... Chẳng hạn đạo Phật đã định một tuần lễ là 15 ngày.

Nếu chúng ta có thể bỏ được tháng và tuần thì việc sắp xếp một cuốn lịch mới sẽ hết sức dễ dàng. Chúng ta tránh hẳn được nhiều bất tiện của lịch cũ.

Một hệ-thống đo lường giản tiện nhất vẫn là hệ thống thập phân. Giữa ngày và năm ta cần phải có vài bội-số trung gian. Ta có thể đặt một bội-số thứ nhất là 10 ngày, tạm gọi là một tuần. Như vậy một năm có 36 tuần và 5 ngày lễ. Nếu ta tạo thêm một bội số 10 tuần thì lại bất tiện vì tỷ-số giữa năm và bội-số đó sẽ là 3,6. Nhưng nếu ta tôn trọng sự tiện lợi chia năm làm tam-cá-nguyệt của lịch cũ và nhân thể nhấn mạnh tính cách phân chia 4 mùa, thì ta có thể chia 36 tuần làm 4 kỳ bằng nhau,

mỗi kỳ 9 tuần, tức là 90 ngày. Năm ngày lễ chia đều cho mỗi kỳ 1 ngày làm ngày khai kỳ, để ở đầu mỗi kỳ. Còn lại một ngày lễ làm ngày khai niên để ở đầu năm. Trường hợp có thêm một ngày lễ nữa thì đặt vào giữa năm làm ngày trung niên. Như vậy cuốn lịch rất quân bình. Tuần chỉ là đơn vị thực dụng không cần phải ghi trong lịch vì cách ghi ngày trong kỳ đã chỉ rõ. Ngày 74 là tuần 7.

Tóm lại lịch mới sẽ gồm có năm, chia làm 4 kỳ 90 ngày (những ngày khai niên và khai kỳ là ngày nghỉ) không có tháng và tuần. Ngày của mỗi kỳ sẽ ghi từ 0 đến 89. Nếu muốn lấy 10 ngày làm giai đoạn làm việc và hành lễ thì cách ghi trên không có gì thay đổi.

Việc sắp xếp đã giải quyết xong, nhưng còn một vấn đề cũng đáng đề ý là: nên lấy ngày nào bắt đầu một năm. Nếu ta đã cho rằng thời gian một năm có dấu hiệu dễ nhận thấy, thì dấu hiệu đó có chỉ rõ lúc nào là bắt đầu một năm không? Ngày bắt đầu của lịch hiện nay được nhìn nhận chỉ vì dùng quen chứ không có một căn cứ nào hợp lý cả. Đối với giác quan thông thường, thì dấu hiệu nhận thấy sự thay đổi của một năm là thời tiết thay đổi của bốn mùa và chu kỳ sinh trưởng của thảo mộc. Từ xưa, đều coi mùa xuân bắt đầu của một năm vì khi đó cây cỏ bắt đầu sinh trưởng. Và ngày Xuân-phân (21 tháng 3 lịch Grégorien) tức là ngày bắt đầu mùa Xuân, là một ngày đặc biệt quân bình, ban ngày và ban đêm dài bằng nhau. Chọn ngày xuân phân làm ngày đầu năm là hợp lý (đối với một số ít quốc gia ở Nam-bán-cầu thì ngày Xuân-phân là ngày 23 tháng 9).

Một sự lựa chọn tương tự cũng cần

thiết cho đơn vị ngày mà hiện nay ta bắt đầu vào nửa đêm lúc 00,00 giờ. Ranh giới của một ngày vào lúc đó là một điều bất tiện, không thực sự thích hợp với sinh hoạt của chúng ta. Hơn nữa nếu theo tiêu chuẩn « dễ nhận biết » thì ta phải đặt ranh giới đó vào lúc bắt đầu ban ngày rghia là vào lúc 06,00 giờ, khi đêm vừa hết và ngày bắt đầu. Như vậy một ngày sẽ được phân làm hai phần rõ rệt làm ban ngày và ban đêm nối tiếp nhau. Cả ban đêm sẽ thuộc hẳn vào cùng một ngày, chứ không bị cắt làm hai như trước.

Nghi rộng ra nữa chúng ta nên bắt đầu lịch từ năm nào? Từ ngày xưa, niên lịch thường bắt đầu từ năm lên ngôi của mỗi ông vua. Như vậy có nhiều bất tiện, thời gian bị cắt thành những quãng không đều và thay đổi từ địa phương này sang địa phương khác. Tức là thiếu tính cách liên tục và phổ biến. Lịch làm nên thời gian cho lịch sử (mà phải kể là lịch sử chung của cả nhân loại), trong đó xuất hiện nhiều văn minh khác nhau. Tới giai đoạn tiến hóa hiện nay, lịch phải là một dụng cụ phổ biến và phải nhằm tới vĩnh viễn. Điều hợp lý là nên bắt đầu lịch từ năm nào có một thời hiệu sớm nhất của lịch sử. Đó là năm 4241 trước công nguyên, là năm cuốn lịch của Cờ Ai-cập được công nhận, ghi dấu một thành tích văn minh quan trọng của loài người và ngẫu nhiên thuận tiện cho việc chọn lựa niên hiệu khởi đầu của lịch.

Về cách tính năm nhuận, trong qui tắc những năm chia đúng cho 400 thì nhuận, chúng ta nên thay bằng số chia 500, vì theo những kết quả mới nhất về độ lâu xác thực của một năm là 365, 244 198 79 ngày, thì chia cho 500 sát với độ sai hơn là chia cho 400.

Lịch là một dụng cụ đo thời gian mà đơn vị nhỏ nhất là ngày. Nhưng ta còn

dùng đến những đơn vị nhỏ hơn như giờ, phút, giây, tiện thể chúng ta cũng nên xét xem những đơn vị đó có thích dụng không? Sự phân chia ngày làm 24 giờ, giờ làm 60 phút chẳng thấy có một căn cứ hợp lý nào. Có lẽ vì thói xưa người ta cho rằng những con số chia đúng cho nhiều số nguyên thì dễ thích hợp để đo những gì liên quan đến độ góc. Nhưng sự thực, cũng chẳng có ích lợi thực tiễn như vậy, mà còn làm khó khăn việc tính toán. Ngay cách đo góc, ngày nay người ta cũng dùng thêm một hệ thống thập phân là grade. Cách thuận tiện nhất là chia ngày làm 100 giờ, 1 giờ 100 phút. Mỗi giờ mới như vậy lâu bằng 1/4 giờ cũ và 1 phút mới bằng 1/6 phút cũ hay 10 giây cũ. Trong thường dụng, chúng ta bỏ bớt, được một đơn vị giây. Và chúng ta sẽ tránh được bao nhiêu cách tính phiền phức về giây, và phút và giờ.

Có lẽ cũng không phải vô ích nếu ta bàn thêm về cách viết ngày tháng. Hiện nay có một lối viết ngày tháng thông dụng trong quân đội là viết liền thành một khối, để đơn vị lớn ở trên, Thí dụ lúc 15, 25 giờ ngày 24 thì viết thành 241525G. Lối này tương tự như lối viết thập phân. Ta có thể áp dụng vào cách viết thời của lịch. Bốn kỳ của năm sẽ viết là 1, 2, 3, và 4. Ngày trong một kỳ sẽ ghi từ 0 đến 89. Thí dụ ngày 78 kỳ 2 thì viết là 278. Ngày khai niên không thuộc kỳ nào sẽ viết là 000. Những ngày đầu mỗi kỳ là 001, 002, 003, 004. Như vậy chỉ cần một nhóm ba con số, ta có thể ghi được hết những ngày trong năm.

Tình hình thế giới hiện nay đã làm giảm mất tính cách cần thiết của công việc sửa lịch. Nhưng, một ngày gần đây, khi ổn định hơn, nhất định công việc đó sẽ được chú trọng xứng đáng.

HOÀNG THAO

Chữ Viết

Vai trò của chữ viết :

Mục-đích phát-minh ra chữ viết là để truyền-đạt tư-tưởng và tình-cảm bằng những dấu ghi hữu-hình. So với tiếng nói thì đó là một tiến-bộ lớn vì nhờ chữ viết con người có thể thông-cảm với nhau vượt không gian và thời-gian; người ta chỉ viết cho nhau khi không thể cùng nhau ở một nơi một lúc để nói chuyện được.

Các nhà khảo-cổ cho rằng văn-tự xưa nhất là một lối văn-tự tiết-bình (cunéiforme : hình cái nêm) gốc-tích ở Sumer vùng Mésopotamie cách nay khoảng 50 thế-kỷ. Trước đó, các giống người ở hang vồn đã biết khắc những dấu ghi lên đá, lên vỏ cây; nhiều bộ-lạc thổ-dân Mỹ đã có lối văn-tự vẽ hình (pictographie). Sau đó, người ta đã sáng-chế ra lối tượng hình (idéographie) như ta còn thấy ở những chữ khẩu 口 (miệng), nhật 日 (mặt trời), thủ 手 (tay)... trong chữ Hán ngày nay. Cuối cùng mới đến cách viết theo vần (écriture syllabique) mà tự-dạng không còn có vẻ liên-hệ gì đến nghĩa chữ nữa và chỉ phụ thuộc ở giọng đọc, để ghi âm giọng đọc mà không còn vai trò nào khác.

Nhưng chiều hướng tiến-triển ấy, đi xa dần với mục-đích sáng-kiến ra văn-tự xưa kia, đã không tồn-tại được; bởi vì những ngữ-căn (radicaux) được dùng lâu đời dần-dần gắn chặt với ý-nghĩa.

nhờ phản ứng theo điều-kiện; rồi trong sự kết-hợp, biến-thái để làm nên những chữ (mots) mới, nó vẫn giữ nguyên hình mà không lệ-thuộc thanh-âm nữa. Bởi đó mà văn-tự có lịch-sử lâu dài chừng nào thì lại có nhiều chữ viết không theo giọng đọc chừng ấy: như trong tiếng Pháp, những chữ như doigt, temps, psychotechnique... mang nặng các căn-ngữ Hy La không liên-hệ gì đến cách phát âm nữa mà chỉ để gọi lại cái ý-nghĩa đã gắn liền với căn-ngữ từ xưa. Trong những ngôn-ngữ lâu đời ấy người ta không còn viết theo đúng thanh-âm mà chính là theo ý-nghĩa: nếu căn viết paon, pan hay pend hoặc voix, voie, voit, vois, voir hay voient là theo cái nghĩa của chữ ấy trong câu chứ không phải theo giọng đọc mà thôi. Cho nên, dù có viết theo lối ghép vần, chữ viết ngày nay cũng phải làm cho được cái vai-trò của nó khi mới được phát-minh là tượng hình, tượng ý hơn là ghi âm.

Điều đó dễ hiểu: dù chữ viết có được đặt ra với hình-thức nào trước đây, ngày nay người ta cũng chỉ dùng nó để gợi hình gợi ý. Trong cuộc sống thực-tế, việc cầm giấy viết mà đọc lên lời chỉ xảy ra ở rất ít trường hợp: như ở đài phát thanh, ở nơi diễn văn, diễn thuyết, ngoài ra, khi đọc thư, xem sách

báo, đọc, truyền đơn, bảng-hiệu, không ai lại đọc oang-oang lên bao giờ. Chỉ có các thầy giáo ở nhà trường mới thường xuyên bắt trẻ đọc lên tiếng và cũng đọc to chính-tả cho trẻ viết: nếu không « vì lý-do kỹ-thuật » sự-phạm trong cái thế giới riêng biệt ấy thì không ai có thể chấp nhận cho họ làm những chuyện kỳ lạ như vậy bao giờ. Hằng ngày, người ta chỉ nhìn các hàng chữ trong một bức thư là đã có thể rưng rưng nước mắt được rồi, liếc qua các hàng «tít» trên tờ báo phơi bày ở sạp là đã đủ có cảm-giác sửng-sốt hay chán chường rồi, không cần phải nghe một tiếng, một lời, nào cả bởi vì tư-tưởng, tình-cảm đã từ mặt chữ mà đi thẳng vào lòng người, không cần qua trung-gian của thanh-âm.

Hán-tự là một lối chữ viết tượng-hình nhưng đã là bí quyết cấu-tạo vững bền của một quốc-gia lâu đời nhất và bao la đông-đúc nhất thế giới; người trong nước biết nhau, cùng tin cùng nghi như nhau qua một văn-tự thống-nhất mặc dù không đọc giống nhau.

Ngày nay các nhà khoa-học mọi quốc gia đều muốn hiểu nhau qua lối viết của danh-từ khoa-học, bất chấp cách đọc như thế nào; khi họ gọi tên thì muốn thấy cả cái thành phần, nguồn-gốc trong chữ viết tên của mỗi hóa-chất, mỗi hiện-tượng. Vì thế mà họ có những lối viết cầu-kỳ, có khi dài thườn-thượt hay lôm chôm những tự-mẫu câm: chlorhydric, aldéhyde,..

Vì đóng một vai trò quan-trọng hơn mà nhiều văn-tự vẫn còn tồn tại sau khi ngôn ngữ đã chết, đó là trường-hợp những [từ ngữ hiện nay. Bởi vì chữ viết không phải là những qui-ước tạm-thời lệ-thuộc vào tiếng nói, tự nó chữ viết có một bản-vị riêng, mỗi

tự (mot) nếu có biến-chuyển ít nhiều thì cũng đồng thời ghi lại được tất cả lịch sử của mình gắn liền với lịch sử văn hóa của cả dân tộc mà nó phục vụ. Càng sống lâu đời, văn-tự càng có sắc-thái độc-đáo và càng làm tròn trách-nhiệm của mình hơn hẳn thanh âm bởi vì tư tưởng, kiến-thức, tình-cảm con người ngày một phức-tạp phong-phú mà lưỡi họng con người không thể phát ra số vô tận âm thanh.

oOo

Văn-tự Việt-Nam :

Với nhận-định như trên về vai-trò của chữ viết, ta có thể xét lại đây tình-trạng của văn-tự nước nhà.

Phải buồn lòng mà thấy rằng từ ngày có sử đến nay văn-tự nước ta không được liên-tục: trước khi có chữ quốc-ngữ, ông cha ta đã viết bằng chữ Hán và chữ nôm, đó là một thiệt thòi rất lớn cho nền văn-học của đất nước. Lớp người lớn lên ngày nay không trực tiếp đọc được tư tưởng của tổ-tiên đời trước; việc phiên-dịch dù có đầy-đủ cũng không sao lột hết tinh-thần của nguyên văn; khi ý tưởng không được truyền-đạt thẳng từ văn tự trong đó người xưa đã gói gắm tất cả lòng dạ của mình thì dòng tâm-tư của dân-tộc lưu-truyền từ người trước đến kẻ sau không sao được toàn vẹn.

Chữ quốc-ngữ ta phát-minh từ giữa thế-kỷ 17 đến nay chưa có đủ di vãng để thành một văn-tự có lịch-sử, nên còn là một phương-tiện ghi âm như tất cả các lối viết phiên âm mới đặt ra của các dân-tộc hậu-tiến. Một số thức-giả trong nước còn chỉ thấy ở văn-tự cái vai-trò ghi âm ấy mà thôi; nên thỉnh thoảng lại thấy có vài đề nghị cải-cách cho được giản tiện hơn, máy móc đem các qui-

luật ngữ-âm (phonétique) vào đề điều-qui văn tự. Nhưng có điều may mắn là tuy chữ viết của ta tuổi mới được ba thế-kỷ mà đã gắn sâu vào nếp sống vững-bền của dân-tộc nên những đề-nghị như vậy đã không đi đến đâu, vì không ai hưởng-ứng. Người thức-giả nên thấy rằng dù nó đã thoát thai từ tự-mẫu la-tinh của văn Ý-đại-lợi hay Bồ-đào-nha nên đã có những lối viết không tiện lợi thì đó cũng có thể coi như những vết tích lịch-sử khai-sinh có thể có ở bất cứ chữ viết của dân-tộc nào. Qui-luật chi-phối ngôn-ngữ văn-tự không phải là do lẽ tiện hay bất tiện cho mỗi người mà chính là qui luật thông-dụng (loi de l'usage) của đại-chúng. Đối với văn-tự của ta là phương-tiện cảm-thông trong dân-tộc thì lại càng phải chấp nhận qui-luật ấy để giữ gìn văn-tự mà gián tiếp giữ-gìn, nuôi dưỡng liên-tục tinh-thần và văn-hóa quốc gia. Văn tự càng có lịch-sử lâu đời thì càng thu nhặt kết-tinh được nhiều đặc sắc khiến nó đủ khả-năng thỏa mãn được nhu cầu dân tộc. Những văn dấu tuy vô nghĩa lúc ban đầu nhưng được dùng lâu dài, sẽ thành những hình ảnh sống động nhạy bén gợi nên tình cảm tư tưởng trong tâm trí con người và không còn là những nét bút vô-vị nữa. Phải nhận rằng Truyện Kiều viết bằng chữ nôm ngày xưa đến Truyện Kiều ngày nay phiên âm ra Quốc ngữ đã phải có nhiều mất mát sai chạy mà vì chúng ta ngày nay không am-tường chữ nôm như người đồng thời với tác-giả, nên không làm sao cảm biết cho tường tận được, nhất là đối với một lối văn-tự viết bằng bút lông có chấm phẩy, nặng về tượng-hình hơn tượng thanh thì tác-giả không khỏi đã gói gắm ngay trong những hình-ảnh ấy một phần tâm-tư tình-cảm của mình. Đối với thi-nhân thì có gì mà không gợi tình gợi

cảm? Cảnh-vật vô-tri còn có tâm-hồn (1) hướng hồ những nét bút uyển-chuyển từ trong lòng họ tuôn ra? Victor Hugo trong du-ký Voyages trên đường từ Aix-les-Bains đã thấy cả « xã-hội loài người, thế-gian và cả con người đều thể-hiện trong các tự-mẫu » (2) — những tự mẫu của ông cũng chính là những tự-mẫu của chúng ta mà mới trong ba thế-kỷ chưa tích-lũy được trong lòng thi-nhân ta một ấn-tượng quan-trọng nào.

Nhưng với thời-gian và trong nếp-sống nòng-nàn của dân-tộc, chúng ta tin-tưởng rằng rồi đây chữ quốc-ngữ cũng ghi được tình, được ý chứ không phải chỉ là lối ghi âm.

Ngày xưa nàng Kiều nhớ đến Thúc-Kỳ-Tâm 心 mà nhìn lên chỉ thấy « Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời », một mối tình « trước còn trăng gió sau ra đá vàng » đã gắn bao nhiêu kỷ-niệm đậm-đà vào một chữ viết tên người. Thời nay, những cặp tình-nhân thêu tên nhau trên gối và người tri-âm cũng hát « Tôi viết tên anh trên lá trên hoa... » Không phải là viết những tự-mẫu khô-khan mà là hình ảnh của anh với bao niềm thương nỗi nhớ.

Thế nên, cho đến khi nào những văn, những nét của quốc-ngữ ta ngày nay đi sâu vào tiềm-thức dân-tộc đã tạo nên những hình-ảnh tinh-tứ như vậy thì lối

(1) « Objets inanimés, avez-vous donc une âme

Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer » (Lamartine),

(2) « La société humaine, le monde, l'homme tout entier est dans l'alphabet... A, c'est le toit, le pignon... D, c'est le dos... B, c'est le dos sur le dos, la bosse... C c'est le croissant, la lune... Z, c'est l'éclair, c'est Dieu. »

(Victor Hugo - Voyages)

chữ này mới có đủ khả-năng thay thế lời chữ xưa kia. Nghĩ mà buồn phiền cho bao nhiêu mất-mát thiệt-thời sau hai lần «đổi ngựa giữa dòng» trong truyền thống tâm-tư dân-tộc từ chữ Hán sang chữ nôm, rồi sang quốc-ngữ bây giờ! Đối với chúng ta ngày nay chỉ biết đọc và viết chữ quốc-ngữ thì những áng văn xưa có giá-trị gì hơn là những lời văn truyền khẩu đâu? Ích gì mà bây giờ còn có người muốn đổi thay lối viết này nữa?

Vai trò của mặt chữ được coi trọng đúng tầm-mức như vậy thì thiết-tưởng nên chỉnh-đốn lại một vài quan-niệm hời-hợt lâu nay trong chữ viết.

Trước hết là lối dạy đọc dạy viết cho trẻ con không nên chỉ dạy ráp vần khiến trẻ chỉ biết chữ qua thanh-âm, coi chữ viết như một lối ghi âm bỏ rơi tất cả các giá-trị khác, làm cho về sau trẻ viết sai chính-tả rất nhiều đến nỗi đã học chính-tả nhiều năm mà chưa sửa hết được. Các nhà giáo cũng nên nhận định đúng rằng lối dạy cho trẻ đọc to lên tiếng chỉ là một phương-tiện sư-phạm để kiểm-soát được cách đọc của trẻ chứ vai-trò chính của môn tập-đọc là làm sao cho trẻ nhìn vào chữ mà hiểu ý, hiểu lời. Người ta phàn-nàn trẻ con ta nhiều đứa đọc sách rất chậm hiểu và có đứa phải đọc lớn lên mới hiểu nổi, đó là do lối dạy đọc dạy viết của nhà trường quên mất giá-trị thực-dụng của chữ viết trong đời: ta không nên quá coi trọng thanh-âm mà phải làm sao cho mặt chữ gợi nên ý, phát lên tình trong tâm-lòng của trẻ, lối đọc im-lặng (lecture silencieuse) phải là lối đọc thường-xuyên của trẻ từ lớp nhì, lớp nhất trở lên (1). Người ta chỉ viết ra chữ khi không thể nói với nhau bằng tiếng bằng lời. Hãy trả lại cho văn-tự cái vai-trò trong nguyên-nhân đã húc đẩy con người phát-minh ra nó.

Có điều đáng mừng là ngày nay tu trong tiếng trong giọng người Việt ta, tùy địa-phương mà có nhiều cách phát-âm khác nhau, nhưng tất cả chúng ta đều chấp nhận một chính-tả duy-nhất. Đó là một biểu-hiệu tốt đẹp trong tinh-thần thống-nhất quốc-gia, và cũng là thái-độ mặc-nhiên chấp-nhận rằng văn-tự Việt-nam đã không còn là một lối ghi-âm đơn-thuần như trong nguyên-y của những nhà truyền-giáo đã phát-minh ra nó. Một nếp chính-tả thống-nhất, chặt-chẽ đã làm cho chữ Việt ta thêm chính xác rõ-ràng: những chữ loại-âm (paronymes) như *lan* và *lang*, *cỏ* và *cổ*,... đối với người Miền Nam có thể không gây trở-ngại gì trong khi nói và đã có điệu-bộ và hoàn-cảnh giúp vào, nhưng khi viết mà viết giống y nhau thì quả là tối nghĩa và có khi gây lầm lẫn.

oOo

Vài đề-nghị:

Chữ Việt ta không biến-thể theo số, giống và ngôi (như chữ Pháp) nên tiện cũng đó mà bất-tiện cũng đó, bởi vì nghĩa chữ trở nên quá lệ thuộc vào vị-tri trong câu. Vậy nên, nếu cần tiến tới một lối viết cho nghĩa câu được rõ-ràng chính-xác hơn thì cũng nên, nhân những do-dự hiện giờ của phần đông chúng ta về một đôi cách viết và dùng chữ chưa có nề-nếp ổn-định, chúng ta hãy đưa ra vài đề-nghị định-hướng, còn hơn là để thành thói tục rồi mới nghĩ đến chuyện cải-cách thì không hay:

Có một loại dấu làm tăng được sự rõ-ràng của chữ Việt ta là *dấu nối*. Phạm trong ngôn-từ mỗi ý-niệm mà được biểu-thị chỉ bằng một từ thì ý-niệm ấy mới được linh-hội rõ-ràng chính-xác. Trong

1) Dạy đọc và dạy viết cho trẻ con. Đ. N. T. 1964.

lúc nói, tiếng có thể mau chậm, nhỏ to cùng với điệu-bộ cảnh-tình khiến người nghe dễ hiểu, còn khi viết mà chữ nào cũng liên-hệ như nhau thì thật là tối-nghĩa. đòi hỏi ở người đọc nhiều chú-ý hóa ra chậm-hiểu. Vì đó mà các nhà khảo-cứu về ngữ-pháp Việt-nam thấy đều đề-cao vai-trò của dấu nối. Nhưng ở các trường-học người ta chưa đặt nặng vấn-đề này, gần đây lại có nhiều sách báo như có chủ-trương in không dấu nối nữa. Đó là một sai-lầm không nhỏ bởi vì nếu dấu nối gắn liền hai phần của một từ thì nó thuộc nội-bộ của từ-dạng, không thể bỏ đi mà không đổi nghĩa chữ: *Chợ lớn* là một cái chợ mà *Chợ-lớn* là một thành-phố, *Sông Cầu* là một con sông mà *Sông-Cầu* là một thị-trấn. Nhưng chữ đứng riêng ra thì không có nghĩa hay có một nghĩa hoàn-toàn khác, thì khi đứng chung tất phải nối liền nhau như trong *bơ-vơ, chơi-với, lạnh-lùng, đo đổ, nhà-nước, vân-vân...* Ở nhiều ngoại-ngữ viết theo tự-mẫu la-tinh như ta, họ viết dính liền lại một chữ như trong *bleuâtre, fortement, portefeuille, géographie...* khiến cho người đọc ý-niệm rất rõ-ràng. Thói viết rời phải chăng đã từ chữ nôm chữ Hán ngày xưa còn đến bây giờ? Nếu thế thì thật là lạ bởi vì các cụ ở buổi giao-thời như *Trần-trọng-Kim, Dương-quảng-Hàm...* lại quan-tâm đến dấu nối hơn chúng ta bây-giờ. Người Nhật-bồn viết những danh từ Hán-Nhật thì viết rời, nhưng khi phiên-âm ra lối La-Mã thì cũng viết dính lại. Cũng không thể nói rằng tiếng ta là tiếng đơn-âm mà viết rời, vì xu-hướng nói tiếng đôi, tiếng ba ngay ở người bình-dân ta cũng rất phổ-biến: *sạch-sành-sanh, cà-riêng cà-tỏi, tam-bành lục-tặc...*

Tôi nhớ vào khoảng 1945 có người

đề-xướng viết dính các danh-từ ghép. Nếu ta nêu việc đó thành qui-tắc thì hay biết chừng nào, thẳng hoặc có vài trường-hợp khó đọc thì cũng còn ít tai-hại hơn là viết rời để mà không rõ nghĩa. Bởi vì chữ viết không phải để ghi âm mà để gọi ý, gọi nghĩa, gọi tình.

Lại còn điều lạ nữa là khi phải dùng đến những danh-từ ngoại-ngữ trong chữ Việt thì thay vì viết dính lại như *nguyên-văn*, chúng ta đã tách rời ra để rời viết dấu nối lại! Đó là lối phiên-dịch các nhân-danh và địa-danh trong một số sách báo hiện giờ.

Ngày xưa văn-học ta còn lệ-thuộc Tàu nên cứ theo lối phiên-dịch của Tàu mà viết ra tiếng Việt, người Tàu có lối viết họa-hình nên không viết dính được. Ngày nay chúng ta viết theo tự-mẫu La-tinh và có nhiều quan-hệ văn-hóa với Âu Mỹ; văn-tự phát-sinh trong thời nào thì có mang vết hằn của thời ấy cũng là lẽ tự nhiên. Cho nên nếu cần phiên-dịch các nhân-danh và địa-danh Âu Mỹ, ta không nên đi quá xa nguyên-dạng mà cũng đừng viết rời ra làm cho người đọc bỡ-ngỡ vì mất cả bản-sắc của nguyên-danh. Nhiều tên mà nhận biết được người hay đất thuộc nước nào là một đòi hỏi chính-đáng xưa nay của người đọc. Cũng chỉ có luật thông-dụng là có giá-trị ở đây và chỉ có lối viết nào nói được nhiều ý-nghĩa, thỏa-mãn được nhu-cầu người đọc, mới là lối viết thông-dụng.

Cuối cùng tưởng cũng nên nói đến lối dùng và viết những danh-từ Hán-Việt. Chữ Hán ngày nay đối với chúng ta đã được coi như một từ-ngữ-nguồn-gốc, cũng giống như các chữ Hy La với nhiều nước Âu Tây. Nhiều nhà ngữ-pháp ở nước ta đã đề ra phương-pháp truy về tự-nguyên chữ Hán hoặc chữ

nôm mà viết cho đúng chính-tả Việt-ngữ (1) để phân-biệt những chữ có d, gi, s, ai, ay, ch, tr... dấu hỏi, dấu ngã. Đó là một bằng-chứng rằng xưa kia ông cha ta đã viết theo lối họa-hình mà chính-tả rất rành-mạch còn làm được mẫu-mực cho chúng ta ngày nay. Cho nên dù nay ta có dùng lối viết quốc-ngữ, ta cũng không làm sao dứt bỏ với cái nguồn Hán-tự được. Trong các ngôn-ngữ lâu đời vẫn có hai hình-thức tiếng bình-dân và bác-học; ở Việt-ngữ, chữ Hán từ lâu đã là nguồn tiếng bác-học mà còn cung-cấp cho ta nhiều tiếng mới cần-dùng trong văn-học, triết-học ngày nay. Chúng ta không nên vì một mặc-cảm "sợ tỏ ra lệ thuộc" mà lại viết "máy bay lên thẳng" thay vì "trực thăng", hoặc "khoảng thời khoảng không" thay vì "thời-gian không-gian." Bởi vì "máy bay lên thẳng" không phải là một danh-từ mà chỉ là một khúc-giải (paraphrase) hay chỉ là một lối dịch nghĩa dài dòng (traduction paraphrastique). Trong Hán-văn, «trực-thăng» có thể là một lối

nói, một thành-ngữ, nhưng vào tiếng ta, nó đứng riêng hẳn ra với dấu nối để làm một danh-từ rất rõ nghĩa. Nếu muốn nói «chiếc trực-thăng đứng trên trời» mà phải nói «chiếc máy bay lên thẳng đứng trên trời» thì rất dễ bị lầm lẫn.

Nói chung thì chữ Hán-Việt nhờ có bản-cách riêng, và theo một ngữ-pháp khác mà khi dùng trong câu tiếng Việt, nó đứng hẳn riêng ra khiến cho câu viết rất rõ-ràng. Việc dùng quen còn tạo cho nó nhiều nghĩa mới làm cho tiếng ta thêm phong-phú: «Cờ» không có nghĩa như cũ hay xưa, «thăng dùng riêng không giống nghĩa với lên, chữ địa không dùng như chữ đất,...

Nếu văn-tự là một nếp sinh-hoạt của quốc-gia thì cũng như quốc-gia, nó phải có nguồn-gốc, lẽ sống và một con đường tiến thủ.

ĐOÀN-NHẬT-TÂN

(1) Ngữ Pháp Việt-Nam của Đoàn-quốc-Sỹ và Đoàn-viết-Bửu trang 177.

BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN

THUỐC ỒNG UỐNG

RUBICAL

Calcium B12

Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
ĐƯỜNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

SỐ KIỂM NHẬN: 2.039 ngày 26.2.66



Lời đáp của thanh niên

Cho ra loại sách « Thư ngỏ », nhà xuất bản Albin Michel muốn gây lại không khí tranh luận sôi nổi của thế kỷ trước, nhưng hình như không đạt được mục đích: trong các báo Pháp bán ở Sài-gòn, chúng tôi chỉ thấy hai bức thư của hai thanh niên Pháp trả lời André Maurois.

— Một bức thư của một sinh viên ở Đại học Caen ký tên Jean-Pierre Colin, đăng trên tạp chí Arts Loisirs số 29/3 — 4/4-1967. Thư này trả lời chung cho André Maurois và Pierre-Henri-Simon (cũng ở trong Hàn Lâm Viện Pháp). Vì gần như cùng một lúc với Maurois, Simon cũng lên tiếng khuyên thanh niên trong cuốn *Pour un garçon de 20 ans* (nhà xuất bản Le Seuil). Sinh viên đó có giọng hãnh học, khinh bỉ, nhắm đả Simon hơn, nhận rằng ít gì Maurois cũng « có cái phong thể của một người không làm cái nghề luân lý gia có môn bài, và chỉ mong sống sao cho thỏa thuận với chính mình, chứ không cho rằng mình nắm hết được chân lý ».

Cũng có chê Maurois đấy, nhẹ nhẹ thôi, chẳng hạn bảo Maurois như một cái khung lớn, cũ quá đặt ở đầu con đường [đưa vô nhị tí văn chương, dưới khung đó treo một cái bảng ghi nhan đề tiểu thuyết « Climats » của ông. Ở một đoạn khác, Colin trách ông sao lại bảo chúng ta phải luyện tập cơ thể (*entraînement du corps*) như luyện tập một con ngựa (coi bài VI) nhưng cũng vẫn là nhắm Simon hơn vì Simon dùng chữ « dressage » nghĩa còn nặng hơn (*entraînement*).

Tóm lại Colin không ưa nhân sinh quan của Maurois nhưng không thấy cần phải phản kháng. Trái lại chàng chỉ trích Simon rất hăng, chẳng hạn cho rằng Simon không hiểu gì về phát Siêu thực, về khoa Phân tâm, về triết học Hiện sinh, mà lại hạ con người xuống ngang hàng với súc vật...

— Một bức nữa, cũng của một sinh viên, Alain Mesnard, đăng trong *Figaro littéraire* số 15-9-1966. Tuổi đôi mươi mà chê một cụ già tám mươi là cổ hủ thì là chuyện thường rồi; khen cụ già đó là rất gần với mình, hơn cả cha mẹ mình nữa, mới là điều lạ. Chắc Maurois đã mừng rằng gặp được một Nathanael, có phần còn hăng hái hơn mình nữa. Tuổi trẻ mà!

Lời trong thư chân thành, văn vẻ, đôi chỗ mỉa mai, di dỏm; tôi cũng xin dịch lại dưới đây để các bạn thanh niên nước ta biết được tâm sự một bạn cùng lứa

(1) Đăng trên Bách-Khoa từ số 256 (1-9-68) đến số 264 (1-1-68).

với mình ở Pháp — và cũng để các bậc phụ huynh suy ngẫm nữa, vì tôi xin thư a rằng chàng Mesnard đó oán trách thế hệ ông cha của chàng một cách chua xót đấy.

Riêng tôi, tôi đã bâng khuâng khi đọc bức thư của chàng. Nhìn chung quanh, tôi thấy nhiều người vào cái tuổi của tôi, chịu ảnh hưởng đậm của phương tây, có tinh thần mới, tinh thần dân chủ trong sự dạy dỗ con cái, mà rồi phải ân hận rằng giá nghiêm khắc hơn, thì có lẽ tránh cho chúng được nhiều lầm lẫn, tiết kiệm được cho chúng nhiều năm dò dẫm, phí sức. Rồi đây, không sớm thì muộn, làm sao chúng ta chẳng phải nghe những lời tương tự lời của Mesnard ! Người ta đã tính xử tử kẻ giết giáo sư Trần Vinh Anh. Nhưng còn cha mẹ, thầy học của hắn có chịu một phần trách nhiệm không ? Nền giáo dục trong gia đình và học đường của chúng ta có chịu một phần trách nhiệm không ?

THƯ NGỎ CỦA MỘT THANH NIÊN gởi cụ André Maurois ở Hàn-Lâm-Viện

Kính thưa Cụ và Tiên sinh,

Tôi đã đọc Thư ngỏ gởi một thanh niên của cụ, đoạn nào cũng thích thú và nhiều đoạn cảm động. Tôi hai mươi tuổi. Tôi tiếc rằng tập thư mà cụ cho in đó, không phải cha tôi, cha đẻ ra tôi viết cho tôi để dạy dỗ tôi. Hỡi ơi ! Cha tôi chỉ nói với tôi toàn những chuyện bá láp cả, cụ ạ. Luôn luôn ông ở bên cạnh vấn đề. Hoặc, đúng hơn, ông không ở đâu hết. Vì tuổi của cụ bằng bốn tuổi của tôi, cho nên cụ không biết một điều, có lẽ điều độc nhất mà tôi có thể chỉ cho cụ được : ở nước Pháp không còn hạng làm cha nữa. Cụ may mắn đã có được một người cha. Tôi thì không ; mà tất cả bọn trai trẻ trong cái thế hệ tôi cũng không nốt. Chúng tôi chỉ có những bạn bè. Mà bạn bè là gì. Là một người không phê phán, không ra lệnh, không làm gương ; bạn bè là một kẻ bàng quan. May lắm thì là một kẻ a tòng. Từ khi chào đời, tôi sống ở bên cạnh một ông đã sinh thành ra tôi, nếu tôi tin được số hộ tịch, nhưng nhiệm vụ làm cha của ông chỉ có bấy nhiêu thôi. Ông kiếm tiền, ông nuôi tôi, tất nhiên, ông cho tôi đi học, mỗi tuần ông chia cho tôi vài tấm giấy bạc để tôi chơi bời. Thế là hết nợ với tôi. Không bao giờ nói một lời nghiêm trang hay có ích. Không bao giờ ông giảng cho tôi hiểu thế giới, xã hội, những đam mê, quyền lợi, những cái điên khùng của con người. Có lẽ ông không biết những cái đó. Có bao giờ ông đọc cái gì khác tờ báo hằng ngày không ? Tôi tự hỏi tôi như vậy.

Tóm lại là tôi phải làm lấy hết, một mình học lấy hết, như vậy lâu lắc vô cùng mà không tránh khỏi tai họa hằng ngày. Và tôi thấy đời tôi hiu quạnh quá, khô khan quá chừng. Khi tôi bốn chục tuổi, không biết đã bắt đầu hiểu được chút gì chưa đây ! Cuốn sách của cụ có lẽ giúp tôi tránh được vài lầm lẫn, nghĩa

là tiết kiệm được vài tháng. Xin đa tạ cụ. Nhưng tôi gặp cụ hơi trễ. Đáng lẽ tôi phải được nghe lời chỉ bảo của cụ từ hồi năm tuổi kia. Tôi hơi có học thức vì đã là một học sinh tồi, do đó có thì giờ để đọc lên những tác giả tốt. Còn về giáo dục thì chẳng có lấy được một tí xiu. Mà đáng lẽ ra tôi rất cần có một

bực thầy chức. Thưa cụ, kinh nghiệm bản thân mà tôi giải bày với cụ đó, là cái phận chung của bọn trai trẻ ở cái tuổi tôi. *Hết thầy chúng tôi mồ côi cha.* Bậc thân phụ chúng tôi, vào tuổi ngũ tuần, cụ tù binh, con cụ chiến sĩ, là những người con quá bé nhỏ của những người cha quá vĩ đại (1), đã bỏ rơi chúng tôi. Nếu tôi, một ngày kia mà có con, tôi sẽ không bỏ chúng đâu : bao nhiêu cái bặt tai mà trước kia tôi không được nhận thì sau này tôi sẽ tặng chúng hết để tỏ cho chúng thấy rằng tôi yêu chúng và quan tâm tới tâm hồn của chúng hơn cả.

Một bức thư ngỏ gửi cho một thanh niên, cái đó tốt, có ích. Và chắc chắn rằng với tám chục tuổi của cụ, cụ gần với chúng tôi hơn là cha mẹ chúng tôi. Là vì cụ nói với tư cách một người đã được biết một xã hội. (2) Chắc là thú lắm, mà được sanh vào một thế giới có trật tự, sáng sủa, trong đó các giá trị được đặt đúng chỗ của nó, trong đó người ta chính thức dạy cho cụ phải yêu nước, tôn kính bậc huynh trưởng, tin Chúa, lương thiện làm việc, phải nhân từ, tin ở một tương lai tốt đẹp hơn, vân vân ! Cụ được sanh vào cái thế giới đó, cụ thật là có phước ! Ngày cụ chào đời với ngày chúng tôi chào đời, cách nhau sáu chục năm. Trong sáu chục năm đó, cha chúng tôi và ông chúng tôi phá hoại xã hội, liệng mọi giá trị xuống đất, giết Chúa, giết luân lý, văn chương, hội họa, âm nhạc. Và ông cha

chúng tôi, bọn phá hoại đó, tặng chúng tôi những gì để thay vào những cái đó ? Tặng chúng tôi kỹ thuật và cái triết lý phi lý. Sự đẽ bùa mới đẹp chứ ! Tiện nghi, xe hơi, phòng tắm, xi nê, máy phá vỡ hạch tâm, tuyệt vọng, tính dục, đó các thần tượng của thế giới hiện tại đây. Cụ nghĩ coi, thanh niên làm sao mà thích ứng với những cái đó cho được ? Nếu thích ứng được thì cái hạng thanh niên đó không đáng cho một bậc chính nhân như cụ gửi cho họ những « bức thư ngỏ. »

Thưa cụ, thanh niên rán hết sức tránh khỏi cái tiện nghi, cái kỹ thuật, cái mớ sắt có tà thuật nó vượt đại dương trong ba giờ đó, tóm lại là tránh khỏi cái vật chất. Chính họ, họ không hiểu thực rõ cái tâm trạng đó đâu, họ hành động do bản năng, vì họ cảm thấy rằng tất cả cái vật chất ưu thắng đó nguy hại cho họ. Thế là họ hóa ra cực đoan, để tước bỏ xù cho giống con người ở thế kỷ XVII, lần trốn bọn người lớn mà họ có đủ lý do để khinh bỉ. Họ nghĩ rằng tập hợp nhau lại và cách biệt với người lớn, tạo một vòng đai kiểm dịch ở chung quanh thì sẽ khỏi mắc cái bệnh của thế giới hiện tại.

Thế giới điên rồi cụ ạ, mà thanh niên từ hồi nào tới giờ vẫn muốn được sáng suốt, nghĩa là muốn tìm ra được chân lý. Mà chân lý ở trong sự trong sạch, sự nghèo khổ, sự hy sinh, trong những việc khó khăn, trong các nguy hiểm, trong sự phản kháng. Nó không ở trong cái tương lai đồ hộp, máy làm việc nhà, bom uranium, và du lịch lên mặt trăng. Cụ ạ, điều mà chúng tôi không tha thứ cho bậc đàn anh chúng tôi, và nó làm cho chúng tôi thành một lớp thanh niên hơi khác tất cả những lớp

(1) Tác giả chê thể hệ của cha ông mình tức thể hệ giữa hai thế chiến mà đề cao thể hệ trên nữa, tức thể hệ trước thế chiến thứ nhất.

(2) Tác giả muốn nói cái xã hội trước thế chiến thứ nhất, thời đó nước Pháp thịnh và mạnh.

thanh niên từ hồi khai thiên lập địa tới nay, là bậc đàn anh chúng tôi đã đem lại cho chúng tôi một cái nó làm cho chúng tôi ghê tởm : tức sự tấn bộ.

Cái tấn bộ (1) là cái ngu xuẩn. Schiller mà cụ đã dẫn bảo rằng ngay các vị thần thánh tấn công cái ngu xuẩn mà cũng không diệt nổi. Bi kịch của chúng tôi là chúng tôi biết rằng chưa chiến đấu chúng tôi đã phải thua cái tấn bộ bỉ lậu đó rồi, vô phương ngăn cản nó được mà mọi sự sẽ mỗi ngày một tệ hơn, loài người sẽ mỗi ngày một ngu xuẩn hơn, Ngay người Trung Hoa, người Ấn Độ hiện nay nghèo khổ làm vậy, một ngày kia cũng sẽ hóa giàu và ngu ngốc. Thừa cụ, tôi nói thực đó, không còn hy vọng gì cả cụ ạ. Luôn luôn có sự bất ngờ xảy ra trong thế giới chúng ta ; sẽ chỉ có thể là một sự ngạc nhiên thích thú thôi. Vì tôi đã chờ sẵn cái tệ nhất rồi.

Thừa tiên sinh, một chủ đề của tiên sinh, tôi xin thú thực đã làm cho tôi cảm động, là không nên hấp tấp mà nên rón tiết kiệm cách mạng được chừng nào hay chừng đó. A, chúng tôi hơn hờ làm sao, được theo cụ trên con đường đó ! Nhưng cụ không cần nói với chúng tôi điều đó, mà cần nói với bậc cha chúng tôi kia. Các ông ấy đã chông chắt lên nhau hết cách mạng này tới cách mạng khác ; các ông ấy đã phá hủy hết thảy. Từ một bức họa của Degas (2) tới một bức họa của Manessier, (3) thời gian không đầy năm chục năm. Năm chục năm, bằng ba bốn thế hệ. Như vậy

(1) Chúng ta nên hiểu : tấn bộ kỹ thuật.

(2) Họa sĩ Pháp trong phái cổ điển (1814-1817).

(3) Họa sĩ Pháp (1911-) ưa nghệ thuật trừu tượng.

không phải là cách mạng thì là gì ? Rồi thừa tiên sinh, còn loài ngựa nữa ! Loài vật tội nghiệp đó, trong hai chục ngàn năm, được coi là sự chinh phục đẹp đẽ nhất của loài người, thì bây giờ đây chỉ còn thấy ở trường đua Longchamp. Cách mạng ư, có buổi sáng nào mà chúng tôi không thấy các ông già tham lam vô độ ấy không làm một cuộc cách mạng và gây cho chúng tôi một nỗi kinh hoàng càng ngày càng tăng. A, thừa tiên sinh, thừa tiên sinh, nếu tôi có được cái tài và cái vinh quang của tiên sinh thì tôi sẽ viết bức thư ngỏ gửi cho các ông già. Chính họ mới nói hoài về tương lai, làm điếc tai chúng tôi về cái vị lai mà họ hăm hờ dự bị đó, mà họ muốn di tặng lại cho chúng tôi, như một người cha hoang toàng để lại một sự phá sản cho bọn kẻ thừa. Xin tiên sinh tin chắc đi, bọn kẻ thừa sẽ phải trả hết nợ cho họ, một xu cũng không thiếu. Năm 1966 này, tôi được hai chục tuổi, phải đời cái gì để được hai chục tuổi vào cái năm 1666 thì tôi cũng xin đời ! Tôi không nhớ rõ ai đã nói như vậy : " Thời này, nên làm ra vẻ một người ở thời đại khác thì hơn. Như vậy bảnh hơn." Tôi cho rằng lời đó có thể là châm ngôn của thanh niên hiện nay. Cho nên cuốn sách của cụ, đọc một cách kỹ lưỡng — chúng tôi làm cái gì cũng kỹ lưỡng — đã có ích cho chúng tôi, và rất cuộc, cụ đã có lý mà gửi nó cho chúng tôi. Hạng người năm chục tuổi, tôi muốn nói hạng hiện đại, không hiểu được cụ đâu.

Alain Mesnard
NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

HÓA CHẤT THAY CÀY

*Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta,
Cày cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây, trâu đó, ai mà quản công ?*

Nói chuyện trồng trọt, công cuộc đầu tiên ta nghĩ đến là xới đất, cày bừa. Cuộc một mảnh vườn nhỏ chẳng cần phải máy móc gì. Nhưng khi có một vài mẫu đất, số nhân công vọt tăng lên và lưỡi cuốc cũng không còn đủ sâu nữa. Từ đây cái cày ra đời. Là của thần Osiris sáng chế ra như người Ai-cập thuở trước hằng tin tưởng, hay nhờ Tích-Quang dạy dỗ cácà dùng như đã chép trong sách sử nước ta, cái cày đã là dụng cụ căn bản của mọi cuộc trồng trọt. Nhưng có cày chưa đủ : người nông dân còn cần phải có trâu, ngựa hay máy kéo mới di chuyển được cái cày. Hình ảnh người thiếu phụ Việt-nam bị bằm trong bùn ruộng dưới ánh nắng chang chang, suốt ngày nai lưng kéo chiếc cày là một quá khứ đau thương ta luôn còn nhớ.

Nhưng không thể hủy bỏ cái cày được ; từ mấy ngàn năm nay, mọi dân tộc trên mặt đất đều phải dùng phương cách này để kéo lên mặt đất những mùn, thịt, chất bồi chôn sâu ở dưới. Đồng thời đất thành ra xốp để đón nhận những hạt sẽ gieo vào. Cày xới còn có lợi ích khác nữa là giết chết cỏ vật

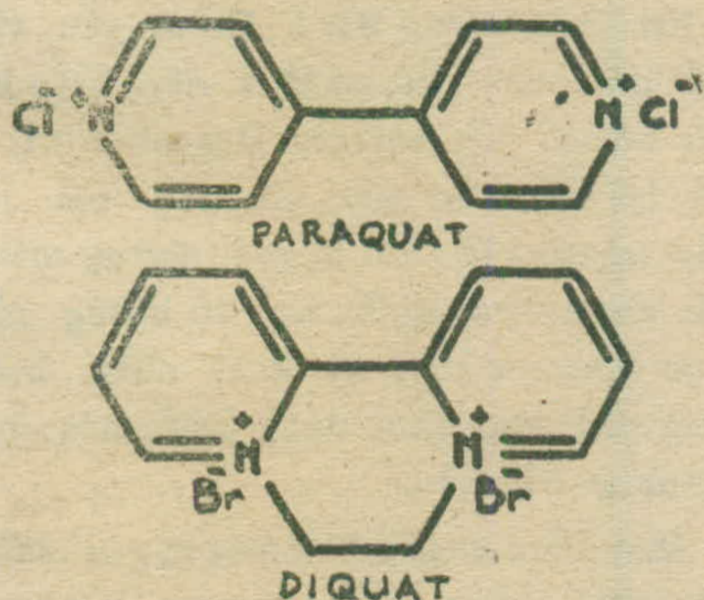
cùng những mảnh cây rơi rớt từ mùa trước vì khi đất bị đảo lộn thì những rễ cây bị hất ra ngoài.

Tuy nhiên, nếu cày đất là một công tác quan trọng, người ta cũng nhận thấy nhiều điều bất tiện : người ta trách lưỡi cày đã cắt đứt những rễ cây muốn giữ. Đàng khác khi rễ cây quá lớn thì không sao cày qua được. Hơn nữa ở những vùng đồi núi độ dốc quá lớn thì chiếc cày hoàn toàn vô dụng. Ngoài ra cũng nên biết không phải cày xới lúc nào cũng được, thời tiết là một yếu tố cần thiết lắm khi đã phá rầy không ít tổ chức mùa màng.

Trước sự cần thiết của cuộc cày xới và những bất tiện của nó, nhiều người đã nghĩ cách dùng phương pháp khác thay thế. Ý kiến dùng hóa chất giết cỏ không phải mới có : từ cuối thế-kỷ trước người ta đã có thử nhiều chất. Rồi thay những hóa chất đã dùng không đáp ứng nhu cầu đòi hỏi : hoặc chúng không giết hết tất cả các cỏ hoang, thành thử những loại còn sống sót có chỗ và dư thừa thức ăn mặc sức nảy nở ; hoặc chúng giết chết tất cả cây cỏ, ngay cả

những loại người ta muốn trồng, thành thử phải bỏ hoang đất một dạo khá lâu cho hóa chất tiêu tan mới lại trồng trọt được. Đáng khác, những hóa chất còn lưu sót trong đất làm sụt nhiều hiệu thực mùa màng. Nói chung, những hóa chất khó dùng, khó trừ, nếu cần phải muốn thêm hóa sự mới xử dụng được thì thành ra quá đắt đỏ, chẳng còn lợi gì so với phương pháp cày xới.

Vậy thì muốn cuộc dùng hóa chất được hiệu nghiệm và lợi ích hơn, cần phải tìm ra cho được những hóa chất vừa ít nguy hiểm, dễ dùng, vừa có những tính chất đúng như nhà nông mong muốn, những hóa chất màu nhiệm này, hãng hóa học bên Anh Imperial Chemical Industries Limited đã tìm ra được và sau những công tác thử dùng, nay mai có thể gây ra một cuộc



cách mạng trong ngành nông học, mở ra một kỷ nguyên mới trong kỹ thuật trồng trọt. Paraquat và diquat: hai tên hóa chất rồi đây sẽ được nhắc nhở đến nhiều.

Hóa chất rất nhiều tiện lợi.

Paraquat và diquat là hai loại muối pyridin với clo hoặc brom. Cả hai đều là chất lỏng không màu; tiện lợi đầu

tiên là có thể cho phun dễ dàng lên cây, lá. Khi vào trong một ngọn lá xanh, hóa chất theo nước — vì chúng có tính chất tan hòa được trong nước — dễ dàng thông vào những tổ chức của cây, đặc biệt vào tế bào thực vật chứa đựng lục-diệp-tố. Ta biết lục-diệp-tố khử thân khí ra thành dưỡng khí. Biến ra thế thức những phần gốc tự do, paraquat và diquat liền tác dụng ngay với dưỡng khí vừa mới chế tạo ra. Phản ứng oxi-hóa này có hai kết quả: một đấng paraquat và diquat hiện ra thế thức muối như trước, thành thử không bị tiêu mất, từ đây tiện lợi thứ nhì là không cần dùng nhiều; đấng khác những hytri dioxit và những peroxit được cấu tạo ra, mặc sức phá hoại những màng tế bào thực vật và từ đấy giết hại cây cỏ. Vậy dưỡng khí càng nhiều thì phản ứng càng nhanh, cỏ hoang càng mau chết nhưng đồng thời hóa chất lại càng bị kẹt một nơi không lan tràn xa được. Biết dưỡng khí là do phản ứng quang-hóa-học tạo ra (xin đọc Nobel khoa học 1965, B.K.T.Đ. số 213, đoạn Tổng hợp quang học trong cây cỏ), nghĩa là dưới ánh nắng mặt trời, người ta chỉ phun hóa-chất vào lúc ban chiều, trước tối hay những hôm mây mù u ám để cho công cuộc được nhiều thực hiệu.

Bên cạnh khả năng chỉ tác dụng vào lá cây xanh tươi, paraquat và diquat còn có một tính chất khác cũng không kém phần quan trọng và hiển ta điều tiện lợi thứ ba: chạm vào đất thì chúng hoàn toàn bị tiêu hủy ngay! Thật vậy, muối pyridin là do một bado yếu cấu thành, nghĩa là pyridin rất dễ bị một bado mạnh khác đẩy đi để chiếm chỗ. Khi rơi xuống đất, nó dính ngay vào những khoáng chất chứa đựng trong đất sét, dính cứng đến nỗi trong phòng thí nghiệm phải đem đất sét đun sôi với axit sulfuric mới

lấy ra được. Như vậy nghĩa là paraquat và diquat chắc chắn chỉ nằm trên mặt đất, tác dụng vào những cỏ hoang cây dại đã mọc từ tung mà không xông sâu vào đất phá hoại rễ cây muốn trồng.

Những người thường thắc mắc thấy hóa chất ngày càng vào nhiều trong mọi thức ăn, không khỏi e ngại tự hỏi paraquat và diquat sẽ có hại gì cho con người. Nhưng chuyên-gia sinh vật hóa học không quên mặt này và đã từng thử với bắp, khoai, đậu cà: nếu cho paraquat và diquat vào cây tươi, cây chỉ chết đi mà chẳng biến hóa hóa-chất ra thành những chất khác. Nếu không vào trong cây, paraquat và diquat có thể bị mặt trời làm phản ứng nhưng những chất cấu tạo ra không có hại gì. Bây giờ chỉ còn xem xét phần paraquat và diquat không vào cây cỏ, không bị tiêu hủy dưới đất mà lại được thú vật hoặc ngay con người trực tiếp ăn lẫn với rau lá. Thử với chuột, người ta thấy phần lớn paraquat và diquat đều bị đào thải ra ngoài. Các ống tiêu hóa giữ lại trong khoảng 48 tiếng đồng hồ từ 5 đến 10% rồi cũng cho ra ngoài chứ không tích trữ chút nào. Để xem xét những tác dụng lâu dài, người ta cũng đã từng cho chó và chuột ăn luôn trong hai năm: chúng vẫn mạnh khỏe như thường.

Những hóa-sư hãng ICI cũng còn có khảo cứu tác dụng của paraquat và diquat lên những vi-sinh sống trong đất. Họ nhận thấy cây cỏ bị hóa-chất giết đi thì bị vi-sinh tiêu hủy, biến hóa ra thành amônhiac và những vi trùng oxi-hóa ra thành nitrit, nitrat: những vi sinh, vi trùng này sống như trong những luống đất cày. Hơn nữa, số trùn tăng lên có khi đến 100%, rất có lợi cho cuộc trồng trọt vì chúng di chuyển, đào

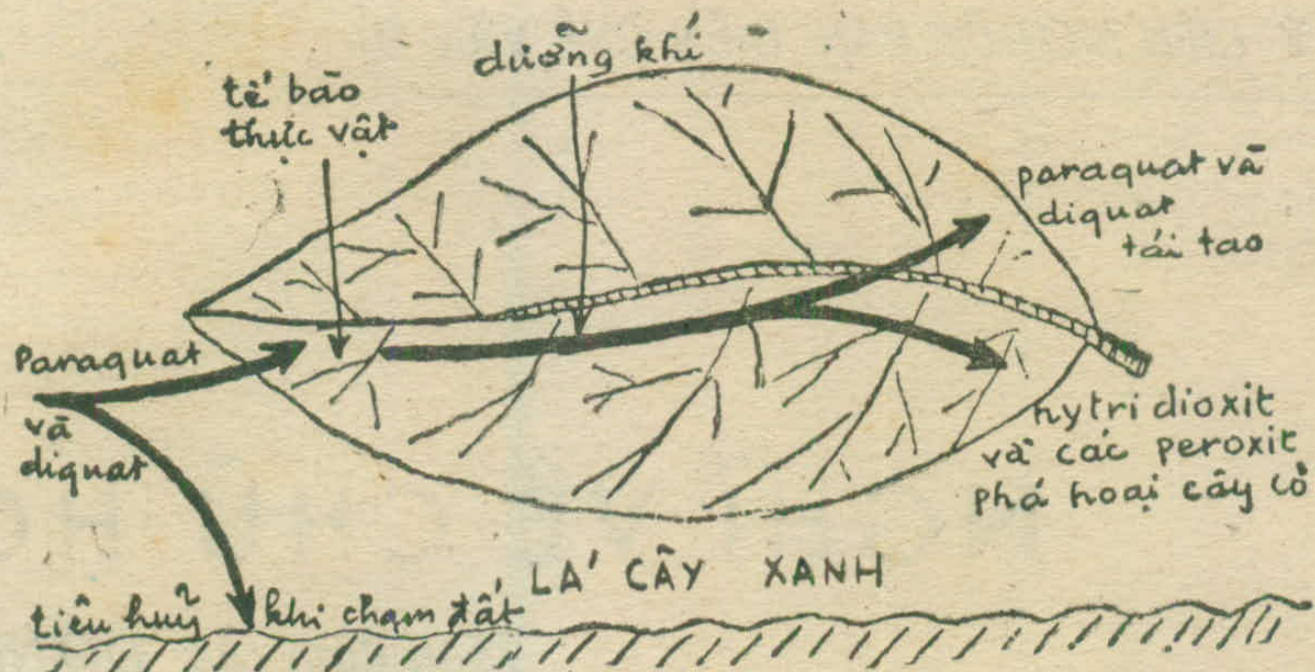
bới làm thoáng khí đất đai. Nói tóm lại, paraquat và diquat không có hại chút gì cho người, cho vật và các vi sinh trong đất.

Hóa chất chưa thể thay cày

Ngang đây, ta hỏi ngay: tiện lợi như vậy thì còn đợi gì mà không đem dùng khắp nơi, thay thế chiếc cày? Nhiều người nghi hoặc không tin hóa-chất có thể giết cỏ tốt hơn cày. Nhưng người chế, tạo và bán hóa-chất thì chứng minh trái lại: khi cày, mặc dầu những luống đất đảo lộn, gặp nước, cỏ hoang vẫn còn sống được; hơn nữa có những hạt cỏ chôn vùi dưới đất lại được chuyển lên mặt đất và nảy mầm. Với hóa chất thì không có chuyện bất tiện này.

Những người chưa chịu theo hóa-chất có thể bảo lại: như vậy thì hóa-chất không thể giết được cỏ hoang đang còn là hạt chôn trong đất! Điểm yếu của việc dùng hóa-chất có lẽ là đây. Tiện lợi của nó chỉ giết hại cây lá xanh tươi, ở đấy lại thành ra một bất lợi; bất lợi này lại càng lớn khi ta gặp những mảnh đất chứa đựng nhiều loại cỏ hoang này mọc ở những thời kỳ khác nhau, buộc lòng phải cho phun dùng nhiều hóa chất thành ra đắt tiền.

Một điểm khác mà những người chống hóa-chất không quên đưa ra là những mục đích khác của phương pháp cày xới: thật vậy, cày xới không chỉ phải để giết hại cỏ hoang mà còn để sửa soạn đất đai đón nhận những hạt sẽ gieo vào. Những luống cày có nhiệm vụ hoặc cho thải nước ra ngoài nếu trời mưa ầm, hoặc giữ nước lại nếu gặp lúc khô hạn. Hơn nữa, những mảnh đất xới lên sẽ làm dễ dàng sự nảy nở rễ cây đi tìm thức ăn. Những chuyên gia Anh dựa lên nhận xét những cỏ dại không cần đất



Tác dụng của Paraquat và Diquat (Sciences et Avenir số 251)

được sửa soạn trước cũng có thể mọc nhiều, liền tiếp tục khảo cứu phương cách gieo hạt không cần cày. Để dễ kiểm tra, họ cho gieo hạt song song một bên sau khi cày, một bên sau khi cho phun hóa-chất. Trong luôn bốn năm, từ 1962 đến 1965, họ thử với lúa mì, lúa mạch và rau cải. Kết quả thật đáng khuyến khích vì tương đương với nhau. Riêng về lúa mạch và rau cải, họ còn nhận xét thực hiệu càng lớn nếu phân bón chất đạm càng nhiều, có khi lớn hơn cả bên đất cày. Với những kết quả này, các chuyên gia Anh đã khảo cứu những máy móc có thể trực tiếp đưa hạt vào ngay trong đất còn cứng sau khi phun hóa chất. Máy móc chạy tốt, có đều đất tiền, thành thử những người đã có máy cày không thể bỏ cày để mua những máy

này được. Vì vậy, tuy vận dụng hóa-chất để trừ khử cỏ hoang, các chuyên gia Anh vẫn đang còn ở giai đoạn sửa soạn sơ sài mặt đất trước khi gieo hạt. Họ tin rằng nếu hóa chất chưa thay hẳn chiếc cày, giai đoạn trung gian này sẽ không kéo dài lâu.

Ở Pháp, nói chung cuộc thử có phần khả quan, ở nhiều miền ít mưa, đất cứng, như tuồng hóa-chất không dịch nổi máy cày. Đáng khác, giá tiền hóa chất khá đắt đã làm do dự nhiều nông phu, trừ những vùng đồi núi lỏm chỏm, bấy lâu đất đai phải bỏ hoang. Nhìn về nước ta, nếu ở đồng bằng công cuộc cày bừa có phần dễ dãi thì ở cao-nguyên cũng như ở miền núi Trung Việt có lẽ phương sách hóa-chất sẽ đem lại giải pháp thỏa mãn.

VÕ QUANG YẾN

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
nhãn cỡ áo (étiquette)

NGHĨ VỀ CHỮ HOA

Mạn đàm của ĐÔNG-HỒ

Tiếng Việt thật là tài tình. Tiếng Việt quả là giàu có. Tiếng Việt lịch sự và sang trọng nữa. Tiếng Việt có một tiếng gọi đẹp. Người ơi! Chữ gì mà tên gọi là « *Chữ Hoa* » ?

Đã có bút hoa. Đã có giấy hoa. Đã có tờ hoa. Tự nhiên, cho nên, phải có chữ hoa nữa, cho đủ, cho tròn bộ vận với nhau, tư-sản của con nhà học trò.

Chữ hoa nghe đẹp. Đẹp như đèn hoa, như đuốc hoa, như thuyền hoa, như lầu hoa, như sân hoa như thềm hoa, như tiệp hoa, như rèm hoa, như màn hoa.

Chữ hoa nhìn đẹp. Đẹp như mặt hoa, đẹp như mày hoa, đẹp như miệng hoa, đẹp như giắc hoa, đẹp như năm ngón ngọc hoa tay, bay bướm trên ngọn bút ngòi lông, đẹp như năm ngón ngọc hoa tay mân mê trên đường kim mối chỉ.

Và hãy còn bao nhiêu... « *hoa* » đẹp nữa, trong văn chương, đích thực là trong từ hoa.

oOo

Anh hãy còn Thơ về giáng bút

Em còn Hoa để viết đầu câu

Cho nên, tôi muốn cười si quê quá, đã chép thơ, đã in thơ, mà không nhớ chép cho tôi, không nhớ in cho tôi chữ *hoa*, ở đầu câu. Bài thơ thiếu chữ *hoa*, bài thơ sẽ mất đi bao nhiêu ý đẹp lời thơm.

Hoặc là! Hoặc là, ai đó sẽ cười trả lại tôi. Rằng tôi quê lắm. Là sao tôi không muốn bắt chước như ai, e lệ làm duyên:

Tay ôm đàn che nửa mặt *hoa*.
như người thương nữ trong khoang
thuyền *hoa*, trên bến Tầm dương.

Rằng tôi quê lắm, Là sao tôi không muốn bắt chước như ai, kín đáo khôn ngoan:

Thà nép mày *hoa* thiếp phụ chàng
như người tần phi, sau bức màn *hoa*,
trong thâm cung thúy dịch.

Thôi rồi. Tôi đã quê quá lắm rồi!
Nhưng mà, trong chữ nghĩa, đích thực chữ nghĩa, tôi muốn quê phác, chắc thật, tôi muốn thiết thà như đếm, để cho chữ nghĩa có một nền nếp, có một phân minh, có một qui củ, có một chuẩn thẳng

oOo

CHỮ HOA TỪ ĐÂU ĐẾN VỚI CHÚNG TA

Trước khi ngôn ngữ ta được la tinh hóa bằng lối tả tự tiêu-âm, chúng ta không có chữ hoa.

Thời xưa đó, chúng ta viết chữ Hán; chúng ta viết chữ Nôm. Viết chữ Hán, chúng ta hoàn toàn theo Tàu. Viết chữ Nôm, mặt chữ tuy có thay đổi chút ít, nhưng mà cách tả tự vẫn như cách tả tự chữ Hán.

Chữ Hán, chữ Nôm, không có dấu chấm câu, đã đành rồi, mà cũng không có chữ hoa. Trong bản văn viết, không có chữ nào đặc biệt, không có cách nào đánh dấu, cho biết đó là một đặc danh từ, là nhân danh, là địa danh, là tên tự, tên hiệu, cả niên hiệu nhà vua, cả triều đại trị vì. Cứ nào cần phải kiêng úy, cần phải kính cần, cần phải trang trọng thì có lối «đài». Đài, nghĩa là, bản văn đang viết, gặp chỗ nào sắp xưng danh xưng hiệu người trên, nhắc đến nhân vật nào đáng kính, thì bỏ trắng suốt dòng đang viết dở, rồi mới bắt đầu hàng kế tiếp bằng cách viết cao lên hơn khỏi đầu hàng khoảng một ô chữ. Nhưng mà chữ đó cũng không viết to hơn hay đậm hơn các chữ khác đang viết.

Chỉ có một cách «đài» duy nhất đó mà thôi.

Như vậy, trong chữ Hán, trong chữ Nôm, làm gì đã có danh xưng chữ hoa.

Thế mà, khi chữ Quốc-ngữ, tự mẫu A B C nhập cảnh đến đất này, trong đó, có một loại chữ, người Tây gọi là *majuscule*. Tức thì, Tiếng Việt, có tiếng gọi là «chữ hoa» để đặt tên cho nó.

Quả là Tiếng Việt tài tình. Bây giờ đi đố ai, thử đặt một tiếng nào khác để

gọi cho đẹp và cho đúng hơn từ ngữ đó: chữ hoa.

Nguyên chữ *majuscule* của Pháp, chỉ có một nghĩa tầm thường là: thứ chữ viết to và có một hình dáng khác hơn hường, nghĩa là khác hơn hình dáng chữ thường, thứ chữ nhỏ gọi là *minuscule*.

Đào Duy-Anh, làm sách *Pháp Việt từ điển*, đến từ *majuscule*, dịch là chữ to, chữ hoa. Rồi, không biết nghĩ sao, ông lại chua thêm: *Chữ majuscule* mà dịch là chữ hoa thì không đúng. Chữ hoa đáng lẽ phải để mà dịch chữ *lettre historiée*, thì đúng nghĩa hơn. Đào Duy Anh đã bị châu tuần trong cương vị một dịch giả, cho nên mới nghĩ lệch lạc như vậy. Chớ thật sự, tiếng «chữ hoa» của Tiếng Việt, đâu có phải là phiên dịch tiếng *majuscule*. Đó là tiếng danh xưng khi có một sự vật, một sự kiện, một hiện tượng có xảy ra. Một khi, có một sự vật, một sự kiện, một hiện tượng mới xảy ra, thì tiếng Việt phải sáng tạo ngay một tiếng mới để mà đặt tên, để mà gọi lên. Tiếng «chữ hoa» đó, là một gọi tên là một danh xưng, là một «thấy mặt đặt tên» chớ không phải một từ ngữ phiên dịch đâu. Chúng ta nên nhận định lại.

Theo tôi, quản kiến, khi gặp một đơn tự, một từ ngữ nào của ngoại ngữ mà chỉ đúng hiện tượng, gọi đúng sự kiện, kêu đúng sự loại nào mà mình cũng đã có; và mình cũng đã có sẵn một đơn tự, một từ ngữ, để gọi, để nói về hiện tượng, về sự kiện, về vật loại đó, chúng ta lấy ngay tiếng của chúng ta sẵn có đó mà gọi, mà đặt tên cho nó. Như vậy là phiên dịch. Như vậy gần như là «*mot équivalent*» của Pháp ngữ.

Ví dụ: Pháp ngữ có tiếng *papier*, Việt ngữ có tiếng giấy. Pháp ngữ có tiếng *livre*, Việt ngữ có tiếng cuốn sách.

Pháp ngữ có tiếng *sable*, Việt ngữ có tiếng *cát*. Pháp ngữ có tiếng *terre*, Việt ngữ có tiếng *đất*.

Trong Pháp ngữ, có tiếng *aller*, có tiếng *manger*, có tiếng *épais*, có tiếng *mince* vân vân... Ngay, trong Việt ngữ, cũng có tiếng *đi*, có tiếng *ăn*, có tiếng *dày*, có tiếng *mỏng*, vân vân... Như vậy đó là phiên dịch, đích thực phiên dịch, đúng nghĩa phiên dịch. Bởi vì, người Pháp nhận định và hiểu biết tiếng *le livre*, y như người Việt chúng ta nhận định và hiểu biết tiếng *cuốn sách*. Người Pháp nhận định và ý niệm hành động *manger*, y như người Việt chúng ta nhận định và ý niệm hành động *ăn*.

Trước khi người Pháp đến đây, trước khi tiếng Pháp du nhập vào xứ này, chúng ta đã có sẵn những tiếng *giấy*, tiếng *sách*, tiếng *cát*, tiếng *đất*, tiếng *đi*, tiếng *ăn*, tiếng *dày*, tiếng *mỏng* cổ hữu tự lâu rồi. Đến khi, chúng ta gặp những tiếng *papier*, tiếng *livre*, tiếng *sable*, tiếng *terre*, tiếng *aller*, tiếng *manger*, tiếng *épais*, tiếng *mince*, thì chúng ta đem những tiếng của chúng ta sẵn có mà trực tiếp phiên dịch ngay liền. Như vậy mới gọi được là *phiên dịch*, đích thực một trực tiếp *phiên dịch*.

Tiếng *majuscule* của Pháp ngữ, trong nghĩa là một loại *chữ to*, *chữ lớn hơn chữ thường*, từ trước chúng ta vốn không có sự kiện đó. Từ ngữ «*chữ hoa*» là một từ ngữ sáng tạo, là một sự kiện «*thấy mặt đặt tên*» không phải là một từ ngữ *phiên dịch*. Cũng như *máy may*, *máy bay*, *xe đạp*, *xe hơi*, *nước máy*, *nước đá*, *bút*

máy, *bút chì* vân vân, đều là tiếng sáng tạo, mà không phải là tiếng phiên dịch.

Vì chủ trương như vậy, cho nên tôi mới nói rằng Tiếng Việt đã sáng tạo được tiếng «*chữ hoa*» rất tài tình, rất thông minh.

Nếu là phiên dịch thì chúng ta đã phiên dịch, theo định-nghĩa của pháp-ngữ là : *thứ chữ to*, *chữ lớn*. Dịch như vậy, thì tầm thường mà thiệt thà quá.

Chính, tự điển Tàu, cũng dịch *majuscule* là «*dại tự*» là «*dại khái tự*» rất tầm thường dung dị. Trong lúc đó, thì người Tàu có sẵn biết bao nhiêu lối tả tự mi lệ, có sẵn biết bao nhiêu thể cách khái thư cầu kỳ. Những *chân*, *thảo*, *triện*, *lê*, những *dại triện*, *tiểu triện*, *cổ triện*, những *kim thạch* chung đỉnh minh chi, vô số kể, mà họ không sáng tạo tiếng nào để gọi tên chữ *majuscule*, trong Pháp ngữ.

Một là bởi họ không có lối tả tự *chữ hoa*. Một là bởi con nhà giàu ít quí của, ít chặt chiu chăm sóc tài sản như con nhà nghèo. Chúng ta là lũ con nhà nghèo, cho nên luôn luôn cố gắng chăm nom, giữ gìn tài sản của tổ tiên, và luôn luôn cố gắng kinh doanh làm cho kho tàng chữ nghĩa của chúng ta ngày càng thêm giàu có, càng thêm phong phú, cho lâu dài ngôn ngữ của chúng ta ngày càng đẹp đẽ, lịch sự, sang trọng hơn thêm. Chúng ta vừa phiên dịch, vừa sáng tạo không ngừng. Bản tính khả năng của dân tộc mà cũng là bản tính khả năng của tiếng Việt.

oOo

CÔNG DỤNG CHỮ HOA TRONG BẢN VIẾT

Mọi người, chắc nhận thấy với tôi, rằng nhìn vào một bản viết tay, hay một bản in, thỉnh thoảng lác đác đây đó có xen vào ít chữ hoa, tự nhiên mắt vui vui

như nhìn một bức tranh, trông xinh xinh như nhìn một bức họa. Bởi vì *chữ hoa* làm cho thay đổi mắt nhìn. Không như một bản viết chữ Hán, chữ Nôm, đều

đều, suốt một loạt, Không có một đời thay nào, cho nên làm cho mắt đọc suông tẻ buồn tình, Ai thử đem so bản Truyện Kiều in bằng chữ Nôm với một bản Truyện Kiều in bằng chữ Quốc-ngữ thì sẽ thấy chỗ nhận xét của tôi là đúng. Chữ hoa, trong bản viết, bản in có công dụng tự nhiên làm cho bản viết bản in có một trình bày mỹ quan và tự nhiên cho người nhìn vào, có một mỹ cảm, trong khi xem đọc.

Vì công dụng mỹ-lệ-đích đó mà có nhiều nhà, khi viết khi chép, nhất là khi chép một bài thơ, đã sửa sang nắn nót kẻ những chữ hoa tuyệt xảo. Có ai đã từng cầm lâu trên tay, nhìn ngắm kỹ những trang chữ, và lật chậm chậm những tờ thi thảo của các tâm hồn yêu thơ. Có ai đã từng nâng niu trên tay một tập lưu bút của các nữ sinh, và dở nhẹ nhẹ những tờ hoa tiên. Trên đó, đã gói gắm đã ký thác bao nhiêu tâm sự của tuổi hoa niên, của những tâm hồn hoa mộng. Những chữ hoa, trong đó, là biểu lộ, là tượng trưng

cho bao nhiêu ý đẹp tình thơm. Những chữ hoa, trong đó, chấp chới nhón nhơ như hơ như bướm.

Vì nhận thấy công dụng mỹ quan của chữ hoa mà các nhà đúc con chữ in, đã chế khắc nhiều lối chữ hoa, thật công phu. Có ai đã tỉ mỉ lấy thước mà đo chiều hẹp với chiều rộng, chiều dọc với chiều ngang, có ai đã cẩn thận lấy compas mà ước thử từng đường cong nét uốn chỗ nhỏ chỗ to của từng con chữ "Cập" thì mới nhận thấy dụng ý tinh tế của những nhà đúc chữ.

Ai đó hãy thử dở những quyển sách in đẹp, những bản đặc ấn mà nhìn những con chữ hoa trong đó mà coi.

Con chữ hoa "lệ trình" (lettrine) trình bày ở đầu bản in, trên nền giấy trắng ngà, thơm phức, nổi rõ giữa đám chữ mực đen nhanh nhánh mắt nhưng huyền, chữ hoa thắm đậm nét son tươi, một nụ son của miệng hoa cười cợt. Chưa đọc bài thơ mà chữ tự nó đã nên thơ rồi đó.

GIÁ TRỊ CHỮ HOA TRONG BÀI VĂN

Ngôn ngữ Tiếng Việt có từ-ngữ "chấm câu". Từ ngữ này chỉ cho các thầy đồ, chấm câu trên trang sách, để nghe nghĩa cho học trò. Sách chữ Hán, in không có chấm câu như sách Quốc-ngữ. Khi muốn giảng sách cho học trò, thầy đồ phải đọc kỹ lưỡng, rồi dùng bút son chấm câu, chia đoạn cho phân minh, để thông hiểu nghĩa lý, nhiên hậu mới nghe sách được. Ngày xưa, học chữ Hán, "thập niên đặng hỏa" công phu, mà có người chấm câu chưa thông. Sự kiện khó khăn này, do việc in sách không có chấm câu đã đành, mà cũng do một phần là vì chữ Hán không có chữ hoa.

Không có chữ hoa thì những nhân danh địa danh không có dấu hiệu nào để phân biệt. Mà những đặc danh từ, nhất là nhân danh, thì cũng đều là từ-ngữ, cũng đều là đơn tự, cũng đều là dụng ngữ thông thường mà thôi.

Trong Tiếng Pháp, nhân danh có một loại tiếng riêng, như Paul, như Pierre, như Henriette, như Yvonne vân vân... đã đặc biệt rồi, nghĩa là trong từ ngữ thường, đơn tự thường, dụng ngữ thường không có những tiếng đó bao giờ, mà còn được viết hoa nữa, thì phân minh biết mấy. Đến như chữ Hán, tên là thiên đạo, tên là hữu đức, tên

là *chí hiếu* tên là *mĩ lệ* tên là *đoàn viên* tên là *kiều tiên* tên là *thái tần* vân vân, cũng đều là những từ ngữ thông thường, không có gì đặc biệt hết, lại không có lối tả tự chữ hoa. Mà những từ ngữ đó, khi viết xen lẫn trong câu, đều có nghĩa cả. Cho nên trong nhiều trường hợp, nó là một nhân danh mà tưởng nó là một dụng ngữ thường trong câu văn.

Ví dụ có một câu như thế này : *tùng thiện đạo nhi lai*. Nếu hai tiếng *thiện đạo*, không viết hoa được, thì vẫn có đủ nghĩa là : *Nói theo con đường lương thiện, con đường lành, mà đến*.

Nếu hai tiếng *thiện đạo* là một nhân danh thì phải hiểu nghĩa là : *Đi theo ông Thiện đạo mà đến đây*.

Một ví dụ nữa. Câu rằng : *phi mỹ lệ giả*, Có nghĩa rằng : *Không xinh đẹp gì cả*. Mà cũng có nghĩa rằng : *Không phải là cô Mỹ lệ đâu* Lại cũng có nghĩa rằng *Nước Phi, và nước Mi, đẹp vậy*.

Một ví dụ thêm : Đọc trong bộ *Thủy cổ nguyệt* từng văn gặp câu : *hàm tu thảo thị ngã tâm sở ái mộ*. Hiểu rằng : *Cây cỏ hồ người là nơi lòng tôi yêu mến*. Có nghĩa là : *tôi yêu thích cây mắc cỡ*. Nhưng nếu *hàm tu thảo* có cách viết chữ hoa, thì nghĩa câu văn đã khác đi rồi.

Có một câu chuyện hài đàm, Việt sử giai thoại rằng : Vua Triệu Đà sai cống sứ cho vua Hán. Trong cống lễ có một giống con bọ, làm món gia vị ăn cay cay, là món kích thích tố. Trong bản kê, hài danh rằng : *con quế đố*, nghĩa là *con một (trong) cây quế*. Ý rằng : bởi nó là con một trong cây quế, nó được ăn mặt quế vào bụng lâu năm, cho nên bụng nó mới có vị cay cay như vậy.

Quả là một món vật quý lạ vô cùng. Vua Hán rất lấy làm thưởng thức. Ăn nó, kẻ như là được ăn hết bao nhiêu tinh hoa kết tụ tinh anh của thanh ngọc quế ; nghĩ là một được phần bổ hỏa tráng dương kích thích tuyệt luân. Còn quý hơn những lộc nhung, yến sào, còn quý hơn cả hải sâm, long diên.

Bọn triều thần vua Hán, có người từng ở miền Lĩnh biểu về, biết rõ chuyện, mới tâu rằng :

« *phi quế đố* *nãi* *đà* *cuống* *giả* » Câu này nghĩa rằng : « *Tâu, nó không phải là con một quế đâu, đó là người Đà nói láo, nói gạt (nhà vua) đó* » Nhưng mà câu đó cũng có nghĩa rằng : « *Tâu, nó không phải là con một (trong cây) quế đâu, mà chính đích danh nó là con cà cuống !* ».

Chúng ta thấy chưa. Chỉ vì lối tả tự không có chữ hoa, mà có câu chuyện buồn cười như vậy. Nếu chữ *Đà* đó mà có lối tả tự chữ hoa, thì con cà cuống đã không thành danh xưng là « *con cà cuống* ».

oOo

Bởi vậy, tôi muốn nói chữ Quốc ngữ của chúng ta quả thật lợi, quả thật phân minh, nhờ được có lối tả tự chữ hoa. Là *bất dạ*, là *vô nhật*, là *đại gia*, là *tiểu xảo*, khi đã tả tự bằng chữ hoa đầu : *Bất dạ, Vô nhật Đại gia, Tiểu xảo*, tự dạng rõ ràng như vậy rồi, thì không cần hiểu nghĩa đen nghĩa bóng gì hết. Cứ biết đó là những nhân danh, những tên người. Là *hòn chông*, là *đá nháy*, là *ông thấy*, là *mụ già*, là *chợ gạo*, là *bàu sen* là *hòm rỗng* ; khi đã tả tự bằng chữ hoa đầu, *Hòn chông, Đá nháy, Ông thấy, Mụ già, Chợ gạo, Bàu-sen, Hòm rỗng*, tự

dạng phân minh như vậy rồi thì không cần hiểu nghĩa nào khác. Cứ biết là những địa danh, tên đất, tên xứ, đó đây.

oOo

KẾT LUẬN

Chữ hoa, chẳng những có công dụng mỹ quan, trong bản viết, bản in, mà lại còn có giá trị, có vai trò, trong bài văn, bài thơ. Chữ hoa làm cho bài văn bài

thơ phân minh, khúc chiết, thêm chắc chắn rõ ràng.

Đây mới chỉ đề cập trên phương diện hình thức. Hãy còn trên phương diện tinh thần. Chúng ta nên suy nghĩ và nên nêu thành vấn đề: Chữ hoa nên đặt chỗ nào, nên viết chỗ nào cho đúng tinh thần, cho đúng vị trí, và cho đúng vai trò của nó.

Cúng tôi sẽ đề cập đến.

ĐÔNG - HỒ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
 - CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Giới-thiệu tiểu-thuyết Toàn Phong của *Khương-Quý*

Toàn phong (Gió lốc hoặc cơn trời) viết xong từ năm 1952, tác giả Khương Quý, xuất bản lần năm 1957 và lần đầu tiên đó chỉ in 500 bản. Theo Monsterleet thì trước chiến tranh, ở Trương Hải, Bắc Kinh, ngay các tác giả nổi danh cũng chỉ in 3000 bản, bình thường người ta chỉ in 2000 bản. (1) Vậy con số 500 bản đó không có gì lạ vì chưa ai biết tên Khương Quý mà ở Đài Loan dân số lại ít.

Nhưng truyện mới ra, đã được độc giả chú ý tới liền, phần lớn nhờ bức thư khuyến khích cho Hồ Thích in ở đầu sách. Hồ Thích khen lời văn trôi chảy, bút pháp mạnh mẽ khi tả hoạt cảnh và sâu sắc khi phân tích tâm lý.

Một nhà phê bình, Cao Dương cũng nhận xét như vậy và sắp tác phẩm vào hạng có giá trị nhất trong văn học Trung Hoa hiện đại. Còn Hạ Chí Thanh thì cho là đóa hoa cuối mùa của truyền thống châm biếm chưa cay trong tiểu thuyết Trung Hoa từ Lão Xá, Trương Thiển Dục và Tiền Chung Thư.

Tác giả tả xã hội Trung Hoa từ cuộc vận động Ngũ tứ tới mấy năm đầu Trung Nhật chiến tranh, tức thời nổi dậy của cộng sản, ghi được nhiều chi tiết rất hấp dẫn về những trạng thái thời nát ghê tởm. Các nhân vật cộng cũng như không cộng hầu hết có những cử

chỉ thác loạn — đến nỗi Cao Dương đã ngờ rằng Khương Quý muốn áp dụng học thuyết của Freud; nhưng sự thực có lẽ không phải vậy; tác giả chỉ muốn trào phúng thôi và vạch cho ta thấy rằng sở dĩ cộng sản nổi mạnh được như vậy là vì xã hội đã có sẵn mầm loạn, và một khi những con người thác loạn muốn cải tạo xã hội thì họ không thể thành công được.

Trong sáu chục trang đầu, Khương Quý tả những tổ chức đầu tiên của Cộng Sản ở Sơn Đông, rồi trong 460 trang sau ông chú tâm vào một miền nhỏ, Phương Thành, quê hương của họ Phương gồm một số người truy lạc sống xa hoa nhờ gia tài của tổ tiên mà lại theo Cộng, hoạt động cho Cộng. Họ ăn không ngồi rồi, dâm dục như bầy quỉ (tên địa chủ Phương Nhiệm Vũ vùng phú gia sản để rước một con điếm về nhà,) họ ngu ngốc, tàn nhẫn, cướp tình yêu, cướp địa vị của nhau, tìm cách trả thù nhau... đủ những nét điển hình của xã hội phong kiến đến thời suy loạn. Và họ bất bình về xã hội đó, mong một sự thay đổi.

Nhân vật chính là Phương Tường Thiệu, một văn thần vì thành thực mong

(1) Gần đây, những tác phẩm nổi danh có thể bán hàng vạn cuốn, tấn bộ đã rõ rệt.

cho Trung Hoa thịnh vượng ma theo Cộng. Tác giả dùng nhân vật đó để phân tích tâm lý một số nhà nho có nhiệt huyết thời cuối Thanh, chưa hiểu rõ cộng mà quá tin cậy, biện hộ cho Cộng. Ông ta vô đảng và thuyết phục người cháu là Phương Bồi Lan như sau :

« Từ cuộc cách mạng tháng mười Nga đã thực hiện xong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Ai cũng làm việc, ai cũng cày ruộng, ai cũng có ăn, ai cũng bình đẳng và ai cũng tự do. » Vì Phương Bồi Lan có nhiều sầu muộn về gia đình ông ta đánh ngay vào nhược điểm đó, nó tiếp :

« Tự do kết hôn và tự do li dị. Nếu cháu không tìm được hạnh phúc với vợ cháu thì cháu có thể li dị nó liền và cưới con vợ khác. Nhà nước lập các trại dưỡng nhi, cháu có con thì đem nó vào trại. Không phải nuôi nấng nó, và không phải bận bịu vì nó. Đau ốm thì vô nhà thương, không phải trả tiền; già thì vô nhà dưỡng lão, nhà nước sẽ nuôi cho tới khi chết. Ở Nga người ta đã thực hiện được tất cả những cái đó rồi.

« Ha ! trên trời dưới đất này, còn có một nơi nào sung sướng như vậy không ?

« Mà chính là lý tưởng đại đồng của Khổng Tử đấy nhé : « Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công... » (1)

Tác giả muốn ám chỉ Khang Hữu Vi, tác giả *Đại đồng thư*, và học trò của Khang, Đàm Tự Hồng, tác giả *Nhân học*. Quả thực hai nhà đó cuối thế kỷ trước có những tư tưởng «ngây thơ» như vậy, nhưng Đàm đã mất từ năm 1898, và Khang sau cuộc cách mạng Tân Hợi đã tỉnh mộng. Theo Hạ Chí Thanh, tác giả còn muốn ám chỉ luôn cả Tôn Văn. Điều chắc chắn là Trung Hoa thời đó không

thiếu một hạng nhà Nho không tưởng và hiểu cộng sản một cách hẹp hòi như Phương Tường Thiên.

Phương Bồi Lan nghe lời, vô đảng. Chàng là một anh hùng lực lâm theo lối cổ, rất hào phóng và rất được bọn đàn em kính mến. Vậy là tác giả đã dùng làm nhân vật chính hai mẫu người truyền thống nhưng đã suy tàn của Trung Hoa: mẫu nhà Nho và mẫu hiệp sĩ, cả hai đều được ca tụng trong các truyện cũ.

Nhưng cả hai nhân vật lãnh đạo đó cũng không ngăn cản nổi những sự sa đọa trong và ngoài hàng ngũ cộng sản ; hơn nữa, họ là người có công đầu trong việc tổ chức mà rốt cuộc đều bị phản bội và lật đổ. Cộng sản cũng cố được lực lượng ở Sơn Đông và cả miền bị xáo trộn dưới sự kiểm soát của họ.

Phê bình nhân vật Phương Trường Thiên, Hạ Chí Thanh viết :

« Phương thuyết như vậy là hô hào tách ích kỷ, vô trách nhiệm: ruộng bỏ vợ khi vợ không còn làm vừa lòng mình nữa ; bỏ bê con cái vì lỡ sinh chúng ra trong lúc hành lạc chứ không muốn có chúng. Người ta nghiêm trang giải thích cộng sản bằng những lời của Khổng Tử như vậy để tỏ rằng ngay trong số những người Trung Hoa sáng suốt nhất ở thời cách mạng cũng đã có sự phá sản của các giá trị nhân bản rồi.(...) Các nhà lãnh đạo bất vụ lợi đề cao cộng sản vì họ mong thành lập một xã hội an lạc; nhưng phần tử ích kỷ trong xã hội thì làm sao chống được với những sức phá hoại và tham tàn được chế độ đó cỡi xích, cho tha hồ tung hoành ? »

(1) Câu đó ở đầu thiên Lễ vận trong kinh Lễ bàn về thời đại đồng và thời tiểu khang. Nghĩa là « Ở thời đạo lớn mà thực hành thì thiên hạ là của chung... »

Bọn phong kiến đã thối tha mà bọn cộng sản cũng vô sở bất vi, phương tiện nào cũng dùng, miễn đạt được mục đích. Họ dọa nạt, giết tróc, buôn lậu, khuyến khích tội lỗi, hợp tác với kẻ thù trong từng giai đoạn. Truyện hai con diêm Bàng Nguyệt Mai và Bàng Cầm Liên (hai mẹ con) được đảng viên rất tôn trọng, sợ sệt nữa. — Chúng vừa làm liên lạc viên vừa có nhiệm vụ an ủi đồng chí về nhục dục — đủ cho ta thấy không khí trong tiểu thuyết ra sao. Một kẻ có nhiệm vụ kinh tài cho đảng mà lại đầu cơ cho riêng mình, bị đảng chặt đầu; một kẻ nữa bán đứng sự phụ và đồng thời cũng là thượng cấp của mình, để được thăng chức; một kẻ nữa, từ bỏ tên họ mình mà nhận làm con nuôi một cụ đ.ế.m : toàn là những sự phản trắc trắng tráo và những thói hoạt đầu, năng chiều nào che chiều nấy. Tinh tiết tiến lên tới một cảnh hỗn loạn khủng khiếp.

Tác giả dùng nhiều nét đậm quá, và truyện có vẻ một hài kịch đôi khi phi lý, có nhiều đoạn giễu cợt quá hiểm độc, gần như tiểu thuyết *Les possédés* của Dostoivski, mặc dầu là kém xa về phần triết lý.

Mới đầu Khương Quí dùng nhan đề *Kim Đào ngọt truyện*: truyện con Đào ngọt thời nay. Đào ngọt là tên một quả; vật ở trên đất, trong thần thoại Trung Hoa, có thể ví với con Leviathan, quái vật ở dưới biển, trong thần thoại phương Tây. Như vậy là ông muốn so sánh những sức mạnh thả lỏng của nhục dục, của căm thù, của Cộng sản với con quái vật đó; sau ông đổi nhan đề là *Toàn phong*; có ý lạc quan hơn, ngầm mong rằng xã hội Trung Hoa chỉ như bị cơn gió lốc, gió lốc tan rồi thì sẽ bình tĩnh có trật tự trở lại.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.C

SARTRE trong đời tôi

I) VIẾT ĐỌC TỪ MỘT HOÀN CẢNH

Đọc bài « Triết hiện-sinh và chính trị » của Linh-mục Trần thái-Đĩnh (B.K. số 264) tôi đã nghĩ rằng cha Đĩnh có ý khinh Nguyễn trọng Văn, tác giả bài « Triết học hiện-sinh và những người cầm bút ở miền Nam » đăng trên tạp chí Đất-nước số 2 bằng cách không thèm nhắc đến tên tác giả, và coi tôi, Chủ nhiệm tạp chí như là tác-giả bài trên, khi cha Đĩnh viết: «Tờ Đất Nước của giáo sư Trung có ý muốn buộc tội tôi...». Tôi liền tưởng tới trường-hợp bút chiến giữa Camus và Sartre. Francis Jeanson phê-bình cuốn « L'homme révolté » của Camus trong tạp chí « Les Temps modernes » do Sartre chủ-trương. Camus phản-ứng lại bằng cách trả lời J.P. Sartre và không hề nói động đến Jeanson. (1) Tôi định khi viết bài sẽ nhắc lại với cha Đĩnh những phê phán của Sartre về thái-độ trên trong bài trả lời Camus Nhưng khi gặp cha Đĩnh, tôi được biết sở-di cha không nhắc đến Nguyễn-Trọng Văn là vì sợ đụng đến một người chưa quen biết có thể gây^o lời thôi sau này, điều mà cha muốn tuyệt đối tránh Trước đây cha đã bị một chuyện đụng như vậy, nên rất e ngại.

Thực ra khi viết: «Đất nước của G. s. Trung», cha Đĩnh đã không nói sai

vì tôi là Chủ-nhiệm, trách-nhiệm những gì đăng trong tạp-chí, hơn nữa tôi còn đồng ý về những nét lớn, bài của Nguyễn-Trọng-Văn, nhưng làm sao có thể coi Nguyễn-trọng-Văn như không có được.

Đó là ý-nghĩ của tôi trước khi gặp cha Đĩnh. Sau khi gặp, tôi hiểu ý-định của cha Đĩnh và ghi nhận tôi đã nghĩ lầm cha. Mỗi người đọc và viết từ hoàn-cảnh riêng biệt của mình. Hoàn cảnh bao gồm những kinh-nghiệm sống, kiến-thức, quan-niệm, bậ-tâm, cảm-nghĩ, thiên-kiến, thành phần xã-hội, môi trường giáo-dục. Lời nói, tác phẩm của người khác xuất hiện như thế này hay như thế kia đều tùy theo sự lãnh hội của ta từ những kinh-nghiệm sống, trình độ nhận-thức, ảnh hưởng giáo-dục, bậ tâm ước muốn, thành-kiến tốt xấu riêng tư... .

Thật khó tránh được không nhìn người khác từ một hoàn-cảnh. Đó là thường. Điều lạ là tại sao lời nói, tác phẩm của người khác có thể xuất hiện phù hợp với ý-nghĩa, chủ đích ta muốn gán cho nó, như thể nó được nói lên, viết ra chính là để bày tỏ ý-nghĩa, chủ đích ta gán cho nó. Một đàng không tránh được nhìn người khác theo chủ-quan của mình, đàng khác khả năng

(1) Xem Situations IV trg. 97

của tác phẩm bày tỏ những ý-nghĩa, chủ-đích khác với ý nghĩa, chủ-đích thực-sự của tác giả, đó là nguồn gốc những ngộ-nhận giữa người viết và người đọc.

Đôi khi sự quy định của hoàn cảnh mãnh liệt đến nỗi mặc dầu tác giả đã lên tiếng bày tỏ chủ-đích của mình, tác phẩm vẫn được hiểu theo một chủ-đích khác trái ngược và như vậy không phải vì ác ý, nhưng như thể một cách tất yếu: trong hoàn cảnh như thế, phải hiểu như thế, không thể hiểu khác được.

Chẳng hạn khi Sartre viết vở kịch: «Những bàn tay bần», ông không nhằm chủ-đích chống Cộng, trong việc mô tả tác-phong của người trí thức trưởng giả theo Đảng sợ bần tay, và người cán-bộ cộng-sản thực tế không sợ bần tay; ông hiểu những bản khoản dè dặt của Hugo, người trí thức vào Đảng vì lý-tưởng, nhưng chấp nhận thái-độ của Hoederer mà ông coi là lành mạnh (1).

Tuy nhiên, vở kịch được tung ra vào lúc chiến-tranh lạnh đang phát-triển mạnh, nên người đọc và người xem đã không thể tránh được coi vở kịch có mục đích chống Cộng. Phe hữu chống Cộng thì ca ngợi Sartre hết mình, còn đảng Cộng-sản cũng công-kích kịch liệt Sartre.

Vở kịch đã trở thành một tác phẩm chống Cộng chỉ vì người chống Cộng và người cộng-sản muốn thế, mặc dầu tác-giả đã cải chính, bày tỏ chủ-đích thực-sự của mình, và mỉa mai hơn nữa, tác giả bị mang tiếng là chống Cộng chính lúc tác-giả gần gũi, sát cánh đảng Cộng-sản hơn cả, trên phương-diện viết lách cũng như trên phương-diện hành-động chính-trị.

Tác phẩm quả thực rất dễ phản bội tác-giả và sau này Sartre đã tự hỏi trong một thế giới có những hoàn cảnh

mâu-thuẫn khác biệt này, chúng ta có thể nhận ra việc làm của chúng ta như là của ta và theo như ra hiểu không, hay chúng đều trở thành khác khi được thực hiện? (2) Thực ra có lẽ dễ hiểu được tác-giả hơn như tác-giả muốn được hiểu qua tác-phẩm, nếu người đọc cùng chung một hoàn-cảnh với tác-giả hay ít ra có hoàn-cảnh tương-tự với hoàn-cảnh của tác giả: cũng một giáo-dục, ảnh hưởng, cũng những bản khoản lo lắng, cũng những thức bách của thời-cuộc...

Vậy Sartre đã viết trong hoàn-cảnh nào?

Sartre đã được đào tạo trong một bầu không-khí triết-học duy-tâm, duy-lý, có tính-cách sách vở, nhà trường hoàn toàn xa lạ và tách biệt với cuộc sống bên ngoài. Nhiều người cùng một thế-hệ với Sartre như E. Mounier (cũng thạo-sĩ triết-học) bất mãn với nền giáo dục trên, không những sẽ vứt bỏ thứ triết lý duy-tâm, duy-lý mà còn từ chối luôn cả chức vụ giáo-sư đại học để nhập cuộc lao mình vào xã-hội, trở thành triết-gia của thời-đại và thời-sự.

Sartre khao khát tìm ra một triết-học đem tới cho cuộc đời trước mặt một ý-nghĩa đích thực. Nói cách khác, Sartre coi triết-học là một cái gì quan trọng, cần thiết, gắn liền với đời sống; không phải chỉ là một thứ đấu võ lý-luận hay suy tưởng trừu-tượng.

Sartre đã tìm thấy triết-học gắn liền với thực-tại khi lần đầu tiên được đọc Husserl, Heidegger, Scheler trong thời gian lưu-trú ở Berlin (1933). Một bài báo ngắn viết về ý hướng

(1) Xem «Sartre par lui-même», F. Jeanson trg. 49. Nguyễn văn câu của Sartre.

(2) Situations IV trg. 48.

Trong triết học Husserl bày tỏ niềm hứng-khởi của Sartre trước sự khám phá mới mẻ đó (1) Sartre già từ triết-học tháp ngã của những bậc thầy duy lý là những Lalande, Brunschvicg, Meyerson đã chỉ nhìn nhận có một thực tại là ý thức chủ quan và ngay cả thế giới sự vật bên ngoài cũng bị cái nhìn duy tâm làm tan biến trong ý thức. Hòa đá, cái cây kia sở dĩ có là vì ta biết, và biết như một *ấn tượng*, một ý niệm trong ý thức, không phải như một sự vật lù lù ở đấy, khác ta, ở ngoài ta. Nhưng khi Husserl quả quyết: ý-thức bao giờ cũng là ý thức về cái gì » và Heidegger viết: Hữu thể, là hữu thể ở đời... không còn triết lý tháp ngã nữa, vì ý-thức chỉ tự giác, biết mình là ý thức nếu thiết-yếu gắn liền với cái không phải là ý thức, nếu thiết yếu liên quan với thế giới sự vật bên ngoài. Do đó biết không còn phải là trở về lòng mình để suy-tư trong cô đơn, nhưng là đi ra khỏi nhà, tiếp xúc với người khác, làm quen với sự vật như Sartre đã viết « Không phải trú ẩn ở một nơi nào đó mà chúng ta khám phá ra chúng ta, nhưng là trên đường đi, trong thành phố, ở giữa đám đông là sự vật giữa những sự vật, làm người giữa mọi người » (trong bài trên).

Ngay cả tình cảm cũng không phải là những phản ứng chủ quan thuộc nội tâm, nhưng là những cách thể đi tới, khám phá sự vật, người khác. Yêu ghét, đó là sự vật này, người kia xuất hiện với ta như là đáng yêu, dễ ghét, như thể đáng yêu, dễ ghét là một đặc tính của sự vật, người đó bày tỏ cho ta trong tình cảm yêu ghét

oOo

« L'Être et le Néant » là tác phẩm triết lý nhằm mô tả những cách thể ở đời của ý-thức trong tương quan với thế giới sự vật và thế giới người khác

theo những phương-hướng hiện-tượng-luận mà Husserl và Heidegger đã đề ra. Lần đầu tiên triết-lý soi chiếu vào những khía cạnh tầm thường của đời sống hàng ngày, bám sát vào thực tại. Những phân tích về cái nhìn, thân xác, tình yêu, chất nhầy, những mô tả về người đàn bà nguy tín, anh hầu bàn ở quán cà phê, thật sâu sắc mới mẻ và quyến rũ. Nhưng cái thực tại rất cụ-thể được mô tả trong « L'Être et Néant » mới chỉ là cái thực tại tổng quát của thân-phận con người nói chung chưa phải là lịch-sử, là thực-tại của một hoàn-cảnh, thời đại nhất định; những mâu thuẫn, vong thân của con người cũng mới chỉ được nhìn trên bình diện cá-nhân — (« Người khác là sự sa đọa nguyên ủy của tôi ») — Chưa được đặt trong một hoàn-cảnh xã hội nhất định và trên bình diện tập thể, chế lập, chẳng hạn vong thân trong chế độ tư bản, vong thân của người thợ, của chính người tư-bảo.

Không phải lúc viết L'Être et le Néant, Sartre không đề ý đến những vấn-đề chính trị, xã hội. Cũng đã ghét tư bản, trường giả, thiện cảm với phong trào thợ thuyền, cũng đã công phần trước những lầm than, bất công xã-hội nhưng chưa cảm thấy cần phải nhập cuộc, xuống đường, tham dự tranh đấu như Simone de Beauvoir đã ghi lại thái độ của hai người thời đó: « Những biến cố có thể làm cho chúng tôi tức giận-sợ hãi hay vui sướng, nhưng chúng tôi không tham dự và chỉ đứng làm « khách bàng quan ». (2)

Sartre cũng đã đọc Marx lúc soạn thảo « L'Être et le Néant » nhưng thứ triết lý bùng nổ đó chỉ được đọc một cách thanh-bình qua sách vở thôi chưa tác-dụng

(1) Une idée fondamentale de la phénoménologie de Husserl: l'Intentionnalité. Situations I tg 31.

(2) La force de l'âge, trg. 224

hiệu nghiệm vào cái gia tài thụ hưởng (gốc trường giả, giáo dục duy tâm).

Sartre hiểu tất cả khi đọc « Tư bản luận « Ý-thức-hệ Đức » của Marx nhưng thực ra không hiểu gì cả, nếu hiểu không phải chỉ là biết để biết như một trí-thức thuần túy, nhưng là cái biết có khả-năng thay đổi, hoán cải con người. Lúc đó Sartre chưa gặp những hoàn cảnh để hiểu Marx theo nghĩa hiểu là biến đổi cuộc đời (1)

Nhưng những hoàn-cảnh đặc biệt đã kéo Sartre và bạn bè ra khỏi những nơi trú ẩn là sách vở, nhà trường để xuống đường, đi vào lịch sử, vì họ cảm thấy trách nhiệm cả những việc họ không làm và không thể để mặc kệ những biến cố trôi qua đung chạm, đe dọa không phải chỉ những quan niệm sống mà ngay chính những điều kiện nền tảng của những quan niệm sống là tự do, quyền sống. Đó là phong trào phát-xít, chiến tranh, tình cảnh chiếm đóng, kháng chiến, rồi chiến tranh lạnh giữa hai khối...

« Chính là chiến tranh đã làm đổ vỡ những khuôn khổ già cỗi của tư tưởng chúng tôi; chúng tôi muốn tranh đấu bên cạnh giai cấp công nhân, và sau cùng chúng tôi hiểu rằng cái cụ thể là lịch sử và hành động biện chứng (2) và cũng chính cái thực tại mạt-xít sự hiện diện của những quần chúng thợ thuyền sống và thực hiện chủ nghĩa Marx đã quyết rũ một cách thông thê chống cự lại được tầng lớp trí thức tiểu-tư-sản và thay đổi cuộc đời của họ (3). Nói cách khác Sartre đã tự thú không phải vì đọc Marx mà ông thay đổi, nhưng vì thực tại vô-sản và cũng chính cái thực-tại vô-sản đó làm cho Sartre hiểu Marx và sau này chấp nhận chủ nghĩa Marx như một triết-

học chưa thể vượt qua được của thời-đại chúng ta » (4)

Từ nay suy tưởng triết-lý gắn liền với thực-tại, nhưng không còn phải cái thực-tại cụ thể chung của toàn phần con người, mà là thực-tại của lịch sử thời-đại: chiến-tranh, bạo-động, nếp sống trường-giả, sự vươn lên của ô-sản, chủ-nghĩa Mác...

Cái thực-tại lịch-sử đó cũng là thực-tại chính trị vì một đảng nó là một thực-tại hiện có, còn đang làm lịch-sử, một đảng khác, bất cứ một hành-động nào, ngay cả việc tìm hiểu cũng là một hành-động, đều có thể tác-dụng vào nó hoặc nhằm biện hộ duy-trì, hoặc nhằm tố cáo, thay đổi nó, nghĩa là bất cứ một hành-động nào, kể cả việc tìm hiểu, phân-tách thực-tại chính-trị, đều có một ý-nghĩa chính-trị, một tác-dụng chính-trị và sau cùng là chính-trị. Điểm độc-đáo trong triết-học Sartre, không phải chỉ ở những lập-trường, thái-độ Sartre lựa chọn trước thực-tại chính-trị trên, nhưng chủ-yếu ở chỗ lựa chọn thực tại chính-trị trên làm đề-tài suy-tưởng thường-xuyên và độc-nhất, từ sau khi đã bị những hoàn-cảnh là chiến-tranh, thực tại vô sản kéo xuống đường nhập-cuộc, tham-dự vào lịch-sử.

Những tác-phẩm Sartre viết vào thời-kỳ này, từ những tác-phẩm trực-tiếp đề-cập đến những vấn-đề chính-trị, xã-hội (các tập Situations IV, V, VI, VII về

(1) « Cũng vào thời kỳ đó, tôi đọc « Tư bản luận, và ý-thức-hệ Đức »: tôi hiểu tất cả một cách trong sáng, và tôi thực ra chẳng hiểu gì. Hiểu là tự hoán cải, vượt khỏi chính mình, việc đọc trên đã chẳng thay đổi tôi gì cả » (Critique de la Raison dialectique trg. 23).

(2) C. R. D. trg 24-

(3) C. R. D. trg 23.

(4) C. R. D. Lời Tựa trg. 9

các vấn-đề cộng-sản, thực-dân, thực-thuyền v.v..), Entretiens sur la politique, L'affaire Henri Martin, qua những tác phẩm triết-lý chính-trị có tính cách lý-thuyết nhiều hơn như : Réflexions sur la question Juive, Critique de la Raison dialectique, đến những kịch như Les Mouches, La P... respectueuse, Les mains sales, Le Diable et le Bon Dieu, Les Séquestrés d'Altona, về tiểu thuyết như : Les chemins de la liberté, và những biên-khảo về văn-học, phê-bình văn-học (Situations I, II, Saint Genêt, Comédien et martyr...) đều chỉ là những cách thể khác nhau để bày tỏ những thái-độ của Sartre trước thực-tại lịch-sử và chính-trị trên. Do đó, không thể hiểu được triết-lý Sartre, nếu tách triết-lý đó ra khỏi thực-tại lịch-sử và chính-trị là khởi-điểm, nguồn gốc những đề-tài suy-tư của Sartre và triết-lý của Sartre thiết yếu cũng là triết-lý chính-trị ; không phải chỉ vì chính-trị là đối tượng suy-tư, mà nhất là vì dự-định thay đổi cái thực tại chính-trị trước mặt mà Sartre phân tách bày tỏ.

Thời kỳ suy-tư theo sách vở rất ngắn mặc dầu đã chịu ảnh hưởng của hiện tượng luận. Sartre bắt đầu suy nghĩ từ quãng 1930, tiếp xúc với tư tưởng Husserl, Heidegger vào 1933, và khi những đe dọa chiến-tranh đã rõ rệt với biểu cố Munich (1938) Sartre thức-tỉnh, bắt đầu thay đổi do áp-lực của thời-cuộc (1). Chỉ một số rất ít tác-phẩm triết-lý hoặc văn-ngệ được sáng-tác trong thời kỳ này phản ảnh những nỗ-lực tìm hiểu và giải-thích thực-tại, nhưng chưa phải là thực tại lịch-sử chính-trị. Đó là những cuốn : «La Nausée, Le Mur, L'Imagination, Esquisse d'une théorie des émotions, L'Imagination, và

l'Être et le Néant.

Có thể thắc mắc nếu Sartre đã thức-tỉnh và thay đổi quan điểm, đối-tượng nhận-thức từ quãng 1939, tại sao L'Être et le Néant, xuất bản năm 1943 vẫn còn phản ảnh quan điểm giai đoạn đầu ? Chính Sartre đã nói cuốn L'Être et le Néant được sửa soạn ngay từ hồi 1930, và mãi vào quãng 1939-40 mới nắm vững được phương pháp hiện-tượng-luận và đề ra được những kết luận chính (2). Cuốn sách trên là một công-trình nghiên cứu lý thuyết đồ sộ đã đòi hỏi một thời gian sửa soạn lâu dài và nếu căn cứ vào thời điểm sáng tác (quãng 1939) không phải thời điểm ấn hành (vì có thể viết xong và lâu sau mới ra) thì cuốn L'Être et le Néant phản ảnh đúng những bận tâm, quan điểm thời kỳ đầu của Sartre.

Cuốn nghiên cứu lý thuyết đồ sộ thứ hai : La Critique de la Raison dialectique phản ảnh những bận tâm, quan điểm của thời kỳ sau đã chỉ xuất-bản vào năm 1960, nghĩa là 20 năm sau khi Sartre đã thức-tỉnh ; vì hệ-thống hóa thành lý-thuyết một quan-điểm nhận-thức bao giờ cũng đi sau thực hành lâu năm những thí-nghiệm về quan điểm nhận-thức đó.

Nếu tác-phẩm khi xuất-bản thường bày tỏ rất muộn những gì tác-giả đã chủ-trương từ lâu thì thời-gian khám phá của độc-giả còn có thể chậm hơn nữa. Cuốn L'Être et le Néant xuất bản

(1) Như Simone de Beauvoir đã nhắc lại « Lịch-sử đã nhào vào tôi, tôi tan vỡ : tôi cảm thấy mình phân tán, tản bầy khắp bốn phương trời, bị ràng buộc từng thớ thịt với mỗi người và tất cả. Tư tưởng, giá trị tất cả đều bị đảo lộn » La force de l'âge trg. 381.

(2) C.R.D. trg. 34

năm 1943 nhưng người ta chỉ nói đến nhiều sau chiến-tranh; hơn nữa vì cuốn sách trên là cuốn sách then chốt trình bày thuyết hiện-sinh một cách quy-mô, nhất là đối với những người đề ý về triết-học muốn tìm về nguồn, nền-lảng, không phải qua những truyện, vở kịch, sách giới thiệu phổ-thông, nên người đọc trong khoảng thời-gian 1945-50 và cả về sau vẫn coi cuốn *L'Être et le Néant* là bản-ảnh trung-thực triết học Sartre; do đó chỉ nhìn nhận những tư-tưởng, quan-điểm bày tỏ trong cuốn đó là tư-tưởng, quan-điểm đích thực của Sartre mà không thấy rằng Sartre đã bắt đầu thay đổi đối-tượng, quan-điểm nhận-thức ngay từ trước khi xuất-bản *L'Être et le Néant* và *L'Être et le néant* chỉ là «một khoảng khắc, một khía cạnh của tư-tưởng Sartre mà thôi». (1)

Phải đợi một lúc nào đó độc-giả ở vào một hoàn-cảnh tương tự với hoàn-cảnh của tác-giả, bị những thúc bách của thời cuộc, chiến-tranh làm cho không thể ngồi yên được mới có điều kiện khám phá Sartre theo một chiều-hướng mới, chiều-hướng chính-trị. Tính chất chính-trị không phải chỉ ở những hành-động hay những lập-trường của Sartre trước thời-cuộc nhưng ở tận nguồn gốc sự hình thành tác-phẩm là dự-phóng căn-tả của Sartre: dự-định tìm hiểu thực tại lịch-sử của thời-đại mình và tìm-hiểu đề tác-dụng vào nó, biến đổi nó, bằng cách này hay bằng cách khác.

Trái lại những độc-giả trẻ vào thế-hệ 1960, đọc Sartre qua những tác phẩm vừa xuất bản như *Les Séquestrés d'Altona*, *La critique de la Raison dialectique*, *Les Mots*, và tạp chí *Le temps modernes* trước khi đọc những *la Nausée*, *l'Être et le Néant* có thể không bị kẹt mãi như những thế-hệ độc-giả,

đàn anh trong một quan niệm về thuyết hiện-sinh gắn liền với giai-đoạn đầu của Sartre. Họ dễ thấy ý-nghĩa chính trị trong những tác-phẩm hiện nay và cả những tác phẩm trước của Sartre. Trong bài «Un combat politique» đăng ở tạp-chí «are» số đặc biệt về Sartre theo cái nhìn của những người trẻ (2) Michel Burnier đã kể lại mình đã khám phá thấy Sartre như thế nào.

Khi học lớp Triết (Tú-tài II) tác-giả đọc *le Mur*, *la Nausée*, *l'Être et le Néant* và hình-ảnh về Sartre, là một Sartre triết-gia, cá-nhân chủ-nghĩa, rất ít màu sắc, chính-trị. Tác giả chỉ chú ý đến khía cạnh tâm-lý, triết lý trong khi đọc Sartre. Chẳng hạn trong vở kịch. «Những bàn tay bần» sự việc Hugo đoạn tuyệt với cha làm cho tác-giả đề ý nhiều hơn là những quan-hệ của Hugo đối với đảng.

Chỉ khi tình cờ đọc một bài tường thuật cuộc bút chiến giữa Sartre và Camus và cuộc tranh luận giữa Sartre và Merleau-Party, Michel Burnier mới cảm thấy mình «sống» những vấn-đề nêu lên trong đó như những biểu-cổ hiện-đại, và do đó khám phá thấy chiều cạnh chính-trị trong tư-tưởng Sartre. Burnier thú nhận với thế-hệ ông, lúc đầu Sartre vẫn còn như một triết-gia của phi-lý, qua những tác-phẩm đầu tiên và những thiển-kiến có sẵn do đọc những sách giới-thiệu như cuốn *L'Existentialisme*, tú sách «Que sais-je» của Foulquié... chỉ về sau họ mới khám phá thấy tư tưởng chính-trị của Sartre.

(1) Như Burnier cũng đã nhận xét trong *Les existentialistes et la politique*, trg. 23

(2) Trích lại trong cuốn *Les existentialistes et la politique*, phần Postface

Burnier cũng nghĩ rằng, với thể-hệ độc-giả hiện nay (1967) có lẽ họ sẽ không phải theo một lịch-trình khám-phá như vậy. Trong thể hệ đã đạt tới một ý thức những vấn đề thời đại của mình hình ảnh của Sartre được thay đổi: tác phẩm của ông được lãnh hội một cách tuần tự ít hơn và một cách tổng hợp nhiều hơn. Những năm sâu cùng của chiến tranh Algérie, vở Les Séquestrés d'Altona, La Critique de la raison dialectique, Les Mots, đã biến đổi biểu tượng đầu tiên mà người ta đã gán cho ý-thức-hệ của Sartre. Từ những điều người ta đã biết về Sartre, không còn có thể coi lý-tưởng của Sartre hiện thân trong các nhân vật của cuốn truyện «Le Mur» hay «La Nausée», không còn có thể hài lòng về một giải thích

què quặt những tác phẩm đó. Những lập trường chính trị của Sartre đã biểu hiện lại trong các tác phẩm cũ trước và làm đổi mới ý-nghĩa những tác-phẩm đó.

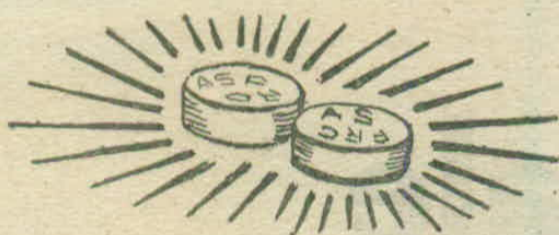
Tượng trưng, đôi khi là động lực của một sự phản kháng, đồng-chí của xã-hội chủ nghĩa, của phe tả triệt-đề kẻ thù của hệ-thống trường giả, và nền kinh tế, luân lý của nó, Sartre đã phân tách suy-tưởng và diễn-tả sự phản-kháng đó, phe tả, sự hận-thù giai-cấp thống trị: ông đã tập trung tất cả trong tác-phẩm của ông tác-phẩm mặc một ý-nghĩa chính-trị, một cách đương nhiên tức khắc, đối với những người bây giờ đọc ông (1)

(còn tiếp)

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

(1) Tạp chí «Arc» » trg. 17,18 hay Les existentialistes et la politique trg. 185-187

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226-BYT

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Những chuyến đi

*Con đường tìm đến quê hương
Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều*

(Xin xem BK. TĐ. từ số 265-266)

Công nhà ông triệu phú mở toang, chúng tôi cho xe chui thẳng xuống cái hầm rất rộng được xây cất dưới một biệt thự to, chỗ có đèn sáng và bóng người.

Ông Bà S.N. ra tận xe xin lỗi chúng tôi vì kẹt ở tỉnh xa không về kịp nên để chúng tôi cực khổ cả buổi chiều, rồi bảo bồi bếp xách hành lý và nhạc-khí của chúng tôi vào nhà.

Từ bây giờ cho đến lúc trình diễn còn ngót hai tiếng đồng hồ, chúng tôi có thể tắm rửa, dùng cơm, lau chùi và lên giây nhạc khí rồi sửa soạn ra mắt thính-giả. Như vậy thì việc nằm nghỉ kê như không có đối với một người khó ngủ như tôi.

Bạn ơi, đây là tầng hầm ở dưới đất. Bên này hầu hết mỗi nhà đều có xây hầm dùng làm chỗ để xe và làm "cave", nơi chứa các thứ đồ vật người ta muốn dự trữ hoặc không dùng hay lâu dùng đến như rượu, nước mắm, than sưởi, bàn ghế, máy móc hay sách vở cũ v.v... Vì vậy các nơi này thường tối tăm, bụi bặm. Nhưng đây là hầm, cave của một kỹ-nghệ-gia giàu nhất vùng chuyên nghề thuộc da, lập nên sự nghiệp vào thế-chiến thứ hai sau khi mua lại trên 200 hăng thuộc da nhỏ khác để giữ lấy độc-quyền trong vùng ! Nó sang trọng hơn nhà ở của mình nhiều. Ngăn nắp các căn hầm phía khác ra sao mình không thấy, nhưng trước mắt mình, ngay chỗ đậu xe, phía thang lầu đi lên nhà được trang hoàng những đồ gỗ thật tốt. Cũng có lò sưởi, ghế xích đu, bàn viết, máy hát v.v... Một bên vách treo đầy đồ chơi của ông bà S.N ! Bạn biết gì không ? Đinh ba, xích sắt, gươm dài và rất nhiều súng trường móc hàng song song và những đầu, đuôi, sừng, ngà, chon, cánh, những bộ lông quý của thú vật rừng. Vách bên kia là đồ chơi của cô gái út. Nhiều tầng kệ nhỏ bề cao đủ dựng đứng những hàng hộp quẹt trên thế giới, đủ kiểu, đủ cỡ, hình sắc dị biệt.

Còn lối đi lên nhà ! Đó là những nấc thang được xây bằng những thớt càm thạch hồng có găm màu gạch đánh «xia» lóng bóng !

Chậm bước một giây rồi cũng phải vịn cầu thang đi lên từng nấc cho khỏi

trợt giầy, tôi bất giác thở dài cay đắng. Vì mình quyết làm cho kỳ được một việc mình thiết tha nên mình phải qua những bước đường mình không vui mà đi chút nào. Tôi tự hỏi : tại sao tôi lại ở chốn này và có quyền đi trong sung sướng giữa lúc ở mọi góc trời vũ-khí của bạo quyền đang nghiền nát và cuốn đi bao nhiêu kiếp sống ? Lúc nào cũng như kẻ có tội ! Tôi tự thấy mình hẹp hòi với mình vì tôi trả lời câu hỏi trên đây rất dễ dàng. Nhưng khổ nỗi, bạn ơi, trong nhiều trường-hợp tương-tự, trên đường đi trình bày nhạc Việt những câu hỏi đó thường làm xoắn xang tim hồn tôi.

Thấy tôi nghi ngại thở dài, bà S.N. hỏi thăm tôi về sự cực nhọc lúc đi đường rồi nhanh nhẹn đưa anh Trần vào phòng tầng thứ nhất đối diện với phòng bà và đưa tôi lên tầng thứ hai ở sát phòng con gái bà.

Phòng tôi ở có hai giường, nệm, cỡ một người ngủ, nằm song song nhau và cùng một kiểu. Từ thành giường đến song giường cùng nệm, gối, đều được bọc bằng thứ da thượng hảo hạng màu lông két. Bàn phấn, đôn ngồi, khuôn kiếng soi mặt, bàn viết, khuôn giấy lót mặt bàn, khuôn giấy chặm, bình mực, ngăn để sách báo và giấy viết thư, hộp đựng viết cho đến cái ghế con đề sát mặt đất dùng ngồi chùi giày, nhất nhất đều được bọc bằng da cùng một thứ, một màu với giường ngủ ! Tất cả chơn giường và chơn bàn ghế đều cần hình mắt tre và mỗi mắt tre có chạm một khoanh chỉ vàng !

Vách tường, trần nhà được căng bằng thứ vải Thụy-si hảo hạng cùng một kiểu hoa, một màu hồng với chần bông dùng phủ lên giường ngủ. Dưới lớp chần, mền drap thêu tuyệt đẹp, được lật lên sẵn, cũng màu hồng !

Một mỗi quá mà tôi không thiết nằm. Gian phòng sáng đẹp rực rỡ nhưng đối với tâm trạng tôi, nó lạnh lùng mĩa mai quá. Tôi đứng đứng trước tất cả những giá trị thuộc tiền bạc xa hoa mà người đời hằng tha thiết, trau chuốt, giành giệt, mua chuộc để mà hãnh diện với nó trong kiếp sống bằng xương thịt. Tôi liên tưởng đến những xương thịt mắc mà rẻ của các nhà triệu phú, và những xương thịt rẻ mà mắc của người dân Việt Nam hiện giờ. Một luồng sóng ghen ngào chua xót ngấm dâng lên cổ tôi. Những hình ảnh tàn tật, nát, chết, gãy đổ, màu đất nám, ruộng cháy, nhà rụi, vườn hoang ở quê hương ùn đến ngăn đứng cảm giác hiền hòa nhất trong người tôi, không cho tôi cởi mở, hòa hợp, thân thiết được với cái phòng cực kỳ sang trọng này, khiến tôi có thể dễ dàng nằm yên lên được trong chiếc giường ấm cúng kia.

Thật vậy bạn à. Nỗi khổ của những người tự thấy mình bất tài bất lực, có nói hay hát giỏi, cũng chỉ là nói suông, hát vào khoảng trống; chỉ thêm tủi thẹn. Và biết bao nhiêu lần, sau những buổi trình bày nhạc Việt, anh Trần và tôi không nuốt nổi nước mắt khi chúng tôi chỉ xin biển sông lòng thành về cho quê hương chớ không thể giúp ích hay chia sẻ được gì thiết thực hơn đã làm cho thính giả ngậm ngùi và khóc theo. Bạn ơi, nước mắt đau là cô đọng của bất lực, đành phận, yếu hèn, nhưng đồng thời nó là phản ứng của niềm suy tư, nó gột rửa cho ý chí ngày thêm sáng sủa nung nấu ước vọng mau chín mùi để đi đến quyết định hay thực hiện ý chí và ước vọng đó phải không bạn ?

Nhớ lại vẻ hài lòng, niềm nở của ông bà S.N. khi tiếp đãi chúng tôi mà tôi ái ngại. Bà quá tử tế, chu đáo với một người khách rất chượng mà suốt đời bà không cần gặp mặt lại lần thứ hai, người ấy lại không muốn, không sốt sắng chấp nhận mà còn đang trách thăm, khó chịu về cái nếp sống của bà vì đã nghĩ nhiều về tóe tang của nước dân mình.

Bạn sẽ bảo là tôi khó. Lạnh, đói không chịu nổi mà sương ẩm cũng chẳng ưa. Tôi nhận thấy mâu thuẫn đó và muốn mau cởi bỏ hết nỗi bức dọc và mệt mỏi trước khi trình diễn bằng nước thật nóng. Bước sang phòng tắm, không mang dép mà nghe ấm đôi chơn. Thì ra sàn nhà toàn là thảm nhung màu đỏ, cái màu may mắn chan hòa của con người thời bình và máu tươi của người thời loạn.

Tất cả vật dụng cần thiết cho người đàn bà ở phòng tắm đều đắt tiền. Từ miếng xà bông, khăn lau mặt, găng tay cho đến miếng giấy chùi, giẻ lau cũng cùng một màu thanh thiên với tấm vải xốp dùng bọc cái nắp cầu tiêu và tấm thảm hút nước lót quanh dưới chân bồn tắm! Thật là quá sức tưởng tượng của tôi về một người đàn bà nhiều của sống trong một nước thái bình. Bạn có thấy vậy không?

Tắm xong, tôi chỉ còn đủ thì giờ sửa sang đẽ sau khi dùng cơm xong chúng tôi đi thẳng lại rạp hát.

Trước khi dùng cơm, bà S.N. lên mời tôi xuống trò chuyện và xem qua biệt-thự của bà. Tôi lại phải đi chậm và thật cẩn thận trên những nấc thang cẩm thạch hồng!

Bà S.N. khen áo dài Việt-Nam thướt tha sang đẹp như áo dài phụ nữ Âu Châu thế kỷ trước. Bà chỉ cho tôi biết ở tầng dưới có 3 phòng nhỏ dùng máng áo và trang điểm sau khi dùng cơm hay trước khi đi ra ngoài và 7 phòng tắm, mỗi phòng đều có chỗ tiêu và rất nhiều phòng ngủ, mặc dầu hiện thời bà chỉ còn một cô con gái chưa có gia đình ở chung với bà.

Muốn sang phòng ăn, chúng tôi phải đi qua hành lang thật rộng. Tượng đồng và tượng cẩm thạch ngự hai bên cửa cái. Vài giống danh hoa tỏa hương trong chậu sứ và một cây kiềng to uốn thân nép sát vào tường là ngọn leo quanh khắp trần nhà, sòe từng chiếc lá xanh mượt bóng láng chất dầu, khoe duyên dưới ánh sáng hòa hợp của những chao đèn hoa lạ mắt.

Trong phòng tiếp khách buôn bán, phòng làm việc và phòng tiếp khách dành cho bạn bè thân quyến trang hoàng bàn ghế toàn gỗ quý và da thật đắt tiền màu lông két. Có cả da cạp, đuôi công, mai đồi mồi, da sấu v. v. . . Dưới đất, cả thấy 11 tấm thảm cực đẹp, đủ cỡ được đặt đúng chỗ hợp với công dụng của nó. Nhưng tuyệt nhiên, không có một nhạc khí hay một cuốn sách thuộc về văn thi, âm nhạc hay hội họa! Trên kệ chỉ có toàn số sách bìa da thuộc về thương mại. Ba bề, tứ phía màn the rủ là lộng lẫy:

Tôi có cảm giác tôi đang đứng trong một động tiền! Và cái động dẫu của vua chúa nó cũng không liên hệ gì đến cái xác-vô-tri của con người nắm hai bàn tay không giã-từ nó đi vào cõi chết mà không để lại trên đời một giá-trị tinh thần hay một ích-lợi chung.

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi, càng nghĩ càng thấm thía.

Sang phòng ăn, anh Trần và bà A. de Vençay đang luận-bàn về âm-nhạc. Ông bà S.N. giới thiệu với mọi người các dĩa con rề của ông bà từ xa vừa đến để tiếp đãi chúng tôi.

Phong tục, phụ nữ và thức ăn Việt-Nam được bàn đến, nhưng chiến tranh ở V.N. vẫn là đầu đề quan trọng không hề thiếu mỗi khi chúng tôi có dịp gặp gỡ người ngoại quốc. Cũng như ý-kiến của những người chúng tôi đã gặp trong những buổi trình bày nhạc Việt ở các nơi lâu nay, mọi người trong bữa tiệc hôm nay đều hết sức mến phục dân tộc Việt-Nam anh hùng với hơn hai mươi năm gian khổ, chịu đựng, tóc tang mà vẫn còn mãnh liệt tranh đấu.

Người ta phải đỡ nón khâm phục cái thể hệ cha anh hiện còn đang tiếp tục với sức tàn để dành tự do cho dân, độc lập cho nước. Thế-hệ trẻ đang đem kiếp sống và tương lai mình vun bồi, xây đắp ý chí ấy cho được vững chắc. Phụ-nữ Việt-Nam đang gánh quăn trên vai tất cả những mảnh vụn của gia đình, nước non và mang nặng trong tim hồn những đờ vỡ của tình thương và hạnh phúc cuộc đời mình để củng cố ý chí ấy cho được trờ g kỳ. Dân-tộc Việt-Nam đang trải qua một giai đoạn bi thảm nhất trong lịch sử tranh đấu giành tự do độc lập và có một quả cảm về chịu đựng và tinh thần bất khuất chưa từng thấy trong lịch sử tranh đấu thế giới nói chung và Việt-Nam nói riêng, đã làm cho thế giới phải xúc động. Bằng xương máu, lòng hy sinh và quả cảm của dân tộc Việt-Nam đã làm cho nước Việt-Nam trưởng thành, lớn mạnh trên năm châu, đồng thời làm cho hai chữ tự do, độc lập rõ ràng, thiêng liêng với ý nghĩa sâu xa của nó trong mọi thời và muôn thuở.

Trong quốc nội, già, trẻ, gái, trai, mọi tầng lớp đã và đang chung sức chịu đựng, hy sinh tranh đấu cho dân, nước Việt-Nam, mà ở hải-ngoại người ta cũng thường nghe, thấy Việt Nam xuất hiện bằng cái truyền thống đầy thi vị văn chương, âm nhạc, khiến cho người ta có một niềm tin tưởng vô bờ về tiền đồ rực rỡ của nước Việt Nam tương-lai.

Bạn có biết rằng, chúng tôi thổ những lời khen tặng ấy với niềm xúc-động, vừa thẹn vừa hãnh diện vừa ghen ngào chẳng ?

Thức ăn hôm nay được bà chủ nhà để ý đến, cốt cho nó đừng kém những món ăn Việt mà gia đình bà có dịp dùng ở Balê — món nào cũng ngon, lạ miệng và trình bày rất đẹp mắt. Sau cùng là món thịt trĩ do ông S.N. sẵn được vài bữa trước, ủ cho nó lên hơi dành đến nay nấu với rượu và đồ gia vị.

Nhân có món thịt trĩ ông S.N. say sưa kể chuyện mỗi mùa hè vợ chồng con cái ông đều xuất ngoại để vừa du lịch vừa đi săn ở tận vùng Nam-Mỹ hay Tiệp-Khắc. Có khi ông đem về hơn trăm con trĩ. Thảo nào những đầu, đuôi, chân cánh của các thú rừng tôi trông thấy dưới hầm đều là những con trĩ của gia đình ông. Chúng đã được đưa qua hãng thuộc da và trở về nhà ông làm vật kỷ niệm và trang trí cửa nhà.

Món tráng miệng là bánh sữa trộn thơm. Bà S.N. chu đáo lấy thứ trái cây có ở Việt Nam làm bánh đãi chúng tôi. Chăm sóc khách với một ý tốt mà bà không

ngờ rằng : những gì gọi cho chúng tôi nhớ đến quê hương lúc này, nó càng ngọt ngào bao nhiêu càng mang đến chúng tôi một vị chua chát bấy nhiêu.

oOo

Trời mưa lâm râm nhưng thính giả cũng đầy rạp và phần đông là thanh thiếu niên.

Lên sân khấu, đặt mình và bôn phận, chúng tôi quên hết mệt mỏi bực dọc và trình diễn được mỹ mãn.

Như thường lệ, Anh Trần luôn luôn thành công trong cách trình bày và giải thích rất mực hay ho, trôi chảy. Bà A. de Vençay rất hài lòng đến bắt tay khen tặng và cảm ơn chúng tôi đã chịu cực, chịu khó đem đến một kết quả tốt cho thính giả không phụ lòng trông mong của bà. Bạn biết không ? càng được cảm ơn, khen tặng, tôi càng nhớ lúc chúng tôi bị «tiếp đãi» và bị lạnh suốt buổi chiều mà bực.

Anh Trần trả lời những câu hỏi của thính giả trong nửa tiếng đồng hồ về lý-thuyết và lịch-sử âm-nhạc. Phần tôi, chỉ sơ qua được về nhạc khí cho những người lên sân khấu xem nhạc khí và muốn tìm hiểu. Nhưng lúc nào cũng như lúc này, tôi rất buồn về nỗi nhạc khí của mình vừa nghèo vừa xấu vừa không chắc chắn như tôi đã nói với bạn từ lâu. Trục, phím, ngựa nhọn, cần đàn bị sút, văng, gãy rất dễ dàng. Nó làm khổ chúng tôi giữa lúc đàn bát là việc thường Tôi hay đi nghe hòa nhạc các nước Á Châu, nhạc khí người ta chẳng những chắc mà đẹp rực rỡ. Thấy nhạc sĩ nước người không khi nào gặp trục trục như mình mà thềm. Trước khi đi trình diễn, chúng tôi mượn cây đàn cần của người bạn. Oai đâu chưa thấy mà khi đem về, chưa đàn được trọn một bài bản ngắn là cả phía trái cần đàn vừa gỗ vừa xà cừ tróc rớt lợt lợt. Tôi hoảng vía, vội lấy keo dùng dán sắt cột gắn lại rồi đem trả tức khắc. Có lẽ bây giờ cây đàn đó chắc hơn trước nhiều mà người bạn tôi không để ý.

Quên nói cho bạn nghe rằng ông Leipp, giám đốc phòng thí nghiệm về nhạc-thanh-học của trường đại-học khoa học Balê, sau khi nghe tiếng và quan-sát kỹ cây độc huyền cầm, ông không khỏi ngạc nhiên bảo rằng : cây độc-huyền cầm là một nhạc khí huyền diệu có một không hai trên thế giới. Chỉ có một giây mà cho ra đủ giọng. Khả năng cây đàn chẳng những làm nảy nở khả năng và năng khiếu nhạc công một cách, tinh vi lạ lùng không lường trước được mà còn hướng dẫn tình cảm nhạc-sĩ biến những tiếng nhấn theo trực-giác và tư-ý rất tế-nhị. Nó được sáng chế vô cùng giản dị mà công dụng rất nhiều, không như nhạc khí của các nước khác như đàn onvioline, piano, ondes Martenot hay phần nhiều nhạc khí tây phương, hoặc cây Sarangi Ấn độ, đàn Santour Ba-tư v.v., được chế tạo công phu, vóc dáng kèn càng, dây trục hằng chục thì mới cho ra được những tiếng đàn như ý người ta muốn. Âm thanh của hầu hết nhạc khí Tây phương (trừ Violon) lại cứng ngắt, thiếu ngọt ngào, uyển chuyển không lưu luyến như âm thanh của nhạc khí Đông phương nói chung và Việt Nam nói riêng, bởi nó chỉ vang lên được một cách máy móc như ý muốn của người chế tạo ra nó và thói quen của người dùng và nghe nó, chứ nó không được nắn nót, nhấn, vuốt bằng tình cảm con người :

Ông Leipp bảo rằng : không phải nhờ nghiên cứu công phu hay nhờ máy móc, cây đàn cò Việt Nam cũng được sáng chế một cách giản dị như cây độc huyền cầm mà kết quả trong việc phát âm của nó rất đúng với khoa học. Vì sau khi thâu tiếng đàn cò để phân tách nó bằng phương pháp khoa học là "chụp hình tiếng nhạc trên giấy bằng máy sonagraphe, ông nhận thấy tiếng đàn cò có rất nhiều bồi-âm (partiels hay harmoniques) như nhạc khí tây phương. Trong số đó, những bồi-âm từ 2000 herz tới 3000 herz lại nổi bật mạnh và rõ nhất trên giấy Sonagramme. Nhờ bồi âm này mà khi đàn, nhạc công kéo nhỏ người ta vẫn nghe rõ tiếng đàn cò, vì ba động (vibration) của bồi âm từ 2000 herz đến 3000 herz rất vừa vặn đập vào cái khoảng thích nhất của lỗ tai con người.

Biết rằng chúng ta đang ở trong một tình trạng đặc biệt, hoàn cảnh không cho ta có phương tiện để chế ra được những cây đàn như đàn Koto của Nhật với một thứ gỗ quý Pawlonia già những trăm tuổi để đàn có nhiều vân đẹp và gỗ không mo khi gặp sương nắng. Hoặc đàn Tanbura Ấn độ cũng được đóng bằng gỗ ngâm nước và phơi nắng trong 3 năm. Nhưng biết bao nhiêu người cùng ở trong hoàn cảnh khó vẫn nghiên cứu và chế tạo. Tôi rất vui mừng khi nghe tiếng đàn tranh của một nhạc-sư hiện ở Saigon mà tôi đoán rằng: tiếng đàn ấy phải được phát ra ở một cây đàn tranh lớn và dài hơn cây đàn tranh chúng ta thường thấy xưa nay. Nhờ cái tầm dài của giầy mà tiếng đàn mới vang sâu, lâu và dẻo hơn tiếng đàn thường. Tôi cũng có nghe tiếng đàn cò ồm và lớn mà tôi đoán là ống đàn phải lớn hơn đàn cò thường hoặc là ống đôi.

Nghĩ rằng mình có của quý mà không tìm cách tài bồi và phát triển cho nó được chắc, được đẹp hơn, không kém sút nhạc khí thế giới thật là uổng. Ngoài việc đó, tôi còn một ân hận khác là mỗi lần được khen ngợi và thấy thanh thiếu niên nước người hoặc thiết tha truyền thống nhạc nước họ, hoặc đặt câu hỏi tìm hiểu nhạc nước Việt thì chúng tôi bị vướng liền vào nỗi băn khoăn đã có sẵn trong tim óc chúng tôi từ ngót 10 năm nay là nếu chưa thực hành được cái "mộng" nói chuyện về nhạc Việt trên đất nước nhà cho trẻ em Việt nghe thì ít nhất cũng viết sách về âm nhạc bằng tiếng Việt hoặc dịch lại những sách anh Trần đã viết về nhạc bằng Pháp văn ra Việt ngữ cho người Việt đọc.

Trong phạm vi hiểu biết và khả năng của chúng tôi, làm cho các dân tộc khác yêu mến nước nòi Việt qua âm nhạc thì ca trong thời loạn và nói chuyện về nhạc Việt bằng tiếng Việt cho người Việt nghe trong thời bình là hai việc làm mà chúng tôi hằng tha thiết như nhau. Mà hoàn cảnh chỉ cho chúng tôi làm được có một.

Bạn ơi, bao giờ đất tổ thanh bình.

Đề đem thơ nhạc kết tình tương thân hữu bạn.

Lúc ban chiều không ăn được nên sau buổi trình diễn về nhà ông bà S.N tôi mệt lả và bụng đói như cào. Bồi bấp ngủ hết, nhưng ông bà S.N. đã về trước chúng tôi lo sắp rượu bánh sẵn sàng. Tim tôi không chịu rượu champagne mà ruột tôi cũng không ưa bánh Tây, nhưng tôi cũng phải rán ăn nhiều kẹo đêm không ngủ được thì sẽ không còn sức đi trình diễn ngày mai ở Berney.

Ông bà S N thiết đãi chúng tôi hết tình và tỏ ra rất thỏa mãn về đêm trình diễn. Trước khi về phòng ông bà từ già chúng tôi và chúc chúng tôi thành công, vì ngày mai ông bà thức sớm đi làm việc còn chúng tôi phải dùng điểm tâm tại đây rồi mới lên đường vào lối 9 giờ sáng.

Buổi trình diễn ngày mai ở Berney xin hẹn với bạn thơ sau.

(còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

Quan-niệm cơ-cấu

trong các khoa-học nhân-văn

Các khoa học nhân văn ngày nay xây dựng trên nền móng của thuyết cơ-cấu, cũng như ba bốn chục năm về trước các khoa học về con người đã đặt nền trên khoa hiện-tượng-học. Thực ra, những ai sinh-hoạt trong lãnh-vực nghiên cứu triết học đều linh cảm thấy từ mười năm nay rằng chắc văn-học sắp có bộ mặt mới và bộ mặt này chắc có nhiều nét duy-vật hơn. Tại sao? Tại vì hiện-tượng-học đã cung cấp cho văn-học hết những gì người ta có thể khai thác rồi, và vì hiện-tượng-học đầu sao cũng nghiêng về phía chủ-thể: Husserl giảm thu thực-tại thành đối-tượng của ý-thức. Nói cách khác, đối với hiện-tượng-học, thế-giới đồng nghĩa với "cái mà tôi đã thực-sự kinh-nghiệm". Thực-tại và *kinh-nghiệm* sống cũng là một. Nhưng rồi người ta thấy rằng kinh-nghiệm của ta chỉ có một chiều, và kinh-nghiệm này chỉ là bề mặt nông cạn của thực-tại thôi. Cũng trong thời-kỳ toàn-thịnh của hiện-tượng-học, tâm-phân-học càng ngày càng phát-triển và đạt được những thành-quả chắc chắn; ngôn-ngữ-học cũng đồng thời trở thành một khoa-học đích xác như một khoa-học thực nghiệm. Cả hai khoa này cùng chia sẻ một lập-trường: cái hữu-thức là cái hời hợt, cái vô-thức mới thực là

căn bản. Freud đã gọi khoa tâm-phân-học của ông là "siêu tâm-lý-học" (*métapsychologie*), thì ngày nay khoa ngôn-ngữ-cơ-cấu cũng thường tự xưng là "siêu ngôn-ngữ" (*métalangage*), và như vậy thì trước sau chúng ta vẫn gặp ý-nghĩa của chữ «siêu» trong danh-từ siêu-hình-học, vì siêu-hình-học là học về cái làm nền-tảng và điều-kiện hiện-hữu cho cái hữu-hình vật-lý.

Quan-niệm cơ-cấu cũng như phương-pháp phân-tích cơ-cấu bắt nguồn từ những bài dạy của *Ferdinand de Saussure* ở Đại-học Genève và sau đó được các môn-sinh của ông xuất-bản năm 1916: đó là cuốn *Cours de linguistique générale*. Saussure đã đưa ngôn-ngữ lên hàng một khoa-học gần như thực-nghiệm với chủ-trương coi ngôn-ngữ là đối-tượng hoàn toàn khách-thể. Hướng đi này sẽ được những L. Bloomfield, R. Jakobson, N. Troubetzkoy v.v. khai phá để thành ra ngôn-ngữ-học ngày nay.

Dưới đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu quan-niệm cơ-cấu trong khoa ngữ-học, đúng theo chiều hướng học-phái De Saussure, sau đó chúng ta sẽ thấy các nhà khoa-học nhân-văn mượn quan-niệm đó để đúc nên quan-niệm về cơ-cấu cho khoa-học nhân-văn như thế nào.

A. — QUAN-NIỆM CƠ CẤU TRONG KHOA NGŨ-HỌC.

Trước hết cũng nên xác định khoa ngữ-học là gì? Ngôn-ngữ học hay ngữ-học (la linguistique) khác với khoa Từ-ngữ-học (cũng gọi là cổ-ngữ học, tức Philologie) ở chỗ Từ-ngữ-học chú-trọng nghiên-cứu về những biến-thái của một ngôn-ngữ qua nhiều thế-hệ, còn khoa Ngữ-học thì không xét đến chiều thời gian và chỉ nghiên cứu về cơ-cấu của một ngôn-ngữ trong một thời-kỳ nào nhất định thôi. Hơn nữa khoa Từ-ngữ-học thiên về phần nội-dung của các văn-kiện, còn khoa Ngữ học lại chỉ biết có bản-chất của ngôn ngữ.

Nghiên cứu về chính bản chất của ngôn-ngữ: đó chính là thực chất của khoa ngữ-học. De Saussure phân biệt *langage* (xin tạm dịch là «âm-ngữ», có nơi dịch là «tiếng nói») và *langue* (xin tạm dịch là «ngôn-ngữ», có nơi dịch là tiếng). Rồi ông cũng phân-biệt kỹ-lưỡng ngôn-ngữ và thoại-ngữ (*parole*, có nơi dịch là «lời nói»).

Âm ngữ là một cái gì tạo-hóa phú bẩm cho con người. Chỉ con người có âm-ngữ, con vật không thể có âm-ngữ. Nhưng đã là người ai cũng có âm-ngữ. Trước hết ta xét điem: chỉ con người có âm-ngữ, con vật không thể có âm-ngữ. Bởi vì muốn được gọi là âm-ngữ, thì cần thiết phải có phát âm và phải có đối-thoại: nhân đó khi các con vật đùa giỡn, chúng không có nói gì với nhau hết. Tất nhiên, một khám phá gần đây đã làm rung động giới khoa-học: cách đây hơn mười năm, giáo sư Karl von Frisch của Đại-Học Munich công bố thành-quả nhiều năm nghiên cứu của ông về sự kiện các con ong mách bảo nhau. Khi một con ong tìm được chỗ

có nhiều nhụy để làm mật, thì nó về tổ báo cho các con khác đi lấy. Công việc này có ba tác động: một là cho các con khác nó nếm cho biết thứ mật hoa mà nó vừa khám phá ra. Việc này dễ: các con khác chỉ cần mút thử một chút mật hoa mà nó nhả ra. Nhưng rồi nó phải chỉ cách cho các con kia biết lối tới chỗ có nhụy đó: và lập tức nó làm động tác hai hoặc động tác ba. Động tác hai: con ong vừa kiếm được mồi đó «khiêu vũ» (danh từ của K. von Frisch) theo những đường tròn, từ phải sang trái rồi lại từ trái sang phải: đó là dấu hiệu chỗ có nhụy ở không xa tổ ong, xung quanh đó chừng một trăm thước thôi. Lập tức các con ong đổ đi tìm, và trong chốc lát nhiều con đã trở về tổ tung bừng với chiếc-lợi-phâm. Còn như nếu chỗ có nhụy ở xa thì con ong kia sẽ thể-hiện một kiểu khiêu-vũ đặc biệt, đó là động-tác thứ ba: nó vừa ngoáy cái bụng kêu vù vù, vừa bay theo hình số 8. Cách khiêu vũ này có hai công dụng: cho biết phải đi hướng nào, và xa gần bao nhiêu. Hướng đi thì cứ theo hướng cái trục con số 8, còn xa gần thì tùy con ong lượn tất cả mấy con 8 trong quãng chừng 15 giây. Giáo sư K. von Frisch bảo nếu nó lượn tám chín vòng số 8 thì quãng cách là độ một trăm thước; lượn bảy vòng, thì quãng cách là hai trăm thước, bốn vòng rưỡi thì quãng cách là một cây số, và nếu nó chỉ lượn hai vòng con số 8 thì quãng cách là sáu cây số. Giáo sư cứ xem con ong khiêu-vũ và đoán trước chỗ có nhụy: ngày nay người ta nghiệm thấy những chỉ dẫn của K. von Frisch là đúng và chắc chắn, chỉ cần xem cách khiêu vũ của con ong ta biết ngay các con

khác sẽ bay về phía nào và đi bao nhiêu thước sẽ thấy nơi nhụy.

Như vậy con ong đã thông báo cho các con khác về nơi có nhụy hoa. Sự thông báo này có phải một sự trao đổi, một ngôn ngữ không? Người ta đã nêu lên vấn đề này và đã được giải-quyết: đó không phải là một âm-ngữ (langage) vì không có tiếng nói, không có phát âm, hơn nữa đã là âm-ngữ, thì phải có thoại và đối thoại. Cả hai yếu-tố này không có nơi những con ong. Hơn nữa Benveniste nhấn mạnh về tính chất cố-định và vô cùng nghèo nàn của cử-chỉ con ong: nó phải vất vả để chỉ có thể nói một việc nhất định đó thôi, còn như ngôn-ngữ của loài người thì vô cùng uyển-chuyển bởi vì với một số âm tương đối hãn-hữu, con người có thể nói với nhau về trăm ngàn thứ việc (Benveniste *Problèmes de linguistique générale* Gallimard 1966, p. 56-62). Như vậy chỉ con người có âm-ngữ.

Bây giờ âm-ngữ khác với ngôn-ngữ thế nào? Ngôn-ngữ là tiếng nói đặc biệt của mỗi dân-tộc: Việt-ngữ, Anh-ngữ, Pháp-ngữ v.v. Âm-ngữ là cái trời phú bẩm, ai sinh làm người cũng có, nghĩa là cũng có khả năng diễn tả ý tưởng của mình bằng những lời nói. Trái lại ngôn ngữ là cái phải học tập. Ta nói tiếng « mẹ đẻ » không có nghĩa là cha mẹ sinh ra, ta đã nói ngay được, không phải học tập đâu. Tiếng mẹ đẻ chỉ có nghĩa là tiếng nói của cha mẹ và dân tộc mình, chứ mình cũng phải học - tập vất vả, lâu năm. Mình không thấy sự học tập, chỉ vì sự học tập diễn ra từ từ, qua nhiều năm tháng và khi ta còn bé nhỏ, dễ học tập. Một trẻ Việt sơ sinh, được một gia đình Mỹ nhận làm con, đưa về Mỹ, nó sẽ lớn lên và nói tiếng Mỹ như một người Mỹ, và không biết một chữ tiếng Việt nào. Một trẻ sơ sinh

Mỹ được một gia đình Việt nhận làm con nuôi và lớn lên ở Việt-nam, lại nói tiếng Việt như ta và không thể nói nửa lời tiếng Mỹ. Như vậy, ngôn-ngữ được coi là hình thức con người thực hiện cái khả năng diễn tả bằng lời nói. Ngôn-ngữ là một sáng tác của con người: mỗi khi muốn diễn tả ý tưởng của mình, con người sử dụng những âm-thanh (cũng gọi là thoại-tố, phonème) để tỏ bày với tha nhân; hơn nữa mỗi khi ta diễn tả một thực tại chưa từng xảy đến trong văn-học nước mình, ta phải vất vả dùng nhiều từ-ngữ, hoặc phải tạo ra từ-ngữ hoàn toàn mới.

Không những De Saussure phân biệt âm ngữ (langage) và ngôn-ngữ (langue), ông còn phân biệt thoại-ngữ (parole và ngôn-ngữ (langue). Bởi vì đối-tượng của ngữ-học là tiếng nói được cô đọng và trở thành phổ-quát của một dân-tộc, cho nên ông phân biệt cặn kẽ ngôn-ngữ và thoại-ngữ: thoại là tiếng nói sống động của cá nhân, cho nên thoại mang nhiều yếu-tố tâm lý riêng biệt của cá nhân, tức của người nói. Bởi vậy, « phân biệt ngôn-ngữ và thoại-ngữ chúng ta đã một trật phân biệt: 1) cái có tính chất xã-hội một bên, và cái có tính chất cá-nhân một bên, 2) cái thiết-yếu một bên và cái tùy-phụ hoặc phụ-tạ một bên. » (De Saussure, *Cours de linguistique générale* Payot 1966, p. 30). Nhân đó, người ta có thể ghi nhận mấy đặc tính của ngôn-ngữ như sau: — a) Ngôn-ngữ là một đối tượng được xác định rõ rệt. Nó là cái thể xã-hội của ngôn-từ, độc lập đối với những cá nhân, vì ngôn-ngữ là một trao đổi và giao ước giữa những đoàn viên của một cộng đồng; — b) Vì ngôn-ngữ đã được biệt ra khỏi thoại-ngữ nên mới trở thành đối-tượng khoa-học. Ta không nói những từ-ngữ nữa, nhưng không

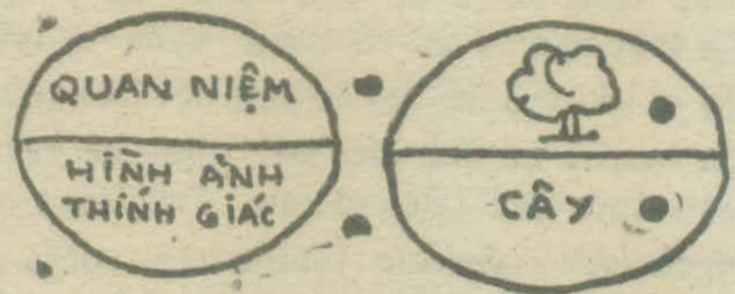
vì thế mà ta không nghiên cứu được những ngôn-ngữ đó: thực ra ta chỉ nghiên cứu một ngôn ngữ sau khi đã gạt ra một bên những yếu-tố cá-nhân và tâm-lý; — c) Âm ngữ có bản chất dị-tính, mỗi dân một thứ tiếng nói, còn ngôn-ngữ thì có tính-chất đồng đều: ngôn-ngữ là một hệ-thống chặt chẽ nối buộc những hình ảnh âm-thanh nhất định với những ý-nghĩa nhất định; — d) Ngôn-ngữ là một đối-tượng cụ-thể, rất tiện cho việc nghiên cứu. Đó là những ký-hiệu được ghi bằng những âm, hoặc bằng những chữ viết (xem De Saussure, Sd. trg 31-32).

Sau khi đã phân biệt rõ ràng thế nào là âm-ngữ (langage), ngôn-ngữ (langue) và thoại-ngữ (parole), chúng ta có thể xác định đối-tượng của ngữ-học với De Saussure: «Đối tượng cụ-thể ta nghiên cứu là chính sản phẩm của xã-hội được kết đọng lại trong óc của mỗi người: đó là ngôn-ngữ.» (Sd. trg 44). Trong việc tìm hiểu cơ cấu của ngôn-ngữ, chúng ta, sẽ lần lượt đề-cập đến ký-hiệu ngôn-ngữ, cơ-cấu ngôn-ngữ và những bình-diện ngôn-ngữ

1.— Ngôn-ngữ như một ký-hiệu

Ngôn-ngữ là một quy-ước bắt ta dùng những âm-tố (phonème) nhất định để diễn-tả những ý tưởng nhất định. Tính chất quy-ước hiện ra rõ rệt khi ta so sánh ngôn-ngữ của nhiều dân-tộc khác nhau: chẳng hạn muốn nói người chị, dân Pháp dùng chữ *soeur*, còn dân Anh lại nói *sister*; muốn chỉ con bò cái, người Pháp nói *vache*, còn người Anh lại nói *cow*. Như vậy ngôn-ngữ hoàn toàn xây trên quy-ước: giữa âm thanh ta dùng để gọi sự vật và bản-chất sự vật, không có một tương-quan tự nhiên nào hết.

Tuy nhiên khi một dân-tộc đã dùng tiếng nào để gọi sự vật nào, thì giữa vật đó và tiếng được dùng đó, có một tương-quan mật-thiết vô cùng. Đó là nhận-định thường tình. Về phương-diện ngữ-học, thì lại khác: mỗi ký-hiệu ngữ-học; tức mỗi danh-từ ta dùng để chỉ sự vật, không đặt liên-lạc giữa một sự vật và một danh-từ, nhưng giữa một quan-niệm và một hình-ảnh thính-giác (De Saussure, Sd. trg 98) âm-thanh mà ta nghe (hoặc ta phát ra) là một hiện-tượng tâm-thần nhất thiết gọi ra quan-niệm tương-ứng. Nhân đó De Saussure đã minh-họa và định-nghĩa ký-



hiệu ngữ-học như sau: «Ký-hiệu ngữ-học là một hình-thái hiện hữu trong tâm thần và có hai mặt, quan-niệm và hình-ảnh thính-giác. Hai yếu-tố này gắn chặt với nhau và luôn gọi đến nhau.» (Sd. trg 99).

Tóm lại, mỗi ký-hiệu ngôn-ngữ là một cái gì có hai phần: hình-ảnh thính-giác và quan-niệm. De Saussure gọi hình-ảnh thính-giác là cái tác hiệu (le signifiant), nghĩa là cái gọi ra ký-hiệu, và gọi quan-niệm tương-ứng là cái thụ-hiệu (le signifié), tức là cái ký-hiệu được gọi ra. Ở đây, những ai đã quen với Hiện-tượng-học không thể không liên tưởng đến cặp *noèse*, (hình-thái của ý-thức ta) và *noème* (hình-thái đối-tượng mà ta ý-thức), và Husserl gọi tương-quan mật-thiết này là mối tương-đồng (le corrélat) giữa ý-thức ta và cái mà ta ý-thức. Vậy

thì cặp *signifiant - signifié* cũng biểu-hiện một tương-quan mật-thiết và nhất thiết như vậy. Nhưng có khác nhau, và khác xa lắm : trong khi Husserl để quyền quyết định và phần chủ-động cho *noèse*, tức cho ý-thức của chủ-thể, thì De Saussure lại dành phần chủ-động cho hình-ảnh thính-giác (tức phía đối-tượng) chứ không dành cho quan-niệm (tức phía chủ-thể). Lập-trường ngôn-ngữ-học của De Saussure và môn-sinh sẽ luôn trung thành với sự lựa chọn này. Một khi đã coi ký-hiệu ngôn-ngữ là một đối-tượng khách-quan để ta nghiên-cứu như thể nghiên-cứu một vật-thể. — hơn nữa một khi người ta

dành phần quan trọng cho cái tác-hiệu (le signifiant), khoa ngôn-ngữ-học sẽ có thể hành-động như một khoa-học thực-nghiệm trong việc khảo-sát.

Khoa ngôn-ngữ-học nghiên-cứu về ngôn-ngữ, nhưng sẽ không nghiên-cứu về nội-dung của ngôn-ngữ như khoa cổ-ngữ-học và các khuynh-hướng ngữ-học trước kia : khoa ngôn-ngữ-học của De Saussure và môn-sinh lấy *vật-thể-tính* của ngôn-ngữ, tức tính-chất âm-thanh của ngôn-ngữ làm đối-tượng khảo-sát. Đó cũng là ý-nghĩa sự đề cao hình-ảnh thính-giác trên này.

(Còn tiếp)

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

GIÓ CUỐN

13 | Một buổi sáng trời còn đang mờ đất, tôi đang lơ mơ trong giấc ngủ kéo dài thì có tiếng đập cửa thình thình. Vừa mở cửa thì thấy Thanh-Hùng đầu tóc rối bù.

— Chị ơi! Liên nó uống thuốc độc tự-tử.

Tôi lưỡng cuống, tay run khựng và lưỡi lú lại. Tôi hỏi một cách khó nhọc.

— Có cứu được không?

— Được. Rửa ruột rồi.

— Hiện nằm ở đâu?

— Ở đường-đường bác-sĩ Thuận. Chị lại mau với em.

Tôi lật đật rửa mặt chải tóc qua loa rồi thay áo. Tôi leo ngồi lên Vespa sau lưng Thanh-Hùng. Dọc đường tôi được Thanh Hùng cho biết là Liên uống thuốc ngủ quãng mười giờ tối. Mưa dữ-dội hồi một giờ khuya. Lật-đật chở đi bác-sĩ.

— Uống thuốc ngủ loại nào? — tôi hỏi.

— Có lẽ Gardenal. Tìm ống thuốc mà không thấy. Rửa ruột, tiêm thuốc, Liên đã tỉnh lại rồi nhưng Liên cứ đòi chết.

— Liên có rói lý-do vì sao không?

— Không.

Tôi nhảy từng ba bậc thang một lên Phòng Liên. Mệt ngút hơi. Mẹ Liên đứng dậy chào tôi. Bà cụ chừng năm mươi tuổi, búi tóc vẫn trần kiêu Bắc. Sau cơn hoảng-hốt bây giờ bà cụ có dáng bình-tĩnh lại nên đang ngồi nhai trầu. Thấy tôi đến bà vội vớt miếng bã trầu ra hiên.

— Cô ơi, cháu Liên nó dại quá.

Rồi bà thút-thít khóc. Tôi lại ngồi bên giường Liên. Mặt nó xám ngoét đi. Tôi cầm bàn tay nó. Nó cự mình rồi hai giọt nước mắt ứa ra nơi khóe mắt. Tôi khẽ gọi:

— Liên ơi.

— Dạ.

— Sao em dại thế?

Liên lắc đầu không trả lời. Tôi chợt thấy mình vừa hỏi một câu ngốc. Sao lại chắt-vấn vào lúc này? Đi an-ủi nó chứ đâu phải đi phỏng-vấn, đi điều-tra? Chứ điều-tra làm tôi tự-nhiên rùng mình. Có những nguyên-ủy đang giấu kín. Tôi vuốt tóc Liên, những sợi tóc dính bết mồ-hôi rơi lòa xòa trên trán.

— Em thấy trong người thế nào?

— Hơi mệt.

— Chắc chỉ cần vài ngày tịnh-dưỡng là lại sức. Em chịu khó tiêm thuốc.

Tôi quay lại tìm cách nói chuyện với

má Liên để giữ cho không-khí khỏi nặng nề bởi tôi có cảm-tưởng mọi người đang mong đợi những lời tôi nói với Liên và những phản-ứng tốt đẹp của Liên. Tôi lúng túng không biết nên bắt đầu như thế nào. Thật khờ. Nói với Liên hay với má Liên tôi cũng đều thấy là những lời của tôi dư.

— Thôi, thế là may lắm. Tiêm thuốc vài bữa là có thể đi làm được.

— Mô Phật. Dạ tôi cũng mừng quá đi cô ạ. Tôi chỉ có mỗi một mình cháu. Cháu mà có thể nào thì thật tôi chả có thể sống được (Bà sụt sịt khóc). Tôi chiều cháu lắm cơ ạ. Đấy, có thằng Hùng biết đấy, rời cháu ra một bước là tôi chả làm thế nào mà ngủ được.

Tôi cười nhẹ :

— Còn mấy tháng nữa lấy chồng rồi Bác làm sao ?

— Thì lúc đó hãy hay chứ biết làm thế nào.

Tôi quay lại nắn vai Liên.

— Em có mỏi lắm không

— Mỏi muốn rã chân tay.

— Để chị bóp tay cho.

Thanh-Hùng ngồi không yên chỗ, cứ chốc chốc đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng.

— Tôi bả :

— Thôi Hùng có thể đi ra sờ đi. Để chị ở lại với Liên. Trưa đi làm về, tạt ngang qua đây.

Thanh-Hùng nhìn xuống đồng hồ tay, về còn lưỡng lự. Tôi tiếp lời :

— Hùng cứ yên tâm. Có chị ở đây mà.

Hùng li nhí chào má Liên, chào tôi rồi đi ra cửa.

Tôi ngồi với Liên suốt cả ngày hôm

đó. Buổi trưa Liên đã được phép uống nước cam vắt. Thừa lúc má Liên đi mua cam, tôi hỏi Liên :

— Em có chuyện gì buồn sao ?

Liên gật đầu.

— Nhưng đâu có chuyện buồn cũng không thể tự-tử dễ dàng như vậy được. Em còn mẹ...

Liên khóc thộn thức :

— Em thương mẹ em lắm.

— Thanh-Hùng nữa. Em nhớ làm khờ Hùng sao ?

— Em đâu có nhớ làm khờ anh ? Nhưng em cực chẳng đã...

Tôi vỗ về Liên :

— Em chớ nên rối trí. Có chuyện gì buồn, chuyện gì rắc rối, chúng ta sẽ tìm cách giải-quyết. Em ngủ yên đi.

Ở dưỡng-đường ba ngày, Liên về nhà. Nó đã khoẻ mạnh trở lại nhưng dáng dấp-chiêu ử-dột. Thanh-Hùng sợ nó lại liều lĩnh lần nữa nên nài tôi thường đến với nó cho có bạn..

Một hôm Thanh-Hùng đến nhà tôi với vẻ mặt bần khoản. Tôi mời ngồi, mời nước nhưng Hùng lơ-đãng cứ đứng yên. Tôi phải lặp lại ba lần Hùng mới ngồi xuống ghế. Rồi Hùng rụt-rè nói nhỏ với tôi :

— Liên nó có mang, chị Nhân ơi.

— Có mang ? — Tôi hốt hoảng la lên.

— Dạ. Liên thú thật với em hồi hôm,

— Có mang với ?

— Không phải với em. Với thằng Jim «Thằng Jim!» tôi không biết nên biểu-lộ sự ngạc-nhiên như thế nào. Tôi hỏi :

— Có mang chừng mấy tháng ?

— Đâu được ba tháng.

Chúng tôi im lặng, mỗi người nhìn chăm chăm vào một vật ở trước mặt.

— Bây giờ câu chuyện đã đỡ bề như thế, Hùng nghĩ sao ?

— Em cũng chẳng biết nên nghĩ sao nữa. Liên xấu hổ uống thuốc ngủ chết. Bây giờ dẫu đã cứu được nhưng Liên không thiết sống nữa. Em khổ tâm quá.

Tôi ngồi lặng yên suy-nghĩ. Cái giá-trị của người đàn-bà thật hết đối mong manh. Người đàn-ông có thể làm một ngàn điều lầm lỗi mà không mang vết-tích gì. Cái ông hiền-triết Trung-hoa nào đó lạc-quan cũng phải. Sinh ra làm đàn-ông đã là một sự may mắn to lớn rồi. Làm đàn-ông mà khỏi đui què mẽ sứt là một sự may mắn lớn nữa. Vậy thì dẫu có nghèo, có thua kém chức phận cũng cứ vui như thường là phải.

— Em không nỡ trách Liên. Em tha thứ cho Liên làm đàn-bà không dễ chống lại sự sa-ngã khi xung quanh mình người ta sa-ngã hàng loạt. Liên hối-hận thực-tình nên Liên mới lên uống thuốc ngủ tự tử.

Tự-tử không xóa được tội lỗi, tôi nghĩ. Tự-tử còn làm tăng thêm tội-lỗi bởi vì cha mẹ, anh chị em, họ hàng sẽ còn mang tiếng thêm, còn xấu hổ thêm. Tôi hỏi :

— Hùng có thành-thật tha-thứ không?

— Có. Đề cho Liên chết hay giữ cho Liên sống, em phải chọn một.

— Còn đứa con ?

— Liên không dám phá thai. Sợ nó báo oán và sợ nguy-hiểm đến tính-mạng.

— Thế thì tính sao ?

— Em đang bí ở chỗ đó.

Vấn-đề đứa con ! Tôi không nỡ bắt Thanh-Hùng cung-xương tất cả những ý-

nghĩ của hắn xung quanh đứa con.

Những ý-nghĩ đó ai cũng có, có từ từ xưa, già cỗi như trái đất và giống nhau như những tính xấu. Đem cho Viện mồ-côi ? Thì người đàn-bà tử thân. Đề nuôi trong nhà ? Thì người đàn-ông bị dày vò từng giờ từng phút. Nó hiện-diện luôn đó đề nhắc nhở. Nó gặm nhấm tâm-hồn. Không thể được. Liên nó sẽ tìm cách tự-tử lần nữa. Rồi lần nữa. Người ta không thể đứng lâu bằng một chân. Dù có gắng gượng hết sức rồi cũng đến lúc phải bỏ nhào.

Tôi tập trung mọi suy-nghĩ dồn về trường-hợp của Liên. Sự cố gắng làm nhức một nơi nào đó trong não. Sau chừng mười phút im lặng, tôi bảo Thanh-Hùng :

— Chị đề-nghị : Cứ đề cho Liên sinh. Đứa con, chị sẽ xin nuôi làm con chị.

Mặt Thanh-Hùng sáng tươi lên.

Em thấy đó là một giải pháp tương-đối, ổn thỏa. Em bằng lòng quên hết mọi chuyện cũ. Coi như không có gì xảy ra. Chúng em sẽ xin thuyên chuyển về một thành phố khác.

— Hay lắm. Đề chị gặp Liên và đưa cái đề nghị đó của chị.


Thanh-Hùng cảm ơn tôi.

Ngày hôm sau tôi đến gặp Liên, trình bày những lẽ hơn thiệt và Liên bằng lòng giải pháp của tôi. Chừng sáu tháng Liên sẽ xin nghỉ dài hạn, về một tỉnh nhỏ đẻ sinh. Đứa con, tôi sẽ nhận làm con nuôi. Tôi sẽ thuê vú nuôi nó và như thế Liên sẽ được giải thoát khỏi cái gánh nặng, hậu quả của những phút lỗi lầm cũ.

Quả tình là tôi có được niềm vui to lớn khi giúp cho Liên và Thanh-Hùng

tìm thấy lại được hi vọng để sống. Đối với tôi, thêm một đứa con không phải là một gánh nặng.

Tôi khỏi phải xin phép Thuyên để nhận nuôi đứa con của Liên bởi vì Thuyên bỏ nhà đi luôn. Họa hoằn anh mới tạt về nhà và lần nào anh cũng say ngất ngưỡng. Tôi không bực mình, không buồn. Miễn là tôi được yên-ôn, còn thì ngoài ra tôi không muốn suy nghĩ gì hết. Hạnh phúc đối với tôi là một cái gì hết đối mong manh. Căn cứ vào đâu mà gọi là xây dựng chắc chắn Hạnh-phúc của mình bởi Hạnh phúc không giống một ngôi nhà. Người ta không thể vẽ họa-đồ để xây nó theo đó, không thể tin chắc là hồ 400 sẽ chắc hơn hồ 200, sắt 12 sẽ cứng hơn sắt 8. Vợ chồng thẳng Hiệp chửi nhau ngày một. Chồng xuất thân là thợ cắt tóc, vợ buôn hàng xén. Bây giờ chúng nó cũng thành nhà thầu. Vợ lái xe chơi phố, vòng ngọc trai lông lánh nơi cờ. Chồng đi xoa mà

chược với trạng-sư . Rồi chúng nó ghen nhau chửi nhau, đứa này bảo đứa kia là hỗn như gấu. Hạnh phúc đậu ở nơi nào? Cuộc đời con người được nuôi bằng một hơi thở. Chỉ cần thở đến chậm một phút là tiêu tan hết, hàng ngày tổng kết chiến-trường hai bên chết khoảng một trăm người. Con số một trăm là một con số nhỏ: bởi ta quen nói một trăm đồng giá cái vé cải lương hạng bét, cái băng thun thanh một trăm feet hát chơi chỉ nửa giờ, quyền võ một trăm trang nhẹ trên bàn tay. Nhưng nếu ta nghĩ đến từng trường hợp chết, người võ mảnh sọ lòi não trắng hếu, người bị thận mình đứt làm hai đoạn, ruột rơi lòng thông, người bị đạn bay mất hàm khiến khuôn mặt ngấn lại. Hãy soát từng xác chết một, cần thận tìm những sự phá-hoại tàn nhẫn trên một tổ-chức vi diệu là cơ thể con người. Một trăm cái xác như vậy! Khoa học chưa phụng sự con người được bao nhiêu mà cứ lăm lăm đe-dọa tàn-phá. Hãy tìm hiểu xem một cái xác như thế làm bao nhiêu gia đình đau đớn, bao nhiêu người xót xa, rồi hãy cứ nhân lên một trăm. Vâng, tôi thấy Hạnh-phúc là một cái gì khó tìm, rất khó tìm. Thế-hệ của chúng tôi mau đấng mau già như những trái cây không có đủ điều kiện thiên nhiên để sống đầy đủ những giai đoạn kế-tiếp của chu-kỳ sinh-trưởng, như những quả cam đang kỳ lớn thì bị khô hạn, bị nắng hóp. Như những gié lúa mới ngậm sữa đã bị bỏ rùa áp, bị bắc thối. Thế-hệ chúng tôi không có tuổi trẻ. Chạy giặc từ hồi ba, bốn tuổi. Khi có trí khôn, có trí nhớ thì đã biết sợ bom, sợ súng, sợ bắn đạn lửa cháy nhà, sợ thả bom napalm cháy làng, sợ bị mổ ruột, sợ bị hãm-hiếp.

KHI MÙA XUÂN TỚI

(Xin xem BK. TĐ. từ số 265-266)

Việc đầu tiên khi Văn tới tỉnh là xách khăn gói tới nhà Tùng. Anh nóng nảy muốn biết ngay ngày giờ khởi hành để có thể kịp sửa soạn Văn xuống xe ở ngoại ô, anh đi tới cổng trường tiểu học của ấp. Trường vắng, không một bóng người. Mái nhà im lìm. Cây cột cờ đứng cô đơn giữa khoảng đất rộng. Văn rẽ vào phía tay trái. Nhà Tùng ở cuối dốc.

Tùng đang nằm trên giường, tay cầm cuốn báo. Thấy Văn, anh vui mừng ra mặt. Tùng nhồm dậy,

— Ở đây ăn tết với tôi cho vui! Không có vé máy bay!

Văn ngồi xuống ghế. Nỗi thất vọng xâm chiếm trong lòng, anh rút thuốc:

— Khó thế cơ à?

— Hết cả tháng nay rồi! Tôi cố hết sức nói, nhưng không được.

Nét mặt Tùng thản nhiên như không hề biết tới mối bận tâm của Văn. Làm sao để về được Saigon bây giờ? Làm sao? Căn phòng nhà Tùng đã bày biện ra không khí của tết nhất. Bộ ghế sa-lông được lau rửa sạch sẽ. Một chiếc tủ kính trưng cốc chén sáng choang. Cảnh đào đầy nụ và hoa cắm trong một chiếc thùng nước. Sắc hoa tươi thắm. «Có lẽ bây giờ gia đình đang lau nhà

cửa». Văn nhìn khói thuốc bay trong không. Anh thấy mình bỗng đứng lạc loài như chiếc cột cờ của ngôi trường tiểu học trong ấp từ nãy khi anh đi qua. Văn đứng dậy xin về.

Văn xách «sắc» trở về viện. Anh đứng trước cổng, mọi lần chiếc biển đồng ghi chữ Viện Đại Học vẫn có ở đây, nhưng lần này hình như nó đang ngó anh.

Văn về phòng. Nửa đường, anh gặp bác Ba, người bán hàng ở cầu-lạc bộ. Thấy anh, bác hỏi:

— Cậu Văn không về à?

— Không.

Bác Ba mỉm miệng, lộ hai hàm răng trắng:

— Năm ngoái có một số cậu ở lại, sau thấy họ về hết, buồn quá cũng xách khăn gói về luôn.

Văn cười vói lời nói. Nhưng ý nghĩ của anh bắt sang chuyện khác. Năm ngoái đường bộ còn đi được. Muốn về lúc nào thì về, thật dễ dàng. Nhưng năm nay đã khác hẳn. Phải quyết định cho thật sớm. Bác Ba trở ra cổng, xuống phố. Văn đứng tần ngần trước cửa phòng. Anh đứng thật lâu như một người tưởng niệm. Trong óc anh, ý nghĩ phải về Saigon vẫn còn. Các tư tưởng chạy nhanh qua óc. Anh nhớ tới từng

người có thể giúp anh. Khi anh mở khóa cửa phòng, ý nghĩ đầu lại một nhân vật quen trong thành phố: Chị Hiền, làm ở công sở, chị Hiền quen với ông giám đốc hãng Máy Bay, may ra có thể giúp anh trở về Saigon được.

Chị Hiền thay đổi hẳn vẻ mặt, từ ngày sinh con trai đầu lòng. Nét đầy đà xuất hiện trên thân hình chị. Với chị, Văn không thấy được sự « mơn con mắt » của gái một con. Trái lại, anh chị thấy sự lồi thối lệch thếch trên người chị. Chị mặc một chiếc áo dài dày vàng đã bạc, chiếc quần đen. Áo len mặc ngoài khác trên thành chế. Lúc chị đứng dậy, cả một khoảng sườn trắng phía hông lộ ra. Chị trông thấy Văn chỉ kêu lên một tiếng ngạc nhiên.

— À chú Văn.

Rồi thôi. Chị tiếp tục công việc của chị. Chị mở ngăn kéo ra, đóng ngăn kéo vào. Trườn mình sắp lại một đống hồ sơ ở phía tay trái, di chuyển tập hồ sơ trước mặt sang bên phải cho gọn. Sau đó thẩn người ra nghĩ ngợi.

Trời đã về chiều. Hơi lạnh từ ngoài phố thấm vào trong căn phòng. Gần đến giờ tan sở. Chỉ còn vài người thư ký còn lại trong văn phòng. Ở một góc, một cụ già đang vội vã đánh máy. Tiếng máy chữ « tốc tốc » đều đều chỉ làm buồn thêm căn phòng trống trải. Ở bên tay phải Văn ngồi là một chiếc bàn kê thẳng góc thước thợ với bàn của chị Hiền sau. Sau chiếc bàn, một ông vào khoảng ba mươi tuổi đang ngồi hút thuốc. Đầu tóc ông dài lượt thướt, chải kéo về phía đằng sau cũng không nâng nổi vầng trán thấp trở thành cao. Râu ria rậm rạp. Ông vừa xoa cằm, vừa dang cả hai chân ra, túm tìm cười một mình, thỉnh thoảng lại phun một làn khói trắng lên trên không, đặc ý.

Sát bên ngay bàn giấy của Chị Hiền là một thanh niên ngoài hai mươi tuổi. Anh ta cũng đang lục lọi như chị Hiền. Nhưng cử động mạnh mẽ hơn. Anh đóng ngăn kéo rầm rầm, đặt hồ sơ bịch bịch, vo giấy tờ soàn soạt. Một lát anh kêu lên :

— Thằng cha Tần ầu thấy mẹ. Đánh máy xong vứt bừa ra đây !

Sau tiếng lật hồ sơ lịch bịch, anh lại cất tiếng :

— Cả hồ sơ nữa chứ ! Hẳn cũng để bừa ra. Mất lại kêu loạn lên.

Ông già vẫn cặm cụi đánh máy. Tiếng máy gõ trên mặt giấy mỗi lúc một nhanh hơn. Tiếng la của anh chàng vừa rồi không làm ông để ý. Chị Hiền cũng vậy. Chị đang mãi kiểm vật gì. Chỉ có anh chàng ngồi góc bên phải góp chuyện :

— Thằng Tần thì còn phải nói ! Một cây bừa.

Anh ta nói xong, đôi chân dang thêm ra một chút nữa, mình trườn xuống phía dưới và tiếp tục... mỉm cười.

Văn hỏi chị Hiền.

— Chị kiểm gì vậy ?

Chị Hiền không trả lời, chị kéo hẳn ngăn bàn cuối cùng ra, đặt lên trên bàn. Bàn tay chị lùa dưới tập giấy tờ sục sạo, rồi nhắc hẳn lên. Mai lọ thuốc đánh móng tay và một hộp son lộ ở dưới đáy.

Chị Hiền cười :

— Đây rồi, kiểm mãi. Vừa mới mua budi chiều để đón xuân, tưởng mất rồi thì xui quá.

Chị lấy một miếng giấy lộn, gói tất cả ba thứ lại, ràng lại bằng một chiếc giấy cao su, quăng vào sọt. Chị cất ngăn kéo lại vào chỗ cũ.

Thì hành xong từng ấy cử chỉ. Chị mới quay lại hỏi Văn :

— Chú tới đây có việc gì ?

Từ nãy đến giờ. Văn ngồi yên qua sát khung cảnh công sở lúc gần tan. Các công chức thưa thớt ngồi tán gẫu. Văn ngạc nhiên, anh tò mò theo dõi từng cử chỉ, lời nói của họ. Anh cũng ngạc nhiên khi thấy chị Hiền y hệt như một nữ công chức bề bối đáng ghét khác hẳn với khi anh tới thăm chị ở nhà. Chị Hiền hỏi, Văn không trả lời anh cất tiếng :

— Sao sở có ít người vậy chị ?

Chị Hiền nghiêng người dơ tay sửa mái tóc, khoảng sườn trắng lại hiện ra rõ rệt ; chị đáp cụt lún :

— Về hết !

Văn ngơ ngác :

— Còn ông chủ sự đâu không sợ à ?

— Chị cười lớn :

— Về từ lâu rồi ! Ông ta bận đi họp từ bốn giờ.

Ông « ngồi dạng chân » lên tiếng :

— Thì cũng phải nghỉ xả hơi chứ. Gần tết rồi, sức mấy mà làm !

Chị Hiền tiếp vào :

Ông Ba nói phải ! Cũng như chú vậy ! Gần tết chú có dạy họ : trò không ?

Văn cười nhẹ, anh kh đổi chất với chị về chuyên nghỉ làm cuối năm nữa, bắt luôn sang chuyện anh muốn nhờ.

— Con mua giùm chiếc giấy máy bay Em mua không được.

Chị Hiền cười :

— Thảo nào, lại cầu cứu rồi !

Rồi chị nghiêm giọng :

— Nhưng có lẽ lần này khó lắm ! Hôm qua có cô bạn nhờ cũng không mua được.

Văn không có cảm giác của người

thất vọng hay hy vọng :

— Chị cố giúp !

Được, để chị tính xem.

Giây phút sau, chị quay sang phía ba ông ngồi dạng chân :

— Anh Ba, chờ tôi về rồi hãy về nhé, tôi trở lại ngay. Lo cho chú này chút đã !

Chị bảo Văn :

— Chú ngồi đây chơi tôi qua hãng máy bay về ngay.

Chị nói xong, cầm lấy chiếc sắc, khoác chiếc áo lên người tắt tả đi ra cổng.

Trong phòng còn lại ba người công chức. Cụ già vẫn tiếp tục đánh máy, mỗi lúc một mau hơn. Anh thanh niên ngồi bên cạnh bàn chị Hiền còn tiếp tục lục soạn. Cử chỉ của anh nhẹ nhàng hơn lúc nãy...

Một lát sau chị Hiền vội vã đi vào. Cách báo hiệu đầu tiên của chị về tin tức cho Văn là một cái lắc đầu. Chị lại gần, ngồi phịch lên một chiếc ghế :

— Không có rồi chú !

— Không có hả chị ?

Chị nói trong hơi thở :

— Tôi đã cố nói giúp chú, nhưng không được. Hết sạch chỗ rồi.

Chị cười tiếp :

— Vừa đi vừa chạy. Mệt quá !

Văn nhận thấy chị Hiền quên thuộc của mình không còn là người công chức đáng ghét khi nãy nữa.

Chị Hiền lẳng chiếc sắc chạm nhẹ vào vai Văn :

Bây giờ có một cách này. Sáng mai chú cứ xách hành lý ra phi-trường, thế nào cũng còn chỗ. Vì bao giờ hãng cũng dành bốn chỗ cho nhân viên chính phủ. Nhưng họ chỉ bán vé vào lúc cuối cùng ở phi-trường thôi !

Văn không để ý tới lời nói của chị. Anh đang mãi nghĩ tới cách khác. Xách va-ly ra phi-trường, nhiều người đã làm việc đó. Chưa chắc gì đã có chỗ.

Ba kéo ghế đứng dậy :

— Thôi đi về.

Ông cụ già vẫn ngồi đánh máy tính khô. Chị Hiền gọi :

— Về thôi bác.

Cụ già cất giọng khàn khàn :

— Thôi các ông bà cứ về đi, tôi ở đây đánh máy nốt đoạn này rồi về sau. Mai ngồi chơi cho khỏe !

Ba người đi ra cửa. Tiếng máy chữ vẫn gõ đều một nhịp. Văn ngó lại. Cụ già đang chăm chú nhìn vào tờ giấy đặc chữ bên cạnh « chả lẽ mình lại giam mình ăn Tết ở đây như cụ già giam mình ở lại sở chắc ». Bỗng nhiên Văn thoáng buồn. Chị Hiền lại lấy chiếc sắc đánh vào vai Văn :

— Làm gì mà suy nghĩ dữ vậy ! Thế nào mai cũng về được Sài-Gòn. Bây giờ chú về nhà chị ăn cơm cái đã !

oOo

Khi Văn ra khỏi nhà chị Hiền thì con phố vắng đã được chiếu sáng bằng những ánh đèn vàng vọt. Trời lạnh Văn co ro đi xuống phía chợ. Ở trên cao anh nhìn thấy khu ánh sáng ấm cúng phía dưới. Cao hơn cả là nóc một rạp Ciné ở giữa phố.

Tiếng nói của gia đình chị Hiền còn vang bên tay. Dù thiếu một người đàn ông vui vẻ vắt trần ngập trong lòng mọi người. Chú Bé Duy đã được mười bảy tháng.

Trong một chuyến đi, Văn gặp mẹ chú, chị Hiền mò mẫm trên quảng đường ở giữa khoảng Sài-Gòn và tỉnh. Đường bị cắt đứt bởi những hố đào. Chiếc

cầu xi măng rộng lớn vừa bị kéo sụp đổ. Chị Hiền một tay chống chiếc gậy một tay xách làn, đang lội trên đồng bùn ngập tới đầu gối. Theo sau là đứa em trai của chị cũng xách nặng nề không kém. Văn gặp chị, khi anh cũng đang ở chung một thảm cảnh. Khệ nệ chuyển đồ của các trại sinh sang bên này cầu.

Tất cả xe đều hết sạch, trừ chiếc xe đoàn Văn thuê. Trời đã tối, Văn gặp chị và đứa em ngồi bệt lên một phiến đá dọc đường thỏ. Văn nhìn chị mà cũng thấy sự nhọc mệt thắm trên mình.

Đã hai năm trời đi qua. Văn có thêm hai chứng chỉ. Nhưng đồng thời bạn bè cũng mỗi ngày một xa lác. Anh chỉ còn được gặp Trọng cùng học trên Viện tiếp tục làm công tác xã hội. Còn những người cũ Văn được tin rất lờ mờ. Văn nghe tin một vài người đã ra đời đi dạy học, một vài người đi lính, có người chết. Thọ chết khi thử bắn trọng pháo. Không hiểu vì lý do gì đạn nổ ngay ở mòng và Thọ bị tan xác. Văn vẫn không rõ vì sao Thọ yêu chị Hiền, yêu say đắm và chân thành, mặc dù lúc đó chị Hiền đã có mang bé Duy. Cho tới bây giờ chị Hiền vẫn chưa biết cả hai chuyện. Thọ yêu chị và Thọ đã chết...

Khu phố chợ đông đảo. Người qua lại lũ lượt. Các cửa tiệm sáng trưng. Văn bị đẩy trôi trong đám đông đó. Nét mặt mọi người đều hân hoan chờ đợi. Tiếng còi xe inh ỏi vang bên tai Văn. Văn lách qua những chuỗi xe, qua đường tới tiệm cà phê trước mắt.

Văn đẩy cửa bước vào. Anh đang ngần ngừ chọn chỗ, một tiếng gọi từ góc phòng :

— Văn.

Một người ở góc phòng dơ tay vẫy. Ánh sáng mờ mờ không cho Văn nhận

rõ. Văn tiến lại gần. Người kia dơ tay mời ngồi. Hai hàm râu của hắn nhấp nháy :

— Còn nhớ moa không ?

Văn nhin kỹ. Anh thốt nhận ra :

— Tiến phải không ?

Hai hàm râu lại nhếch lên. Tiếng cười ha hả :

— Tiến đây, trại Pleiku mà.. Nhớ không ?

Văn nhỏ nhẹ :

— Nhớ !

Tiến dơ tay chỉ người con gái bên cạnh :

— Xỉa giới thiệu đây là Thoa cô bạn tôi, sinh viên Dược. Và đây là anh Văn, bạn của anh, anh Văn là...

Tiến ngập ngừng quay sang Văn, Văn đỡ lời :

— Dạy học !

Tiến cười lớn :

— À phải anh Văn, giáo sư.

Cách nói chuyện của Tiến khiến Văn vừa ngỡ ngàng vừa khó chịu. Tiến không quen biết Văn lâu năm. Văn chỉ gặp Tiến, trong một trại công tác trên Pleiku. Hai người trở thành biết nhau nhiều vì Tiến là một thuyết-trình-viên của trại huấn-luyện. Còn Văn là một trại-sinh tới nơi để thụ-huấn những lời vàng ngọc của huynh-trưởng. Trong "chương-trình xây-dựng xóm làng" v.v. mùa hè năm ngoái, Tiến là người của Trung-Ương, đã nói chuyện với các trại sinh nhiều lần. Và lần nào Văn cũng tiếp chuyện hắn, bằng cách đem những điều mắt thấy tai nghe ở Trung-Ương, ở các trại ra chất vấn. Sau cùng mỗi lần Tiến đứng đàn, câu đầu tiên, của Tiến bao giờ cũng là một câu: "Tôi không muốn cuộc thảo luận như một chất vấn, mà là

một góp ý-kiến cho khỏi sức mẻ tình anh em trong trại này" Văn chẳng bao giờ muốn làm sứt mẻ tình anh em, nhưng anh cũng chẳng muốn mọi người nhận danh tình anh em, để làm sứt mẻ tình anh em thực sự cho nên Văn tiếp tục làm "sứt mẻ tình anh em" cái "tình anh em" theo kiểu các khuy-nh-trưởng thường nói.

Bây giờ cả Văn với Tiến đều muốn quên chuyện cũ. Mùa hè đã qua đi hai năm rồi. Thọ cũng đã chết hơn một năm. Nhắc nhở lại những chuyện cũ là gây thêm những tan rã chính trong tâm hồn mình.

Tiến hỏi :

— Toa cũng lên đây nghỉ mát ?

— Không tôi dạy học trên này, đang kiểm máy bay về mà không có.

Tiến cười, vẫn một giọng cười độ: đáo :

— Về làm chó gì! Sài gòn như bần thấy mẹ! Moa đang đi trốn Sai-gòn đây này. Bar, Building mọc như nấm, Mỹ nhiều như nước chảy.

Không hiểu vì tiếng cười hay lời nói của Tiến. Văn càng cảm thấy khó chịu nhiều hơn :

— Một năm tôi chưa về nhà! Nay muốn về thăm gia-đình Anh cố che bằng chiếc cười mỉm :

— Sài gòn như bần lắm à ?

Tiến vung tay:

— Chứ còn gì nữa. Sài-gòn đi điếm, Sài-gòn là ổ rác. Fulbright còn phải gói thể cơ mà! Nó là Mỹ mà nó còn dám nhin thẳng vào cuộc chiến tranh của mình.

Khó chịu biến dần sang tức giận. Văn cười nhạt :

— Chiến tranh mình là đi điếm, thì mình trong sạch gì ?

Phản ứng của Văn khiến Tiến nhớ lại những kỷ niệm trong trại. Anh ít cười nói hơn. Hai người bắt qua các chuyện khác. Văn hỏi thăm về Saigon, Saigon yêu dấu, yêu dấu chỉ vì một điều duy nhất : gia đình anh ở đó. Văn đợi cho cà phê chảy qua hết khỏi lọc, anh chế nước sôi, cho đường. Anh uống vội vã ly cà phê, rồi xin phép về ngay. Anh không muốn đối diện với người, về cả hai phía, sẽ gây ra một sự khó đối thoại.

Ra khỏi tiệm cà-phê, không khí dễ thở hẳn lại. Đám người mỗi lúc một đông hơn. Văn đi xuống bờ hồ cho thoáng. Anh ngồi lên trên bệ xi-măng xây quanh một cây anh-đào. Mặt hồ nước lập lờ ánh điện, tóe lên từng mảng sáng. Thành phố này quả thật trong sạch, thoáng khí và đẹp đẽ nữa. Văn nhớ tới lời Tiến khi nãy : Đi trốn khỏi nơi như bần. Trong cuộc chiến tranh này, thành phố nào mà không như bần như lời Tiến nói. Ở Nha Trang, Cam Ranh, Pleiku v.v. những thành phố Văn đi qua không đâu là không có không khí của chiến tranh của đi điếm. Trừ thành phố này yên tĩnh — tất nhiên chỉ ở trong thành phố. Nhưng từ bỏ các nơi như bần để tới một vùng trong sạch với một ý nghĩ khinh bỉ, thì thái độ đó cũng chẳng trong sạch gì. Những loại người như Tiến không thiếu gì trong bạn hữu. Văn không chỉ trích, có kẻ nào dám quả quyết không có một hành động, một cử chỉ nào là như bần ? Nhưng cách đối thoại của Tiến làm Văn nhìn thấy một sự đối trá, một bức tức anh đã từng gặp cách đây hai năm trong những trại công-tác của « chương trình xây dựng xóm làng ».

Thực sự, ai cũng muốn tìm nơi yên

đàn, cũng muốn thực hiện những ước mơ thật giản dị trong đời. Vô cùng giản dị. Như Trọng, Trọng chỉ « ao ước có một cánh đồng cỏ xanh mượt, một bầy gia súc vài chục con, với một người tha thiết yêu mình và ngược lại. » Văn còn nhớ hồi ở trên Pleiku, Trọng chỉ cho Văn cánh đồng cỏ dai trước mặt mà thôi lộ với Văn ý định trên. « Nhưng những yên ổn đó phải được thực hiện với đám đông ». Đôi mắt Trọng đắm chiều nhìn ước mơ của mình trải rộng. Lần đầu tiên Văn được chứng kiến nét buồn bã trên khuôn mặt một người vẫn được mệnh danh là « lạc quan nhất thế giới ».

Văn không muốn hỏi Trọng, tại sao lại cần phải đám đông. Anh đã thừa hiểu mỗi khi được nghe súng nổ, được chứng kiến một cảnh chết chóc. Nếu trên khắp thành phố không im tiếng súng, không chấm dứt những sự chết chóc vì súng đạn, sự bất an còn làm xao động tâm hồn. Đám đông yên ổn chính là tâm hồn cá nhân yên ổn. Văn hiểu tại sao anh lại gần Trọng hơn vì chính anh, anh cũng đang đi kiếm tìm sự yên ổn đó cho đời mình...

oOo

Văn ngồi bệt xuống thềm, dựa lưng ngang hông chiếc cửa ra vào. Tiếng động xoay tròn xung quanh Văn. Đủ mọi thứ tiếng : tiếng người hét, tiếng máy điện, máy bay, tiếng vi âm. Đám đông xô đẩy nhau xung quanh chỗ bán vé để lấy thẻ lên tàu. Người phát thẻ gặt gồng. Ông ta phải là việc nhiều. Đám đông không nghĩ thế, luôn luôn cất lời phản đối vì thứ tự ưu-tiên bị đảo lộn. Đôi lúc, một kẻ bị văng ra bắn tới chỗ Văn. Cảnh tượng đó làm Văn chán ngán. Nếu có mở đợt xung phong bây giờ cũng vô ích. Chắc hẳn người bán vé sẽ cầu

nhau, Phải đợi lát nữa mọi người lấy thẻ xong mới tới lượt bọn anh Đó là đợt xung phong để dành dặt mấy chiếc ghế trống. Nhưng đợt này coi mỗi còn mệt hơn. Toàn một bọn quyết-tử Vău đã thử sức nhiều lần. Lần nào cũng vậy, tới lượt anh mục-tiêu đã bị chiếm mất, đành phải về vị-trí cũ để bắt đầu lại.

Văn dở thuốc ra hút. Anh lơ đãng nhìn lên nền trời phía ngoài. Trời xanh biếc và mây trắng. Ở đây mọi người đều ngắm trời đẹp luôn khi có tiếng động của máy bay. Văn cũng vậy. Anh cũng mong muốn có một chỗ để về Saigon. Vău khao khát những giây phút được chen lẩn trong đám đông vui vẻ trên đại-lộ Lê-Lợi. Anh muốn được ngồi ở trong các hàng quán nhìn đám đông trôi qua trước mặt Thanh thân vô cùng.

Văn chắc những người quanh chỗ anh hiện tại cũng ý nghĩ như anh. Mọi người đều có một khao khát riêng.

Bà cụ già bên cạnh đang lim dim ngủ. Nét mặt bà hốc hác. Tóc xõ ra nhiều sợi. Một tay bà cụ ôm bó huệ lớm. Bà chỉ mong về Sai-Gòn trước khi hoa héo. Bà mong được cắm bó hoa vào trong chiếc bình cổ sáng choang, đầy nước mát. Bà sẽ say sưa ngắm hoa trong bình, thứ hoa huệ của Dalat, đặc biệt thơm phớt tím. Từ nãy bà thở dài luôn miệng. Trong giấc ngủ lim dim, biết đâu bà chẳng đã thực hiện được ước mong.

Đứng ngay giữa phòng đợi, bốn năm người đang tán gẫu Họ chừng khoảng 30, 40 vừa đàn ông vừa đàn bà. Nét mặt đều lộ vẻ nôn nóng bức tức. Một người đàn ông cất tiếng:

Biết thế này, đi cha nó xe hơi cho xong! Máy bay gì mà chờ với đợi.

Một người đàn bà, có lẽ là vợ ông ta:

— Em đã bảo anh không nghe! Cứ sợ tăng-bo với tăng-bò!

Bà khác:

— Sợ thiệt đó chị ạ Tui vừa có thằng em lên, nó phải đi bộ tới hơn hai chục cây. Minh lại nhiều đồ.

Một ông điều:

— Ăn tết trong rừng thì chết cha.

Câu điều dở. Chẳng ai cười. Bà vợ quay ra hỏi chồng.

— Bây giờ làm sao báo tin cho ba má được? Chỉ sợ má ra đón, mấy hôm không thấy lại lo.

Ông chồng không trả lời, trầm ngâm suy nghĩ...

Đám người nói chuyện hơi to. Một số người đưa mắt dòm.

Ở góc phòng đối diện với Văn, một thiếu phụ còn trẻ đưa mắt ngó đám đông, vừa ru đứa con nhè nhẹ. Văn nhớ là cô đó cũng chờ máy bay với Vău đã ba ngày. Cô mặc bộ áo tang còn mới. Đứa bé gục đầu trên vai mẹ ngủ ngon lành. Hôm qua, Văn đã chứng kiến cô bị văng ra khỏi đám đông, với đứa con trên tay, lao đảo suýt ngã. Cô đứng ở một góc phòng sát với phòng vệ-sinh túi thân thút thít khóc khi có người lính vào hỏi vé hộ. Đôi mắt Văn gặp phải đôi mắt cô. Cô lúng túng quay đi đi. Bàn tay đập khe khẽ trên móng đứa trẻ. Có lẽ cô nghĩ tới cảnh ngộ hôm qua của mình.

Đám đông ở ghi-sê đã giảm đi nhiều Văn đứng dậy, phải vào đó ngay. Chờ hết người đổi thẻ lên tàu là không kịp. Văn toan bước tới phòng bán vé, chợt anh nghe ở đó một tiếng quát lớn:

— Tại sao không bán?

Có tiếng quát lại của ông bán vé:

— Hết chỗ rồi thì không bán chứ sao? Đây đâu có phải là chỗ bán vé. Ông lên tỉnh mà hỏi!

Vấn nhận ra người quát là người lính đã nhận mua hộ vé cho thiếu phụ mặc áo tang. Mặt ông lính đỏ gay hơn, Ông không còn nói với ông bán vé, quay ra phàn trần với đám đông:

— Chồng người ta đi lính chết! Không bán là nghĩa-lý nào?

Ông bán vé khật khưỡng:

Ở đây không phải là chỗ bán vé. Ông được một chỗ là tốt rồi!

Cả đám đông kéo lại vây quanh chỗ ghi-sê. Ông lính có vẻ hơi ngượng. Con giận dụi mắt, ông quay lại phía người bán vé, giọng vẫn còn lớn:

— Vậy ông đổi tên vé cho người này vậy.

— Tôi không đổi! Ông ăn nói như thế, tôi không đổi.

Tiếng cãi cọ lại bắt đầu to. Mọi người hầu như đều hướng về phía cãi nhau. Chỉ có người thiếu phụ đứng im ở một góc. Đầu cô cúi xuống. Bàn tay ôm chặt lấy đứa bé con hơn. Mắt rơm rớm. Chiếc mũi bắt đầu đỏ lên.

Vấn biết có lại phòng bán vé cũng vô ích. Tiếng ồn ào mỗi lúc một găng. Vấn bỏ phòng đợi vào trong sân bay. Có lẽ bây giờ cô ta đang khóc. « Minh chẳng giúp được gì hơn ». Vấn và thiếu phụ là hai người xa lạ. Vấn thốt nhớ tới lời của một người bạn: « Ở quê hương này, chúng ta nhìn nhau ngơ ngác, tuy cùng chung nhau một hoàn cảnh: sự đau khổ của mỗi người ».

Sự đau khổ đó bây giờ chỉ vồn vện ở một điều rất tầm thường: một chỗ ngồi yên ổn trên máy bay — dù là chỉ để khóc

cho thoải mái như thiếu phụ trong phòng đợi kia.

Gió thổi lộng trong sân phi-trường. Ở đây mọi người tụ họp cũng không kém đông đảo hỗn độn. Đám người mệt mỏi, đứng ngồi đầy cả hai đầu phi-trường. Hành lý ngổn ngang. Những bó hoa vô-chủ tả tơi, vất bừa bãi. Họ không mang theo được vì phi-hành-đoàn không cho phép. Hầu hết những người chờ ở phía ngoài là để đi máy bay của cơ-quan viện-trợ Hoa-kỳ. Sự chờ đợi còn vất vả hơn. Vấn mỉm cười với anh chàng ở trước mặt. Anh ta không trông thấy Vấn. Vấn cũng mới quen anh ở phi-trường. Một gương kiên nhẫn!

Người thanh niên thất chiếc cà-vạt xắm. Bên ngoài mặc chiếc áo len cổ tròn. Mỗi lần có một chiếc máy bay tới, Anh ta quơ vôi vàng bó hoa anh đào nặng, tay kia xách chiếc va-ly trọng lượng cũng không kém, lễ mễ chạy vội ra đón. Nhưng lần nào cũng như lần nào, anh cũng đều thất vọng khật khưỡng mang hai gánh nặng trên vai trở về vị trí cũ. Cứ kể như vậy cũng đã mười mấy lần. Vấn cứ mong, nhờ sự tập thể-thao đó, đôi bắp chân, bắp tay anh ta sẽ to ra trước mắt Vấn dần dần. Trái lại, mỗi lúc có thể anh mệt tới tả hơn. Chiếc cà-vạt đã lệch trên cổ. Áo quần mỗi lúc một xốc xếch. Khuôn mặt của anh đã đen, càng thêm đen trũi dưới ánh nắng mặt trời. Mỗi lần hụt một chuyến máy bay, vẻ mặt của anh cũng tang thương như quần áo.

Mỗi một chuyến máy bay vừa tới, cảnh náo động lại xuất hiện. Một người nắm lấy hành lý vội vã, ngừng mặt lên trời. Máy bay âm ỉ xuất hiện như một điểm nhỏ. Khi nó vừa hạ xuống sân. Tiếng ồn ào la hét, gọi nhau bắt đầu

ngồi dậy. Khung cảnh hỗn loạn nồ bùng. Chiếc máy bay lừ đừ tiến vào. «sân» Mọi người bu tới và di chuyển theo, như một bầy kiến bám lấy con mồi. Chiếc cửa máy bay vừa mở ra, mọi người đều ngàng mặt chờ đợi. Viên phi hành xuất hiện ở khung cửa. Ông nắm lấy tờ giấy người ta vừa đưa cho cất tiếng đọc. Đó là bản hiệu-triệu hay nhất thế giới đối với kẻ ở dưới.

Mọi người đều chú ý lắng tai nghe. Tiếng động im đi một lát. Chỉ có vài người ở trên đầu của danh sách được đi. Những người còn sót chờ dịp sau, may ra tới lượt mình. Đám đông lại bắt đầu ồn ào. Có nhiều tiếng phản đối nhiều tiếng chửi rủa, nhiều tiếng kêu nài. Mặc. Cánh cửa máy bay lạnh lùng khép lại. Kẻ phụ bạc người yêu cũng lạnh lùng đến thế là cùng.

Văn thơ thẩn đi dọc theo phi-trường. Năng đã bắt đầu nhạt. Gió thổi mạnh hơn. Văn thấy lạnh. Ngày mai đã là ba mươi tết, không biết có nên tiếp tục ra đây không. Văn chưa quyết định. Một chiếc máy bay khác vừa tới. Đám đông diễn lại vở kịch cũ. Văn không để ý. Nhưng khi đi ngang qua chỗ máy bay, Văn vô tình ngược mắt lên. Anh ngạc nhiên: Kẻ khinh bỉ Sài-Gòn và cô bồ đang đứng trên cầu thang và sắp sửa chui vào máy bay. Anh không hiểu Tiến làm cách nào mà kiếm được hai chỗ trên đầu danh sách của các người đi nhờ máy bay của cơ quan viện-trợ Hoa-kỳ. Tiến nở một nụ cười thỏa mãn trước khi chui vào trong «Sài-gòn như bần thấy mẹ». Câu nói đó khiến Văn không dám tưởng tượng tới nụ cười của Tiến nữa.

Chiếc máy bay cất cánh, rồi mất hút ở chân trời. Đám đông lại tản ra.

Những cọng rác rưởi bay dạt vào chân Văn. Văn cúi xuống gỡ. Thốt nhiên Văn muốn rời phi-trường về nhà ngủ thiếp đi cho quên mệt nhọc. Văn quyết định ở lại. Ngày mai anh sẽ không ra nơi này, đón máy bay nữa. Ý nghĩ làm Văn nhẹ hẳn đi. Văn viết vội màu giấy, trao cho một người bạn quen nhờ gửi về Sài-gòn báo tin anh không về được. Văn xách hành lý ra ngồi trên xe ca. Văn tự khuyến khích mình: Ăn một cái tết xa nhà cũng thú vị...

Buổi tối, Văn đi bát phố ở trong tỉnh. Ý nghĩ «ăn một cái Tết xa nhà cũng thú vị» nhạt dần. Đám người đông nghẹt chen lấn quanh phố chợ. Cảnh vui vẻ của mọi người khiến Văn thấy được sự trợ trợ của mình. Anh đi trong đám đông, hút thuốc liên miên. Lá thư nhờ người bạn gửi đã tới tay gia đình. Văn nhờ anh ta đưa ngay. Chắc mẹ anh buồn lắm. Tội lỗi cũng vậy. Chúng viết thư mong anh về vì «nhà đạo này vắng vẻ quá». Có mấy ông anh đều trôi dạt mất cả phương nào. Hiện tại Văn đang trôi dạt ở đây. Anh đi đã ba vòng phố mà không gặp một khuôn mặt nào có thể nói chuyện được. Chỉ gặp một người nữ sinh viên trên viện, nhưng không quen Văn. Mọi lần Văn thấy cô ta mặc áo dài trắng. Chiếc áo bó sát lấy thân hình đều đặn. Chiếc cổ muột mà. Mái tóc bới cao. Tất cả hình dáng đó, Văn không thể tưởng tượng nổi lại có thể biến thành một cô bé con trong ngày hôm nay Quần jean rộng, áo blouson màu xanh lá cây thẫm. Cô tung tăng đi bên cạnh ông bố. Có lẽ ông lên đây ăn tết cùng con gái. Ông bố nghiêm nghị, thỉnh thoảng lại nhìn con mỉm cười. Gặp những khuôn mặt quen như vậy, thật chẳng ích gì. Chỉ làm khổ tâm

thêm những khao khát về gia đình.

Văn cứ để mình trôi trong sóng người. Mỗi lần anh thấy chán, định về. Nghĩ tới căn phòng hiu quạnh của nơi cư trú sinh viên, Văn lại muốn đi tới một rồi về ngủ. Nhưng hình như sự mệt mỏi tăng lên, làm nỗi buồn thấm dần dần. Sau cùng Văn không chịu nổi. Trước mắt anh là hình ảnh gia đình ấm cúng và sự cô đơn của mình. Văn muốn uống một ly bia. Khi nằm trên giường chắc thiếp được ngay. Văn kiếm cách qua đường. Đúng lúc đó thì anh gặp Trọng, Trọng lang thang cùng một người bạn nữa. Trọng ôm chầm lấy anh :

— Trời! Lâu quá rồi mới gặp! Ở lại đây hả...

Trọng tiếp lời luôn :

— Lâu chi mà thăm nào vậy? Tới ăn tết với tụi tao!...

oOo

Trọng lui cui sắp mấy thanh củi lại cho gọn. Nét mặt Trọng gầy, khắc khổ hơn mấy tháng trước. Trọng cũng có gia đình ở Sài-Gòn không hiểu sao Trọng không về. Tất cả các thực phẩm được tích trữ. Nồi niêu ngỗng ngang chứng tỏ điều đó. Hai người bạn của Trọng cũng quen Văn, là người Quảng-Nam. Cả ba tụ họp lại đây dự tính ăn một cái tết tha hương thực sự. Họ sửa soạn có vẻ chu đáo lắm. Huyền và Chu—hai người đã chở xe nhau đi chặt cành đào. Trọng và Văn được giao công tác sửa soạn bữa cơm chiều.

Văn xách rổ rau vừa rửa xong, đặt cạnh Trọng :

— Xong rồi đây!

Anh nói tiếp :

— May tớ gặp cậu, không thì chết. Tớ cóc nghĩ ra mừng một chàng ai bán hàng.

Trọng cười :

— Tụi tớ định hết cả rồi. Trừ gạo ba ngày. Nhưng chỉ ăn sang có ngày mồng một thôi. Hai ngày sau mỗi thằng kiếm nhà người quen, kéo cả bọn tới chúc tết!

Văn cũng cười :

— Làm sao mà tính được kế hoạch đang hoang vậy?

— Ê, tụi này năm ngoái cũng ăn tết với nhau ở đây rồi mà. Phải biết rút kinh nghiệm chứ!

— Ủa hai năm ăn Tết ở đây à? Tại sao hai thằng kia không về?

— Làng cháy cha nó rồi về sao được?

— Thế bố mẹ tụi nó đâu?

— Nghe nói đang sống tại một làng tị nạn cộng sản. Mình cũng cóc hỏi tụi nó.

Văn nhìn Trọng. Trọng đầy lại mấy thanh củi lần nữa, quay lại phía Văn.

— Làm gì mà dằn mặt ra vậy? Ngạc nhiên lắm à?

— Không! Ngạc nhiên chó gì! Buồn cho tụi nó thôi!

— Buồn cái khi mốc. Quen dần đi chó! Như tớ vậy...

Văn cười cười :

— Tối hôm qua thì tớ buồn thật, bây giờ vui rồi!... Mà làm sao cậu không về nhà?

— Cóc thích... Từ khi ông bố chết đi. Mình không tìm lại được cái không khí khi xưa ở nhà trong ngày tết nữa

Trọng đứng dậy :

— Với lại anh em lớn bây giờ mỗi người mỗi ngã!

Trọng đưa điều thuốc lá cho Văn :

— Với «moa» bây giờ ăn Tết ở đâu cũng thế!

Văn nghĩ tới tình cảm gia-đình của mình tối qua :

— Gần người thân vẫn hơn chứ ?

Trọng thở khò. Mắt Trọng nhìn vào trong không trung, xa vời :

— Tâm hồn mới là điều quan trọng. Từ khi ông bỏ mình chết đi, gia-đình «moa» hết cả vui vẻ. Bây giờ làm gì có mùa xuân ở quê hương tụi mình ?

Làm gì có mùa xuân ở trên quê hương tụi mình ? Trong bữa cơm Văn im lặng vì ý nghĩ đó của Trọng. Năm đầu Trọng lên đây ở cùng phòng với Văn. Nửa năm, một cái điện tín gọi Trọng về. Ba Trọng bị tử nạn vì công-vụ. Mìn nổ tung chuyến xe lửa khi ông đi thanh tra tại một địa điểm hỏa-xa, Cho tới bây giờ Trọng vẫn còn buồn. Làm sao có thể quên được ? Trọng giữ được sự vui vẻ hàng ngày cũng đã là khá.

Cơm nước xong, cả bọn kéo nhau lên chùa. Không hiểu vì câu nói buổi chiều của Trọng, hay khung cảnh của chùa làm Văn mất đi sự thanh thản suốt buổi sáng. Văn cứ tưởng chùa sẽ đông. Khi trở lại lần thứ hai, đã gần giao thừa. Chùa vẫn chỉ thưa thớt người vào lễ. Mọi người đều suýt soa trong áo lạnh. Những kỷ niệm hồi nhỏ lướt qua óc Văn. Những êm đềm của tuổi thơ và Hà-Nội. Thực ra, không có mùa xuân trên quê hương này ư ? Không phải chỉ riêng có Văn buồn bã. Lúc cả bọn kéo từ chùa đi vòng xuống phố ra chợ, mọi người đều tư lự, im lìm. Tiếng pháo nổ vang rền hai bên đường. Ánh lửa tóe lên trong không. Trước cửa nhà, hay trên lan-can, mọi người đang xì xụp lễ. Khói bay nghi ngút. Tới rạp hát ở trung tâm thành phố. Huyền, Chu ngồi bệt trên thềm. Trọng đứng dựa vào chiếc cột xi măng hút thuốc. Dù có gục

mặt trên đầu gối như Chu, hay mở mắt nhìn vào trong không như Huyền, Văn biết. cả hai đứa đều nghĩ tới làng xóm bị cày bởi bom đạn, nghĩ tới xác chết máu đỏ trên bờ lúa xanh...

Buổi chiều ở phi trường chợt hiện ra trong óc. Bà cụ già ôm bó hoa huệ. Người thiếu phụ mặc áo tang trắng. Tiễn trên máy bay với nụ cười thỏa mãn Đám đông chờ đợi. Văn không để ý, nhưng anh chợt hiểu được được cái nguyên nhân đã khiến anh có quyết định ra xe về. Tuyệt vọng vì khó có thể kiếm được một vé máy bay ? Chỉ một phần. Văn định mình phải về được Sài Gòn dù vào ngày 30 tết hay ngày mồng một tháng nữa. Nhưng Văn đã bỏ cuộc nửa chừng. Nụ cười thỏa mãn của Tiễn cùng với sự đau khổ của đám đông tương phản nhau. Nó làm sáng tỏ cho Văn thấy — Và bây giờ cạnh Trọng, Chu, Huyền, Văn càng thấy rõ hơn. Xung quanh anh biết bao kẻ đang gánh chịu những thâm của cuộc chiến. Thiếu một chỗ trên máy bay, thiếu một khao khát đó quả thật là điều đối với mọi người, dễ gánh chịu vào bậc nhất. Văn phải và muốn gánh chịu điều dễ dàng vào bậc nhất đó.

oOo

Tùng lau mặt xong, trở lên căn gác của nhà trọ. Nước lạnh mát, Giấc ngủ đầy đủ đêm qua làm anh tỉnh táo. «Biến cố» xảy ra đã chìm hẳn Tùng chỉ còn thấy hơi buồn.

Những lần bế anh to tiếng thường xảy ra luôn. Không riêng gì đối với Tùng, mà cho mọi người trong gia đình. Không dự định, Tùng cũng biết sẽ có một ngày nào đó anh phải rời bỏ gia đình. Nhiều nguyên do giữ anh lại : sự chịu đựng của mẹ, tụi em anh còn bé. Tùng chỉ không thể ngờ tới, anh lại có thể bỏ đi

vào giữa hôm tết. Sự bày tỏ thái độ thật giản dị và dễ dàng hơn anh tưởng.

Hôm qua, mẹ anh đi chúc tết. Bà về biết rõ, chắc lại đi tìm. Mẹ anh sẽ buồn. Tụi em nhỏ quá chưa biết gì, nhưng chúng xúc động với sự xúc động của mẹ. Thề nào mai hoặc mốt, Tùng cũng phải trở về tỉnh báo tin để cho mẹ yên tâm.

Tùng dời nhà trọ. Anh đi ăn sáng. Vợ chồng cụ chủ nhà đang ngồi nói chuyện với nhau. Tùng nói với hai người.

— Cháu đi thăm mấy thằng học trò.

Cụ Trùm đã ngạc nhiên khi thấy Tùng xuống đây vào mừng hai tết. Tùng nói dối: xuống ăn tết với học trò cho vui vẻ. Bây giờ anh đóng nốt vở kịch đó.

Không khí của xã vẫn còn nhộn nhịp, tung bừng. Người ta mặc áo mới đi lại đông đảo. Ở đầu mỗi ngõ là nơi tụ họp của các đám bạc. Đủ cả mọi người: Từ ông già bà cả tới tụi con nít. Họ đang la hét cãi nhau ồm ồm.

Lúc Tùng vào ngõ dẫn tới nhà Phở Bình thì gặp tụi học trò. Tụi nó cũng đang theo truyền thống, xúm xít vào cuộc đồ đen. Thằng làm cái là một đứa học lớp đệ-ngũ. Nó xóc xóc cái bầu gỗ, thu tiền thành thạo không kém gì người lớn. Thấy Tùng nó nhoẻn miệng cười hơi ngượng. Cả tụi xung quanh reo lên:

— A, thầy! Thầy xuống đây sớm vậy?

— Xuống ăn tết với mấy cậu đây!

Thằng làm cái và mấy đứa khác dừng cuộc chơi lại. Mấy đứa thua cay cú, chẳng giữ gì phép tắc.

— Ê xóc đi chứ mày! người ta đang thua mà.

Tùng cười:

— Tiếp tục đi. Tôi tới đây có chút việc.

Mấy thằng học trò đi theo Tùng. Tụi nó đòi lì-xì. Tùng tuyên bố dẫn vào quán, cả bọn la hét hoan nghênh ầm ầm. Tùng hỏi một thằng:

— Đánh bạc không sợ cha à?

— Không sao! Cha cho đánh "líp" trong mấy ngày tết mà!

Sắp sửa tới nhà phở Bình, Tùng gặp một đám đông đang di chuyển từ xa lại. Đa số là trẻ con. Chúng đang bu quanh hai người. Tới gần, Tùng nhìn rõ. Một người đàn bà đầu tóc rối bù, cúi gằm mặt xuống đất. Bà ta chừng khoảng ba mươi tuổi. Bà mặc chiếc quần đen dính đầy đất. Phía trên mình trần. Bà dơ tay túm chặt lấy chiếc áo che trước mặt. Nhưng bộ ngực vẫn thõa thẹn trước mắt. Hai đầu vú đen xì. Chiếc bụng bà ta hơi lớn, bà đang có mang. Người đàn ông nét mặt nổi đầy gân. Một tay ông ta nắm chặt lấy cánh tay người đàn bà. Tay kia cầm con dao. Ông khoa dao lên chửi:

— Tồ cha con đi. Ông trình cha cho tụi bay mất phép thông công rồi ông mỗ bụng mày ông lấy con ông ra. Đồ dơ dáy! Đồ cờ bạc! Đồ đi điếm!

Ông kia còn tuôn ra một lô « tục ngữ » nữa. Người đàn bà như cục đất, không phản ứng gì cả.

Lũ trẻ con theo sau la hét, cười nói ầm ầm. Trong đám, Tùng thấy cả tụi học trò của anh. Một đứa lác cắc làm anh đỏ mặt.

— Thầy đi xem thoát-y-vũ thầy?

Đứa khác nói với tụi đi theo Tùng:

— Ê vừa rồi đi lên núi xem sương quá tụi bay!

Ba thằng đứng lại chỗ Tùng khi hai vợ chồng người kia và đám con nít đã qua mặt anh.

Một thằng ba hoa tiếp :

— Vợ Xã Huỳnh đánh bạc thua hết tiền. Lên núi ngủ với thằng Cờn. Thằng Huỳnh vác dao lên bắt được quả tang ! Thằng Cờn suýt bị chém ! Chạy mất rồi !

Một thằng đi với Tùng góp ý kiến :

— Chắc thằng Cờn dấm dấm về đâu !

Tụi nó nói chuyện tự nhiên như không có ông thầy trước mặt. Vãn quay lại phía sau. Đám con nít đã tới gần nhà xó...

Tùng nói với ba đứa vừa đi theo đám đông :

— Có cậu nào muốn uống cà-phê thì đi theo tôi.

Ba đứa từ chối :

— Không thầy, tối nay em lại thầy chơi...

Buổi tối Tùng có ý đợi tụi học trò. Thường ngày Tùng rất ghét những chuyện tiếp xúc như vậy. Nhưng hôm nay có một mình, lại đang buồn. Tùng muốn có tụi nó cho khuây khỏa. Nhưng tụi nó không tới. Tùng lôi một cuốn tiểu thuyết, ra giường đọc. Một lát, anh bắt đầu mệt. Tùng nhòm dậy anh đốt một điếu thuốc ngồi dựa lưng vào tường. Căn phòng cô quạnh. Ánh đèn dầu hắt trên vách chập chờn. Khói thuốc bay lên tạt cay cả mắt. Tùng mơ màng nhớ tới Cúc. Nhưng những tha thiết của hôm trở về tình mong gặp Cúc không còn nữa. Cúc đã xa vời với Tùng. Nàng đã về trước ngày hẹn với anh. Điều đó chứng tỏ Cúc không yêu Tùng. Tùng giận dữ. Tất cả những cử chỉ, lời nói của anh bỗng trở thành lỗ bịch. Anh muốn tránh sự hổ thẹn đó bằng cách không gặp Cúc nữa. Cúc không thể hiểu. Khi thành thật yêu thương người ta muốn trình bày tất cả.

Bây giờ khi nhớ tới Cúc, sự xa cách càng thêm lên. Tùng thấy thương mình. Gia đình anh và gia đình Cúc. Làm sao có thể bắt được một sự thông cảm nào ? Sự nhục nhã của anh ngày hôm trước lại vùng dậy. Tùng tủi thân hơn cả bao giờ. Anh im lìm nhìn căn phòng và có cảm tưởng mình là kẻ tù chung thân ở đây, ở giữa cuộc đời. Trong khi đó Cúc như mùa xuân đang tung bưng quanh anh. Cúc đâu có thể nghĩ được kẻ tù nhân đã khao khát mùa xuân đến thế nào ? Nhưng những ước mơ đó chỉ là những ảo vọng...

Ý nghĩ đó gây xúc động lớn vào buổi sáng hôm sau. Vừa thức giấc được một lát, đứng trên lan can, anh chứng kiến một hình ảnh buồn ở dưới quốc lộ.

Hai người lính dẫn một người nông dân đi qua. Cánh tay người nông dân bị còng. Khuôn mặt ông ta hốc hác. Chắc lại một vụ tình nghi gì đó. Ba người đều lầm lũi. Lúc qua nhà Tùng trọ, vô tình người nông dân ngước mắt lên. Cặp mắt buồn rầu ngỡ ngác. Tùng không biết ông ta có tội không. Nhưng Tùng cho đó cũng là hình ảnh của anh trong mùa xuân, dù rằng hai trường hợp chỉ khác nhau. Hình ảnh của tù đầy bất công mà anh cũng như người nông dân kia phải đón nhận.

oOo

Vãn bước lên thang gác. Cụ Trùm nói với anh Tùng đã xuống đây. Thế càng vui. Ba ngày tết Vãn nhận cùng mấy người bạn. Anh hòa mình vào đám đông Gia đình nông hậu đón tiếp tụi anh. Mỗi đứa dẫn tới nhà người quen một buổi. Vãn đã dẫn tụi nó tới nhà chị Hiền. Mùa xuân không đến nỗi nào quá buồn bã. Vãn xuống đây sớm, anh dự định sẽ tổ chức một cuộc leo núi cho tụi học trò

vào sớm mai. Trước khi xuống xã, Văn viết thư cho gia đình. Thái độ của anh khác lúc trước tết. Văn xuống đây và anh phải bắt đầu niên học bằng những hoạt động hăng hái.

Tùng đang ngủ. Anh nằm dài trên giường. Văn rón rén lại gần, đặt chiếc sách trên bàn. Văn ra ngồi trên giường anh. Anh cởi giày.

Tùng mở mắt ra. Văn cười :

— Ngủ ngon chứ ?

Tùng cựa mình mạnh trên giường, anh nhòm dậy :

— Xuống bao giờ thế ?

— Vừa xong

Trên khuôn mặt Tùng thoáng nét buồn :

— Ăn tết Sài Gòn vui chứ ?

— Không tớ ở lại !

— Sao không tới nhà tớ chơi ? Tệ..

Tùng chợt nghĩ tới ông bố và hôm mừng hai tết anh ngừng lại.

Văn hỏi :

— Sao xuống đây sớm vậy.

Tùng cố lấy giọng thản nhiên :

— Cài nhau với ông già.

Tùng nhảy xuống giường, anh muốn vượt qua câu chuyện ấy :

— Đề tớ đi rửa mặt cái đã...

Khi Tùng trở lên, Văn đem ý định của anh nói với Tùng. Tùng không có vẻ thích thú lắm :

— Tờ chức thì tờ chức ! Tớ đi với.

Cả hai người cùng im lặng. Bỗng Tùng như nhớ ra điều gì :

— Này Văn. Cậu biết thằng Yên bị chết đuối hôm nọ không ?

— Sao ?

— Không phải nó chết đuối. Nó bỏ đi lên núi. Tết nó có về, ông bố vừa bị bắt xong.

Văn ngạc nhiên :

— Sao cậu biết ?

Tôi nghe tại học trò nói chuyện. Chính mắt tôi trông thấy lính dẫn ông ta lên quận vào hôm mừng ba tết !

— Thế à ? Thằng ấy mà lên núi ?

Văn lặng người. Anh ngả lưng trên giường :

Bất ngờ thật. Hôm tôi tới thăm, cả ấp đi tìm...

— Gia đình nó sợ phải nói thác đi như thế.

Sợ hãi gì mà kỳ cục vậy ? Khi Yên về thăm gia đình, không biết nó có nghĩ bố nó bị bắt không. Chắc nó cũng khao khát được yên vui trong ngày tết. Văn lại nghĩ tới người xung quanh. Những người ở phi trường, thiếu phụ áo tang. Trọng, Huyền, Chu. Hình như trong cuộc sống thời nay, bất cứ cái gì cũng dẫn tới sự đánh đổ lòng hăng hái. « Bây giờ làm gì có mùa xuân ở trên quê hương mình ». Văn thở mạnh một cái. Anh phì khói thuốc tan tành trong không....

TRẦN-ĐẠI

(Trích Giữa Hai Vùng Đất)

NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT

trong những ngày khởi lửa đầu năm

CẢM NGHĨ, BÚT KÝ, NHẬT KÝ, TẬP GHI...

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn, chúng tôi phải gác lại 5 trang « Ý NGHĨ ĐẦU NĂM » của Nguyễn-Trọng-Văn và 2 trang « BÚT KÝ » của Lê-Tất-Điền.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

BÚT-KÝ của BÙI-KIM - ĐÌNH

...Tôi quá trưa thì tiếng súng ngót hẳn, Ngoài đường có nhiều tiếng lao xao. Trước cửa nhà tôi đông ngẹt người hốt hải chạy chày. Có hai đám cháy ở đường Nguyễn văn Thoại, Nguyễn Kim. Hai cột khói dâng cao tới mây trời. Khu nhà tôi ở giữa hai đám cháy. Nhà tôi bị bể kính. Tường nhà anh Tư chích đạo ở căn bìa bị đạn bắn vỡ lỗ chỗ. Chiếc xe hơi của ông Tám chủ thầu bị bể nát kính chắn gió.

Dân xóm tôi như một đàn ong ủa ra coi cháy và coi xác chết. Nhiều người nói là VC về đây đánh ào một trận rồi chạy dài nên không khí ở khu xóm tôi bấy giờ sôi nổi một cách bình yên như không khí phần kết thúc của một cuộc đảo chánh. Khi đã sôi nổi dịu xuống thì mọi người lại tụ họp bàn tán về vấn đề thực phẩm. Một vài người bàn về chuyện tản cư. Ông giáo Tụ ở trước cửa nhà tôi thì lên tiếng bảo tản cư là hèn nhát. Mặt ông ta tròn, cặp kính cận cũng tròn. Ông ta thọc hai tay vào túi áo py-da-ma, đi cùng xóm đã kích những người có ý định tản cư. Trong khi đó, vợ ông ta mở cửa hàng để bán gạo. Bà ta có nụ cười như của chồng cũng thân mật khuyên nhủ mọi người là chẳng phải chạy đi đâu, cứ trữ được nhiều gạo là yên trí rồi.

Những lời dẫn giải của vợ chồng ông giáo Tụ cũng trấn an được phần nào nỗi băn khoăn của dân xóm. Nhưng đến năm giờ chiều khi người vợ đã bán hết gạo thì ông giáo lạng lẽ lái chiếc xe lam ba bánh chở cả gia-đình lên thẳng miệt Saigon. Dân xóm bỗng lại hoang mang. Anh Tư chích đạo bực bội chửi thề và gọi ông giáo Tụ là «thằng du kích». Anh nói vọng sang nhà tôi: Mai, tội mình cũng

phải tính đường mà tản cư. Hồi chiều tui tính đi rồi. Mình ngủ đêm nay ở đây chắc không có gì đâu.»

Nhưng dự đoán của anh Tư đã không theo đúng ý anh nghĩ. Trời mới nhá nhem tối, tiếng súng đã nổ lộp bộp. Tôi trấn-an gia-đình là tiếng súng của quân đội bắn thị uy. Đến khuya tôi đang thao thức thì nghe bên ngoài có tiếng bước chân và tiếng nói lao xao. Tôi nhìn qua lỗ khóa. Ngoài trời sáng ửng ánh sáng hỏa châu. Một toán Việt Cộng đang gõ cửa nhà ông Tám nhà thầu. Tôi nghi bụng, phen này chắc chết, Việt Cộng mà đóng quân ở nhà ông Tám thì khu mình ra tro.

Bọn Việt Cộng đập cửa nhà ông Tám rầm rầm và hỏi mượn chiếc xe hơi đã bể kính. Năm phút sau tôi thấy đèn nhà ông Tám bật sáng rồi mở cửa. Ông Tám run lẩy bẩy. Mối ông ta mấp máy nói. Tôi thấy một tên Việt Cộng lắc đầu kéo ông Tám ra xe và ấn ông ngồi vào tay lái. Xe rờ máy đi được một lát thì tiếng súng lại nổ lên xối xả.

Ánh sáng hỏa-châu vẫn chói sáng liên tục. Tôi vừa nhìn ra ngoài đường vừa liếc nhìn lên trần nhà để ước lượng chiều cao. Một tên Việt Cộng bỗng reo lên khi nhìn vô cửa nhà anh Tư chích đạo: «Nhà này có y-tá». Việt Cộng đập cửa rầm rầm mà anh Tư vẫn không chịu mở cửa. Một tên lên tiếng dọa nạt là nếu không mở cửa thì chúng sẽ tung lựu đạn vô nhà. Tôi thấy rõ anh Tư vừa chấp tay xá vừa nói. Tôi không phải là y tá đâu mấy ông ơi. Thằng em tôi làm y tá nhưng nó về xứ ăn tết chưa lên.»

...Sáng hôm sau dân xóm ào ra đường hỏi thăm tin tức lẫn nhau. Tôi được

biết ông Tám nhà thầu chỉ bị thương nhẹ. Ông nói, xe tôi chở đầy nhóc Việt Cộng vừa ra tới ngoài lộ thì gặp xe Cảnh-sát tuần tiễu. Hai bên bắn nhau, thừa lúc lộn xộn tôi chạy trốn. Xe tôi cháy hơ hết tro.

Tôi đi một vòng quanh xóm. Quán cà phê ở gần chợ đông ngẹt người. Hai xác chết nằm gàu chợ. Chợ vẫn họp, vẫn đông người mua kẻ bán. Có điều là người nào cũng có vẻ hồi hải vợi vàng. Tôi về tới nhà thì gặp một người bạn ở cùng xóm đục tôi tản cư lên Saigon. Anh ta nói : Khu này không yên đâu,

tụi nó dọa đánh bóp cảnh sát lần nữa. Thế là tôi rớt rít đục người nhà sửa soạn quần áo. Nhưng chúng tôi vừa bước ra tới cửa thì súng lại nổ. Phía trước mặt chúng tôi, lư Bàn cờ lại cháy. Một vài người bà con của tôi ở khu Ngã Bảy lại chạy ngược về phía nhà tôi.

Tôi ngao ngán nhìn cột khói ở phía trước đang dâng cao lên và tỏa rộng. Phía trước thì lửa cháy, sau lưng thì có Việt Cộng, súng nổ, chung quanh thì xác chết, mình biết chạy đâu bây giờ?..

BÙI-KIM-ĐÌNH

NHẬT-KÝ của TRẦN-ĐẠI

* 2 Tết

3 giờ sáng, tôi tỉnh giật và nghe thấy súng nổ liên hồi. Máy đưa em ở trên gác la lên :

— Đánh nhau rồi.

Bước chân chúng lật đật chạy về phía cửa sổ :

— Đạn lửa bắn kinh quá. Đóng cửa lại.

Ba tôi lầu nhầu :

— Chắc lại đảo chính chứ gì. Tụi bay xuống dưới nhà mà nằm,

Tiếng chân dồn đập và hốt hoảng xuống cầu thang. Tôi mệt quá thiếp đi. Tỉnh thoảng giật mình, vì tiếng nổ quá lớn, nhưng vẫn tiếp tục ngủ được.

Khi tôi tỉnh giấc hẳn. Đã 8 giờ sáng. Súng còn nổ liên hồi. Tiếng lựu đạn và súng lớn. Xen lẫn đâu đó nhiều tràng pháo đi đùng. Máy phát thanh loan tin Cộng-Sản tấn công vào Sài-gòn,

Máy đưa em đã túm lại trên cửa sổ của căn gác xép từ lâu. Đó là một "đài viễn vọng" có thể nhìn ra ba phía xóm. Một đưa cái kính :

— Không biết nhà ai còn đốt pháo giờ này. Bộ nhà không có radio sao ?

Tôi trèo lên gác. Khu xóm vẫn mang màu sắc tết nhất. Thiên-hạ diện áo quần lượn đi lượn lại. Phía đầu hồi nhà, nơi tập trung những hàng quà sáng còn tấp nập. Trẻ con có tiền mừng tuổi càng mua háng hơn.

Cách nhà chừng hai trăm thước. Một ông xúng xính trong bộ áo bà ba lụa trắng mới tinh, tươi cười, tay cầm cây sào buộc bốn, năm bánh pháo. Thằng em trai vắng tục :

— Thằng cha kia, mong cho bị phát đạn vào đít, chạy có cờ, hết cả cười :

Trong cách phát biểu của nó, tôi thấy có nhuốm sự sợ hãi.

Ba giờ chiều. Không khí của xóm bắt đầu chìm lắng. Súng nổ mỗi lúc một gần. Nhiều bộ mặt thập thò ngoài cửa nhón nháo. Đài phát thanh nói rõ hơn cuộc tấn công của Cộng-sản, yêu cầu dân chúng tản cư ra khỏi khu Hàng-Sanh. Trời mờ mờ tối. Không còn ai ra khỏi nhà. Súng lại nổ dữ dội. Máy bay rà rà trên đầu. Tiếng súng lớn trở nên inh tai nhức óc. Đạn «Róc-kết» bắn ầm ầm. Không khí im lìm. Nghe rõ cả hơi thở của người nhà. Có tiếng la «cháy cháy» của người hàng-xóm. Hoảng hốt, chạy lên gác, gia đình yên tâm ngay. Khói bốc tại khu vườn ươm cây đường Nguyễn-văn-Thoại. Mọi người tin chắc là cháy cây xăng ở gần đó. Tiếng nói của bà cụ thì thảo trong bóng tối. Má tôi bắt đầu nghĩ tới chuyện tản cư. Đêm không ngủ của những người im lặng, giữa bầu không gian đầy tiếng nổ.

* 3 Tết.

Trời sáng, không còn nghe tiếng súng. Khu xóm ồn ào trở lại, Tình hình dường như yên tĩnh. Tôi vác xe chạy lên phố. Hi vọng với cái thẻ nhà báo có thể đi được. Ngay ở ngã tư, đầu trường đua, đông nghịt những người.

Những vết máu còn đọng vết rõ rệt chỗ bùng-bình. Một khoảng tường Trường Đua bị sập. Ngay chỗ cây xăng hai người nằm sóng soài. Kẹt tận phía trong cây xăng, cạnh một chiếc xe hơi, một xác mặc binh phục. Đi quá một chút, mấy chiếc xe gắn máy nằm ngổn ngang. Cạnh một chiếc xe còn xác một người, tay nắm lấy ghi-đông. Nhiều người chết cạnh đó. Góc Trường Đua đường Nguyễn-văn-Thoại, một chiếc xe Lambretta dựng ven đường, đèn-bề, xe cháy nám đen một góc. Bên cạnh một người mặc áo sơ-mi trắng, quần Tergal nâu nằm thẳng góc với chiếc xe. Chắc định chạy vào lề nhưng không kịp.

Tôi queo về phía tay phải, chỗ vườn ươm cây. Cũng gặp mấy xác chết ở đó. Có người nằm thẳng cẳng. Đạn banh ra ở đùi. Không biết ai đã chụp lên mặt một chiếc thùng giấy.

Một khu nhà, đối diện với vườn ươm cây bị xập và bị cháy đen thui. Khoảng nhà cháy và sập sâu hút vào tận phía trong. Một người đàn bà ở xa, đang mò mẫm kiếm trong đồng gạch vụn những đồ còn lại. Mùi khói còn khét lẹt. Từng đám đông tụ lại một góc đường, bàn tán. Cảnh-sát vừa nổ súng chỉ thiên vừa la ầm 1:

— Giới nghiêm 24 giờ trên 24 giờ, đồng bào về đi!

Đám đông tản ra, cháy tán loạn, nhưng lại tụ ở một góc khác. Những xe tuần cảnh đi qua. Súng hờm trên tay. Mấy phía đường đều bị kẹt.

Khi quay trở lại, tôi không về nhà ngay, mà rẽ vào thăm một người bạn gái ở cuối ngõ gần đấy. Người bạn gái đang ngồi may. Nét mặt hiền hòa, yên tĩnh:

— Đường đi được chưa anh?

— Chưa đâu!

Tôi trả lời câu đó và thấy rõ hơi thở của mình khác thường. Những cảnh tượng từ nãy còn lưu lại sự xúc động. Bà cụ của người bạn, từ trong nhà ra,

Bà kể ngay chuyện chợ búa. Chợ gần nhà vẫn họp. Giá 1 kilo thịt nạc có 300đ. Bình thường phải 6, 700đ. Có lẽ mọi người còn ứ đồ ăn tết nên chưa cần mua sắm. Một lý do khác: vài con buôn, lợi dụng cơ hội không ai kiểm soát đã mổ heo lậu để bán, nhưng tính nhảm. Bà cụ cũng kể một người vừa từ Hòa-Hung xuống đây, qua đường ngã tư Bảy Hiền với giá một cuộc xe Taxi là 800đ. Du xuân có khác!

Cô bạn dạy học tại một tỉnh nhỏ. Tôi hỏi thăm:

— Bao giờ đi dạy học?

Cô cười, trả lời không ăn nhập gì với câu hỏi.

— Tôi chỉ mong đường đi đến tỉnh kẹt, có thì giờ may quần áo.

Nhưng câu nói đùa chỉ có thể phát biểu vào buổi sáng. Sau bữa cơm mọi người đã hoảng hốt trở lại. Từng đám đông lũ lượt khiêng đồ đạc chạy qua ngõ. Người chạy đi, kẻ chạy lại. Nhiều người giọng nước mắt, nói không ra hơi.

Họ chạy ra khỏi Phú-Bình, vì quân đội Mỹ đang vây quanh. Nhiều bà con còn bị kẹt trong đó.

4 giờ chiều, súng lại bắt đầu nổ lớn. Máy bay trực thăng ầm ầm trên đầu. Cả xóm đóng cửa kín mít. Đạn « Róc-két » làm rung chuyển cả nhà cửa.

Cô bạn và mấy đứa em đã nằm xuống đất. Tôi ngồi dựa vào tường hút thuốc. Tiếng tung kinh mỗi lúc một to, không kém gì tiếng súng đạn. Cô bạn đang chấp tay lên ngực niệm Phật, mặt xanh mét không còn cười hiền hòa như buổi sáng nữa.

* 4 tết.

Buổi sáng. Đang đứng lơ ngơ ngoài cửa, chợt trông thấy thằng bạn mặt mũi phờ phạc lẫn trong đám người đang tản cư. Nó rầu rí:

— Nhà trọ của tớ ở Thị-nghè cháy cha nó hết rồi. Mang được mỗi bộ quần áo. Tớ định về gặp gia-đình ở Phú-Bình nhà chạy tán loạn, đếch biết lạc đâu nữa.

Tôi bảo nó:

— Sáng nay thấy sở cậu nói, các ký giả phải trình diện lập tức. Biết chưa?

— Chưa. Bây giờ làm thế nào lên đó được? Tớ không có xe.

Tôi vác xe chở thằng bạn. Cũng muốn lên phố coi tình hình.

Tới đầu ngã tư, con đường Trần-Quốc-Toản, hôm qua mở, hôm nay đã bị chặn. Vệt xe lên đường chợ Thiếc. Thành phố vắng người qua lại. Chỉ có dân phố tụ tập trước cửa nhà. Tới góc đường Nhân-Vị và Nguyễn-văn-Thoại, tôi mới thấy mình dẫn thân vào vòng nguy hiểm. Súng nổ từ trong ngõ. Mấy người lính đang hờm súng chạy theo lưng nhau tới mục tiêu. Trước mặt tôi là những hàng gậy thép gai vắt hai bên vệ đường. Đầu mỗi ngõ, có hai người lính đứng canh. Chỉ có hai chiếc xe gắn máy di chuyển trên con đường này, chúng tôi và một người đi Vespa, chở đầy đồ sau lưng. Con đường Minh Mạng rẽ lên ngã bảy cũng vắng vẻ. Phía chùa Âu Quang súng nổ ròn. Vừa tới đường Lý-thái-Tổ gặp

một đám đông người và xe gắn máy chạy vọt về. Súng bắn ở Bùng Binh trước mặt. Thấp thoáng nhiều người lính. Người bạn bảo tôi :

— Đường nghẽn rồi, về đi vậy !

Tôi trở lại đường Minh-Mạng. Ngã tư tôi vừa qua từ nãy, đang đứng độ. Xe tôi phóng lên nép vào một tiệm thuốc tây mở cửa. Một lát súng yên. Chúng tôi quẹo vào những đường nhỏ. Người bạn ở phía sau kêu luôn miệng :

— Coi chừng những ngã tư ! Coi chừng những ngã tư !

Tới góc sân vận động Cộng-Hòa, lính đóng đầy. Tôi định dừng lại nhưng phía đằng sau đã bị chặn. Không còn cách gì hơn là xả ga chạy tới. Xe vừa tới đường ngang hông chợ Thiết, súng bắt đầu nổ ở vùng vừa thoát qua đó.

Tới nhà, Hai đứa dừng xe lại để thở.

Thằng bạn nói :

— Thôi tớ đi kiểm nhà người quen, ở tạm đây. Mai xem tình hình ra sao hãy hay.

Buổi chiều. Không khí lo âu bắt đầu tràn ngập khu phố. Các vùng lân cận tản cư mỗi ngày một đông. Mọi người tụ tập trước cửa nhà nghe ngóng tình hình. Có tiếng la hét ở đầu ngõ, Nhiều tiếng kêu cuống quýt khác.

— Đóng cửa vào đi, lẹ lên !

Mọi người đóng cửa nhanh và gọn hơn bao giờ hết. Không gian im lặng. Tiếng la rõ dần. Một ông già say rượu khật khưởng hét lớn :

— Tiên sư cha đứa nào quyến rũ vợ ông. Ông thì ông giết chết !

Mọi người lấy lại cau đảm, mở cửa ra ngo nhau cười.

Không thiếu gì cảnh tức cười trong mấy ngày qua. Có nhà hàng xóm lấy tôn che những khe hở của cửa để đỡ đạn. Một bà đang bán hàng ở chợ. Súng bắn rất quá ở gần, đôi chiếc rồ trên đầu chạy một mạch về nhà, để ngăn đạn « Róc-két » khỏi rơi trúng đầu.

* 8 tết.

Mấy ngày trước, không khí lo âu đã nhiều. Hôm nay còn tăng thêm. Nhà ở đằng sau và bên cạnh đã tản cư. Mọi người đồn đại những bất an của khu lâm chiến. Ba tôi đề nghị dời nhà. Đồng thời ông cụ cũng sẽ lên sở làm và ở luôn đấy. Tôi giữ nhiệm vụ canh nhà.

Xe gắn máy của tôi phải di chuyển đi lại tới bốn lần để chở người và đồ đạc. Hai đứa em gái và bà cụ lên vùng Dakao. Đứa em trai ở Hòa-Hưng. Phải đi vòng qua đường Ngã Tư Bảy-Hiền. Chỗ Hòa-Hưng là nơi kẹt xe của những người tị nạn. Mọi người gồng gánh. Xe gắn máy được xử dụng nhiều nhất, Có hai người tề liệt, hai tay ôm gói đồ, ngồi lên hai miếng gỗ được gắn mấy chiếc bánh xe nhỏ, do hai đứa bé con kéo. Nét mặt ngơ ngác phó thác số phận cho hai đứa trẻ. Những dãy biệt-thự tại các khu phố chính vẫn êm đềm và đẹp đẽ.

Công-tác tản cư xong vào lúc 3 giờ chiều. Tôi trở về mỗi một. Khóa kỹ cửa, ngủ một giấc dài.

Buổi tối. Điện bị cúp. Tôi thắp lên một ngọn nến nhỏ leo lét. Trong không khí trơ trọi của căn nhà, với tiếng súng nổ lạch tách, ngoài đường tôi tìm một công việc để làm cho đỡ buồn. Chợt nghĩ tới một bài ký-sự viết về tết năm nay cho một tạp-chí. Tôi định viết gì? Trước tết, tôi cũng đã lang thang để kiếm tài-liệu.

Vô tình tôi tới một trường đại-học và chứng-kiến một cảnh dạ-vũ cuối năm. Đứa em gái đã dẫn tôi ngày hôm đó :

— Anh nhớ tới sớm. Em không biết nhảy, đứng đó quê một cục !

Tới nơi. Chậm mất 5 phút. Nài nỉ mãi, người gác cổng mới cho vào, vì lý do : « giờ nhảy đã bắt đầu, ông không có thiệp mời, để ông vô họ chứ tôi ? ».

Một cảnh huy-hoàng xa-hoa ở trước mắt. Đèn mờ ảo, Hoa giấy chằng đầy. Từng cặp ăn mặc đủ kiểu sang trọng, smoking, mini-jupe, v. v... đắm mờ hôi. Ông phó khoa trường lên mở đầu cuộc dạ-vũ. Một thứ « made in ngoại quốc », hẳn thế. Nhiều trò chơi cũng được bày ra. Những trao tặng vòng trái cam, nhảy, múa v.v... Gặp em một người bạn, đang làm ở trong ban đại-diện của trường, tôi hỏi thăm :

— Có biết em tôi ở đâu không ?

— Không biết.

Hắn bỏ đi ngay, nghiêm-trọng như đang giải quyết việc quốc-phòng. Không kiếm được em, tôi ra về. Nó đã về nhà trước giờ hẹn với tôi 10 phút.

28 tết bát phố Lê-Lợi. Tôi không nhận xét được điều gì mới mẻ cả. Trừ vài điều nhỏ nhỏ phát biểu bởi một người bạn. Năm nay, con gái đẹp trốn đâu hết. Và pháo bán nhiều gấp bội. « Người ta tới nhà tớ mua thường là cả thước, chứ không phải một hai bánh ».

11g.30 đêm. Đi sau chợ Bến-thành. Chợ đã tàn. Thùng, hòm vất liềng xiềng ven đường. Những mặt cửa và cái giầy gỗ vụn đựng trong hòm khui ra ngập cả con đường sau chợ. Một người đàn bà ôm đứa con ngủ, trên chiếc nệm êm ái đó, cạnh một cái thùng lớn.

30 tết, khi đi mua hoa còn sót của chợ tàn, xe bị nổ lốp và tôi được nghe ông già vá xe kể lẽ thân thế « 24 năm không ăn tết » của mình. Các lều dựng ở góc của ngã ba là nơi trú ngụ của vợ chồng người chủ. Ông chỉ là người làm công sẽ được hân hạnh dự lễ giao thừa với ông chủ năm nay.

Tất cả những điều ghi nhận đó vào ngày trước tết, tôi định lấy thêm tài liệu để khai triển thành một bài ký-sự mùa xuân. Bây giờ thì hết rồi. Chẳng có gì để nói tới cái dạ-vũ đó, hay nhiều dạ-vũ tất niên khác. Lửa nến bập bùng. Súng còn nổ trong đêm. Họ chẳng chỉ còn thắc mắc : Căn lều vá ở ngã ba đường không biết còn hay mất ?

* 12 tết.

Người bạn gái lớp góp trò lên chiếc xe Jeep lên đường đi dạy học, Hôm trước, ông hiệu-trưởng đã báo tin đường thông thương được từ hai hôm. Cả nhà cuống quýt lo sửa soạn hành lý giùm. Tôi góp ý kiến :

— Đi làm gì sớm. Ở lì vài hôm đã sao ?

Bà cụ gắt :

— Không đi lấy lương đâu mà mua gạo !

Người con gái cười. Nụ cười hiền hòa. Hôm nay nàng vẫn cười hiền hòa khi bước lên xe. Nàng dơ tay vẫy khi xe chuyển bánh. Tất cả chỉ còn là nỗi hiu hắt. Nụ cười hiền hòa, bình thản đó làm tôi thoáng buồn.

Tôi vác xe chạy vòng lên phố thăm gia-đình thằng bạn đã chết năm ngoái. Qua đường Nguyễn-Kim, tôi ngừng xe. Một đám đông đang đứng trước khu nhà cháy chỉ còn đồng tre tàn.

Hai người đàn bà ngồi xếp xuống đường khóc; Một ông lão cố lấy giọng bình tĩnh, ông cụ thở dài, cách thở dài thiếu hẳn vẻ tự nhiên, vẫn toát ra một chút gì đau xót :

— Thế cũng xong !

Câu nói của ông, thốt nhiên làm tôi nhớ tới một câu nói tương tự của thằng bạn. Hàng năm cứ mỗi dịp tết qua đi. Sau khi đã thưởng thức hết các dạ vũ, các «boum» tất niên và đã du xuân đầy đủ thằng bạn tôi gỡ hai bộ áo veste ra khỏi mắc để đưa đi giặt bao giờ nó cũng thở dài:

— Thôi thế cũng xong !

Trong cái thành phố này, dù đau thương hay hưởng thụ, đều cùng một câu kết-luận dễ dàng như vậy sao ?...

Những món nợ tinh-thần

● NHẬT - TIẾN

Trong những ngày Sài-gòn chìm trong khói lửa, quê hương ngụp lặn trong thảm khốc, điêu tàn, ngòi bút của tôi đã trở thành vô dụng. Tôi không sáng tác được gì, tập bản thảo truyện dài còn đang viết dở bỗng trở nên tro trên, vô duyên lạ lùng. Còn sáng tác gì nữa khi mà biết bao nhiêu sự thật linh động, cảm xúc gấp ngàn lần thế giới của tiểu thuyết đang xảy ra đầy rẫy ở chung quanh mình. Chỉ cần chứng kiến, chụp bắt và viết lại một cách thành thực là có

đầy đủ một tác phẩm có giá trị sâu xa về tất cả những khía cạnh tình cảm của con người : tình thương yêu, lòng hận thù, sự sợ hãi, đức tính kiên nhẫn, can đảm và mức chịu đựng đến không ai có thể ngờ nổi. Chính vì thế mà từ vị trí của một người viết, tôi trở thành một độc giả say mê của những cây bút phóng sự đang đầy rẫy trên mặt báo trong suốt thời gian vừa qua. Họ đã lặn lưng vào nguy hiểm để hoàn tất những dòng chữ nóng hổi, chứa chan tình nước, tình

người cho người đọc. Ở những giai đoạn biến chuyển đột ngột của đất nước, hiển nhiên các cây bút phóng sự đã đóng góp một phần không nhỏ vào guồng máy sinh-hoạt của quốc gia. Ở vị-trí của người đọc, tôi xin nhận ở các vị đó một món nợ tinh thần.

oOo

Trong một thiên phóng sự viết ở vùng ven đô, một tác giả kể chuyện một đơn vị VC được lệnh phân tán mỏng vào nhà các dân chúng để kiểm đồ lương thực. Có ba anh cán binh vô nhà một đồng bào. Sau khi bị xách nhiều đồ phải cho họ ăn uống no nê, chủ nhà vận Tivi để theo dõi tình hình. Các chú VC bỏ cả súng một nơi để ngồi chồm hòm thưởng thức một trò giải trí tân kỳ mà từ thuở bé đến giờ chưa bao giờ được nhìn thấy. Hôm đó chương trình của đài lại có mục cải lương. Tên tuổi của đoàn Thanh Minh, Thanh Nga vang dội ra tới tận mặt khu mà lần này các chú mới được chứng kiến. Thành ra người bàn tán om xòm, hoan hỉ cười nói ngả nghiêng nhiều nhất lại là các chú Việt Cộng. Bầu không khí nặng nề chết chóc bỗng trở thành bầu không khí ấm cúng của những gia đình miền Nam Tự-do. Thế rồi bên ngoài súng nổ, các đơn vị của cả hai bên lại lẫn xả vào cuộc chiến để dành nhau từng tấc đất, từng mái nhà, từng khu phố. Nhưng ít nhất là đã có ba kẻ rùng rùng đứng bên ngoài lề. Cải lương đã hấp dẫn hơn là chiến đấu trong một hàng ngũ phi chính-nghĩa, phi nhân-đạo. Và họ đã hồn nhiên rời bỏ cái hàng ngũ ấy như tâm hồn giản dị và hồn nhiên của họ. Mà không phải chỉ có ba người. Tôi tin là con số sẽ thật đông, thật nhiều nếu ai ai cũng có hoàn cảnh để được đánh thức

khỏi giấc mơ hải hùng mà từ bao lâu họ bị bịp bợm. Đối với người cầm bút ở xứ sở tự do thân yêu này, bổn phận của tất cả là phải giúp họ tỉnh dậy trong giấc mơ triền miên đó. Bằng những hình ảnh thật «người» như tác giả phóng sự ở trên đã làm. Bởi vì, đối với những con người bị mê hoặc ở bên kia hàng ngũ, chúng ta cũng đã mắc một món nợ tinh thần khi nhận lãnh sự mạng của người cầm bút.

Một nhật báo đã diễn tả cái chết của Trung tá Thiết-giáp như một vị anh hùng của dân tộc, hào sảng hùng tráng và bi thương hơn cái chết của Trần-Bình-Trọng. Điều đó không ngoa chút nào, và ngôn ngữ của chúng ta còn thiếu sót để diễn tả lại những mối cảm xúc sâu xa của mọi người khi được nghe kể lại trường hợp cái chết của toàn gia đình người quá cố. Trong những ngày biến cố lớn lao của dân tộc, còn biết bao nhiêu cái chết hùng tráng, và thảm thương tương tự. Những anh chiến sĩ, những người cán bộ, những tu sĩ hiền lành, những ký giả, phóng viên, những bà mẹ, bà chị, người cha, người chồng, biết bao nhiêu kẻ đã ngã xuống, trong biển lửa ngàn ngạt bốc lên mù mịt quê hương khốn khổ để bảo vệ xóm làng, cứu giúp những người thân yêu, gìn giữ cho non sông này, cho đất nước này một đời sống đáng sống, một lý tưởng tự do đáng tôn thờ. Còn những tâm hồn cao cả đó, còn những lòng hy sinh vô bờ, vô cùng, vô tận đó, thì chúng ta còn, còn cháu chúng ta còn nhìn thấy ánh sáng của một ngày mai tươi đẹp. Bởi vậy, đối với người cầm bút, bổn phận là phải đội lên những tấm gương chói lòa để tất cả toàn dân chiêm ngưỡng thấp sáng lên những ngọn

được của các anh lính, hào kiệt để mọi người cùng soi đường, và hãy gìn giữ những tinh thần bất khuất ấy từ thế hệ này qua thế hệ khác để nuôi dưỡng sức mạnh của dân tộc. Đó là một món nợ tinh thần mà người cầm bút phải trả cho quê hương, xứ sở.

oOo

Em ơi, không ở địa vị của em, làm sao tôi biết được em đau đớn ở những chỗ nào. Nhưng nhìn khuôn mặt thơ ngây vô tội của em, rúm ró lại vì chịu đựng, tôi thông cảm được nỗi đau đớn đang hành hạ trên thân thể của em. Dưới làn bông băng trắng toát, là thịt vụn, là xương vỡ là máu rỉ, là làn da yếu ớt run rẩy, quần quại, tôi thấy, và lòng tôi quần quại. Thưa mẹ, thưa chị, xin ngừng giọt lệ xót xa, tủi nhục. Nhà cửa mẹ tan nát làm sao, con cái chị chết đớn đau thế nào, tất cả mọi người, tất cả nhân dân thế giới đều đã chứng kiến và đã thồn thức chịu tang với mẹ, với chị ở trong lòng.

Và quanh đây, trên giải đất tan nát này, ở các trường học, các bãi đất trống,

các nhà thờ, chùa chiền, hay lều tạm trú, còn biết bao trẻ thơ khác, các bà mẹ bà chị, những bộ lão già nua khác cùng mang chung một thảm họa : đớn đau về tinh thần, thiếu thốn về thể xác. Ôi ! Kề làm sao cho xiết được sự tan nát, thể nhân, xót xa cùng cực mà dân-tộc ta, đồng-bào ta phải chịu đựng sau cơn khói lửa thảm khốc, điêu tàn. Phải vẽ lại tất cả những hình ảnh ấy bằng tim óc và bằng nước mắt. Để làm hành trang quý báu cho tất cả những ai muốn tìm đến ánh sáng của Tự do. Để bồi dưỡng cho nửa phần đất bên này thêm phần tin tưởng ở chính nghĩa mà tất cả chúng ta đang cố gắng gìn giữ. Không làm được công việc đó, người cầm bút còn mắc một món nợ tinh thần, sau biển cố thể thảm vừa qua.

Thôi, xin hãy làm và ngừng kể lè. Bởi vì tới giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng này, không ai là không mắc nợ quê hương. Cầu xin cho tất cả đều sáng suốt, tất cả cùng một lòng, để hàn gắn những đờ vỡ, xoa dịu những đau thương, và xua tan đi bóng tối triền miên đang ngự trị trên xứ sở.

Quê hương tôi, đồng bào tôi

● ĐỖ-PHƯƠNG-KHANH

Tôi vẫn thích xem những phim chiến tranh đề mà sợ chiến tranh hơn, thích đọc thơ phản chiến đề mà mơ ước ngày quê hương im tiếng súng, thích nghe nhạc T.C.S. đề mà thấy thêm yêu chuộng hòa bình.

Nhưng thật ra là dân đô thị tôi cũng chưa được thấu rõ chiến tranh. Đó đây, trong trí nhớ của tôi chỉ thoảng qua

một vài hình ảnh : Một người đàn bà đi buôn hàng chuyển dọc đường bị mìn. Cả khuôn mặt nát bấy còn lại vài cái hốc hay những mảng thịt bầy nhầy di động, cổ thì thảo — Con tôi, các con ơi...

Hoặc bà mẹ trẻ bế con mới sinh chạy hốt hải, tới khi nhìn xuống tay thì chỉ còn lại mớ tã lót bọc trong cái chần, con đã lọt đi từ lúc nào, bà ta chạy

ngược lại thì ra dòng người chen chúc xô đẩy đã vô tình dẫm nát đũa nhỏ. Chỉ vài ba hình ảnh vụn vặt với cái tầm kiến-thức về hiểm họa chiến tranh rất nghèo nàn của tôi như thế cũng đã đủ làm tôi rùng mình ghê sợ không muốn nhớ tới nữa. Và, như những người thích thanh bần, tôi cũng không muốn dòi dào hiểu biết về mặt này. Nhưng với chiến tranh, tôi không còn có quyền muốn hay không. Nó tàn nhẫn giập đổ, nhồi nhét cho tôi được hiểu biết. Tôi đã biết. Và tất cả dân đô thị đều đã biết, biết rõ ràng những đau đớn, thống khổ, tang tóc do chiến tranh gây ra. Biết vào đúng lúc lòng đang phơi phơi mừng xuân mới, biết vào lúc đang tung tăng trên đường đến chùa đến nhà thờ, lúc đang điếm trang, đang nhận tiền lì xì và các cô cậu bé biết cả vác lúc đang nhí nhảnh trước gương làm điệu hiệp-si. Đổi lấy sự hiểu biết này bằng nhà tan cửa nát, bằng sinh mạng, bằng cánh tay, bằng cẳng chân, bằng què quặt, tàn tật, bằng nước mắt, bằng máu, bằng bơ vơ xó chợ đầu đường ngay giữa ngày xuân.

Đây, chiếc xe lam chở người đàn bà và đàn trẻ mặt mũi nhọ nhem, trong đó có một đũa mặt xanh ngắt, máu đỏ thẫm đã ngã đen bê bết trên chiếc áo sơ mi mới tinh. Một cánh tay còn nát bầy lẻo nhều thít lẫn với vải rách. Bà mẹ mặt mày ngờ ngác kinh hoàng nhìn tai nạn chụp vào con yêu quý, chỉ còn biết giữ chặt lấy cánh tay chết của con như ước mong có phép mầu gắn lại. Kia, một ông mặc complet vừa chạy vừa đẩy chiếc xe Scooter mồm la hét inh ỏi. Ông ta quá sợ không dám dừng lại để đạp cho nổ máy.

Tất cả đều kinh hoàng tột độ. Họ chết, bị thương vào những giây phút

bất ngờ nhất. Họ đã được yên tâm, được ru ngủ bằng lời hứa hẹn hưu chiến đầu năm. Họ đã được mời dự một bữa tiệc thịnh soạn, thiệp mời in long trọng trên giấy kim nhũ, yêu cầu thực khách mặc lễ phục, để được thết bằng một bữa tiệc có thuốc độc.

Suốt những ngày khói lửa, tôi vô dụng đối với đồng bào. Tôi không giúp được gì khi được tin chồng chị bạn tôi chết giữa ngày mồng hai Tết, sau khi từ biệt chị đề vào trại chiến đấu cùng đồng đội. Chị mếu máo :

— Hôm qua tụi em hẹn nhau tối nay đến mừng tuổi anh chị. Thế mà anh ấy bỏ em rồi. Anh ấy mới còn ngáp đây mà đã chết rồi.

Tôi không làm được gì cho chị giúp việc cũ của tôi. Nhà chị cháy, chị cuống cuống cấp hai đứa con ba và hai tuổi ra đường, chạy được vào đề bế nốt con bé ba tháng thì mái nhà xập xuống. Chị tức tưởi :

— Cháu còn thấy nó dấy trên võng. Tại đạn bắn rất quá nên mãi lúc cháy to cháu mới liều chạy ra. Cô ơi ! tội nghiệp nó quá, người nó teo lại bằng con gà quay mà bụng còn nguyên máu đỏ.

Tôi không thể làm vơi nỗi đau khổ của họ. Những lời an ủi đều vô nghĩa. Một mớ quần áo cũ, chút tiền cứu trợ có nghĩa gì với nỗi đau đớn tột cùng kia. Tất cả chỉ để cho họ được an tâm phần nào trong khi sự đau khổ đang gặm nhấm lòng họ. Nhưng cũng có những hành động đẹp như bát nước mưa mát rượi tưới vào cõi lòng héo hắt của họ. Đó là những cụ già tóc bạc còn lặn lội đi hiến máu, những giọt máu của người già thật quý đối với họ, nó giữ gìn chút hơi tàn cuối đời mà cũng cố san sẻ để giúp nhân loại. Những cô cậu học sinh

mò mẫm đi các trung tâm cứu trợ để giúp đỡ cho đồng bào bào tị nạn, các anh lái xe taxi, xe lam, xe honda, gắn máy ngược xuôi đi chở giúp những người bị nạn chạy xa chốn bom đạn và những anh lính chiến, len lỏi mò mẫm tìm đủ mọi cách tới được đơn vị, để chống giữ và đẩy lui những tang tóc đau thương đang tràn vào để chụp thêm lên đầu dân chúng. Trong những ngày dài đặc lo âu và xúc động tôi thường nhìn những đứa nhỏ, trong trại tị nạn mà đã mất cả cha mẹ một sớm một chiều — những đứa trẻ chẳng hiểu tang tóc đã đến, còn nhe răng cười khi thấy thằng bạn trượt chân — nhìn bà mẹ mất con mà phải dẹp đau đớn trong lòng, chen lấn để dành cho những đứa còn lại một chỗ nằm kín gió, nhìn ông già ngồi cạnh miệng cống dăm chài quần điếu thuốc sâu kèn, để mà tự hỏi: «Liệu tôi có nghĩ đúng khi cho là chỉ cần buông súng xuống là có hòa bình hay không? Và còn có đời sống tự do hay không? Hay sẽ là những cuộc thanh trừng, tàn sát đẫm máu hơn nữa». Tôi nghĩ..., tôi nghĩ...

Tôi không còn muốn nghĩ gì nữa. Từ

thuở bé, tôi được một ân-huệ trời dành một nguồn hạnh phúc vô tận, là hằng đêm thường mơ thấy những giấc mộng đẹp. Tối lại, tôi đi ngủ với hy vọng gặp mộng đẹp. Tuy nhiên, đôi khi tôi gặp ác mộng. Đại khái là một bà già hình dung cổ quái nhe răng nhìn tôi, rồi cánh tay bà vươn ra muốn chụp lấy tôi. Tôi cố chạy mà không thể được. Những cơn ác mộng của tôi thường được kết liễu bằng sự cố chạy mà không được, tôi sẽ tỉnh bằng tiếng la của chính tôi. Cơn ác mộng đã đến với tất cả đô-thị. Đến trong mùa xuân trong tiếng pháo nổ tung bùng. Không ai có thể la để mong tỉnh lại. Chỉ còn ao ước ác mộng chóng qua và những ngày thanh bình êm đềm cũ lại về.

Bây giờ, tôi thấu hiểu, sự an vui là của trời cho. Nhưng phải tranh đấu để giữ lấy quyền tự do thụ hưởng.

Sau khi tang tóc đau thương chụp xuống đầu chúng ta rồi, tôi chỉ còn biết tha thiết ước ao tất cả chúng ta, những người hiểu hòa, làm được chút gì để mà an ủi cho bao người bỏ mình vì nền tự do, bao người tàn tật, bao vợ góa con cô còn lại trên đời.

ĐỖ PHƯƠNG KHANH

Đi tìm một tình yêu giữa bao cay đắng hận thù,
Đi tìm một niềm tin giữa bao chán chường bi thảm,
Đi tìm một ngọn lửa giữa bao nguội lạnh rời rã...

HÃY ĐỌC

HƯƠNG CỎ MÂY

truyện dài của TUẤN-HUY

Gần 400 trang. In đẹp. Trình bày trang nhã. HAI MIỀN xuất bản

Viết trong tiếng súng

● VÕ - PHIÊN

... Này anh nhà văn, anh vẫn viết đấy chẳng? Viết cái gì vậy? Liệu anh có thể trình cho bà con xem những điều anh viết mà khỏi ngưng ngừng chẳng? Liệu anh có cắt nghĩa được cho bà con hiểu cái quan-hệ giữa công việc anh làm và những gì xảy ra ghê gớm xung quanh anh mà bà con khỏi mĩa mai phần nộ chẳng?

Có những vấn đề đem ra phân tích, thảo luận chán chê, rồi đành bỏ đấy, không giải quyết được gì. Bỏ thì nó nằm yên đấy, rồi lâu lâu — năm ba năm, một vài chục năm sau — nó lại lồm cồm ngàng đấy, tự nêu lên trước mắt mọi người. Lại mờ xẻ, cãi cọ, tốn rất nhiều thì giờ; rồi cuộc lại gạt nó ra một bên để còn lo việc khác. Gạt thì nó nép sang một bên, lu mờ, bất động. Cho đến năm, ba năm, một vài chục năm sau, vào một dịp nào đó, người ta lại thấy xuất hiện lù lù một vấn đề trước mắt; « Uả, lại nó. Đây là chuyện quan trọng, phải chơi sao. Không thể không giải quyết ». Ai nấy xông vào tranh luận, bàn bạc. Cuối cùng, mọi người vui vẻ xoa tay « Thế là giải quyết xong. Góm, nhì nhằng mãi. Lần này thôi nhá. Cút đi, và nhớ từ rày cấm lời thôi nữa đấy. » Nó liền cút. Để rồi năm ba năm, một vài chục năm sau, vào một dịp nào đó...

Sứ mệnh văn nghệ là một vấn đề như thế. Quả thực không có gì mới mẻ khi nêu lên các thắc mắc: Văn nghệ liên quan ra sao với nhân sinh, với chính trị? Nhà văn có trách nhiệm gì trong xã hội? Viết để làm gì? Văn nghệ sĩ

nên dẫn thân chẳng? không nên dẫn thân chẳng? v.v. Không cần nhắc đến các cuộc tranh luận nổi tiếng ở Âu Mỹ, đến các ý kiến của danh nhân Đông Tây, riêng tại một nước này chuyện ấy cũng đã được đề cập tới năm lần mười lượt.

Thế mà gần đây, mà hiện nay, nó lại được nêu ra, xét lại.

Như thế, tưởng không phải vì đột nhiên chúng ta phát giác ra những sai lầm trong tư tưởng của tiền bối, mà là vì hoàn cảnh đang sống chợt làm chúng ta áy náy, xoắn xang. Chết chóc nhiều quá; khốn khó điều linh quá; ai nấy xét nét nhau và tự xét nét, để xem phần trách nhiệm của mỗi người trước tình thế này ra sao, mỗi người đã làm được gì, còn phải làm gì.

Tình thế càng khàn bách, sự trách vấn càng gắt gao.

Và mức khàn bách tưởng đã đến tột độ từ biển cổ đầu năm Mậu Thân này. Thủ đô thành chiến trường rồi. Này anh nhà văn! giặc đánh trước hè nhà anh đấy, sáng ra mở cửa anh trông thấy xác nằm ngồn ngang, súng thương liên của giặc đặt trên nóc lầu bên cạnh, láng giếng và thân hữu anh kẻ cháy nhà, người trúng đạn, vợ con anh ban ngày xao

xác vì gạo mắm, bắt đầu từ xâm xâm tối lại hót hơ hót hời nghe ngóng từng động tiah quanh nhà..., anh nhà văn, anh vẫn viết đấy chẳng? Viết cái gì vậy? Liệu anh có thể trình cho bà con xem những điều anh viết mà khỏi ngỡ ngàng chẳng? Liệu anh có cắt nghĩa được cho bà con hiểu cái quan hệ giữa công việc anh làm và những gì xảy ra ghê gớm xung quanh anh mà bà con khỏi mỉa mai phần nộ chẳng?

Cắt nghĩa sao đây? cho thỏa mãn kẻ khác và cho yên ổn lương tâm mình. Trong số các kẻ khác, có kẻ thường nghe nói ngời bút cũng bèn như grom và chờ đợi trông thấy nhà văn góp công giết giặc; lại có kẻ nghĩ tiếng nói văn chương là tiếng nói của nhân ái và đòi nhà văn phải can thiệp để làm ngừng cuộc giết chóc. Bên này và bên kia mong mỗi ở nhà văn một thái độ hợp với sự chờ đợi của họ và không khéo cả hai bên đều thất vọng. Còn chính anh, nhà văn, anh bút rứt như mang tội với mọi người. Và trong lúc bút rứt anh lại dở chuyện cũ ra, làm nhảm: viết gì? dẫn thân? không dẫn thân? v.v...

Không có nhà văn

Nhà văn, thực ra tiếng ấy chỉ thị chung những hạng người có những hoạt động khác nhau rất xa, gần như không có liên quan với nhau. Có người viết cốt cho có những câu chuyện thật ly kỳ lý thú cống hiến độc giả mua vui, có người viết sách là nhằm truyền bá kiến thức, có người trước thư lập ngôn để răn dạy người đời về đạo lý, lại có người cho viết là làm công việc đi sâu vào tâm hồn con người mà tìm tòi soi sáng các góc ngách bí hiểm, cũng có người viết để làm sống lại cả một xã hội, một thời đại, lại cũng

có người nghiên cứu xếp đặt chữ nọ ghép với chữ kia cốt làm sao khi đọc lên có thể gây một rung động thích thú v.v... Những hạng người ấy, họ làm những công việc khác nhau, có chí hướng khác nhau, xa lạ nhau, lắm khi đối nghịch nhau, họ sử dụng những phương tiện khác nhau vào những phương tiện khác nhau. Thật không có gì miễn cưỡng bằng ghép tất cả họ vào một hàng ngũ. Giữa việc làm của Khổng-Tử chép kinh Xuân-Thu cân nhắc từng chữ để phê-phán người trước hướng-dẫn người sau, với việc làm của Mallarmé xếp chữ như người pha màu, nhằm gây một tác-động bùa chú nơi độc giả, giữa hai việc ấy có chút gì dính líu với nhau đâu. Khổng Tử, không nên xem ngài như một nhà văn? Thì hãy chọn Lương-Khải-Siêu chẳng hạn; vẫn một sự khác biệt như thế. (Cùng viết lách cả, nhưng đến mức nào thì chưa gọi được là nhà văn, đến độ nào thì vừa đúng là nhà văn, và đến chừng nào thì vượt quá danh vị nhà văn, ấy cũng là chuyện mơ hồ nữa. Sartre triết lý mà vẫn là nhà văn, Bergson chưa chắc đã có thành tích triết học quan-trọng bằng Sartre nhưng lại xa văn giới tuy vẫn viết rất xuất sắc, đến như Platon thì văn hay mặc lòng phải được coi là nhà hiền triết), Lỗ-Tấn đang học thuốc nửa chừng bỏ ra viết văn để dốc tâm chữa bệnh tinh thần cho dân, Théophile Gautier lo đẽo gọt từng câu sonnet chẳng cần biết đến tâm bệnh thể bệnh của ai; ngay khi chọn nghiệp hai người đã nhắm hai đường. Ít ra, họ cũng xa lạ nhau như một kẻ chọn nghề y sĩ và một anh làm nghề mài hột xoàn.

Cố tìm ra một cái gì nối liền các hoạt động cách biệt như thế, có thể nêu lên cái nguyên liệu chung: chữ viết. Mọi nhà văn đều sử dụng chữ viết, Nhưng

đó bất quá cũng như kẻ đóng tàu chiến và người thợ làm ra những chiếc đinh đóng guốc đều sử dụng một nguyên liệu chung là sắt, vậy thôi.

Nhà văn không có một khuôn mặt rõ rệt. Tiếng gọi ấy có một chứa đựng hỗn tạp. Không hề có một công việc chung, một chí-hướng chung, một mục-dịch chung, cũng không có chung quyền-lợi, các hạng người gọi là nhà văn không thể có nhiệm vụ chung, sứ mệnh chung.

Khi xã hội nhắc tới nhà văn là có ý hướng về một giới ít nhiều thuần nhất. Nhưng các nhà văn lại không thuộc vào một giới như thế; đây là một giới không có kẻ tiêu-biểu, không có thái-độ tiêu-biểu. Đối với sự nhắc nhở kêu gọi hướng về giới nhà văn, không thể có một đáp ứng chung.

Như vậy, thay vì nói: "Này anh nhà văn! giặc đánh trước hè nhà anh đấy..." đáng lẽ nên điếm diệp từng hạng từng hạng trong đám nhà văn mà hạch hỏi «Này anh chàng viết kịch kia ời, trong tình thế này anh tính làm gì... Này nhà luận thuyết, ông viết cái gì đó? v.v...» Mỗi hạng người sẽ tùy công việc của mình mà đứng lên thừa thốt (và lại ngay trong phạm vi kịch chẳng hạn cũng có lắm chủ trương kịch, trong lãnh vực tiểu-thuyết cũng có nhiều quan-niệm tiểu thuyết, mỗi quan niệm nhận định mối tương quan giữa ngành mình với xã hội một cách khác nhau. Tiểu thuyết của Vũ-Trọng-Phụng được cho rằng nó phanh phui những xấu xa của xã-hội để giúp người ta trông thấy mà sửa chữa, tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet đâu có cái "ích lợi" ấy. Cho nên mỗi "hạng" nhà văn nói đây cũng không tương ứng với mỗi bộ môn văn học.)

Sứ-mệnh văn-nghệ và
sứ-mệnh văn-nghệ-sĩ.

Sự thừa thốt, đối với một vài hạng,

sẽ rất trôi chảy. Chẳng hạn Lương-Khải Siêu, Huỳnh-thúc-Khuàng, Lỗ-Tấn, Trần-Trọng-Kim v.v... Công việc của họ là suy tìm, cõ võ những phương thế làm cho nước nhà độc lập, xã hội thịnh vượng, công bình, tự do, làm cho dân trí được mở mang, khai hóa... Trong công việc ấy, họ có thể dùng tới nhiều phương-tiện, trong đó có chữ viết. Chữ viết, có kẻ dùng giỏi, có kẻ dùng không giỏi. Kẻ dùng giỏi là nhà văn, sau này còn được gọi rõ ra là người dùng văn (*écrivain*).

Còn những hạng khác họ, những kẻ viết văn (*écrivain*) đáng đánh đòn cả chẳng? Balzac, Proust v.v... sẽ nói năng ra sao với xã hội sau một biến cố như biến cố đầu xuân Mậu-Thân tại Sài Gòn?

Thật ra tất cả các bộ môn văn hóa không cùng ra đời trong hoàn cảnh nghèo đói, dốt nát, giặc giã áp bức, không cùng ra đời vì nhu cầu tranh đấu cứu nước hay dựng nước. Con người cần ăn no, cần được đối xử công bình, cần có tự do, mà cũng cần thành tựu trong việc yêu đương, cần được thỏa mãn những điều tò mò, cần pha trò để cười hả hả, cần hít hương thơm v.v... Làm một điều gì để tăng thêm cái hạnh phúc làm người đều là phục vụ nhân sinh.

Thơ Lý-Bạch không vì nhân-sinh chẳng? Chưa chắc đâu. Nó thể hiện một tâm hồn khoáng đạt, một phong cách cao quý, một lối sống đẹp để đã quyến rũ biết bao nhiêu lớp người từ ấy tới nay, không kể những giây phút sáng khoái nó gây cho người đọc thơ. Một bài thơ hay dù sao cũng ít phá phách hơn một nét chữ đẹp; vậy mà một người tận tụy với lợi ích nhân sinh như Vương Dương Minh đã vùi đầu luyện nét bút, có lần mê say đóng cửa tập viết suốt

mấy ngày liền hết veo hàng rương giấy.

Ngâm chữ đẹp cũng thêm ý vị cho kiếp nhân sinh, cũng là một nhu cầu của con người. Cũng là nhu cầu như ngâm thơ Lý-Bạch, như xem văn Proust, như đọc truyện Bồ-Tùng-Linh. Cũng là nhu cầu như tìm hiểu về lối sinh sống của loài lươn, của con chuồn chuồn, con ve sầu, của những cây cỏ dại, cũng là nhu cầu như xem vô tuyến truyền hình, nghe ra-dô v.v...

Bảo đó là những nhu cầu quan trọng, dĩ nhiên không đúng. J.P. Satre đòi đuổi bọn trí thức Phi-châu về xứ lo dạy học thay vì đi lớn vốn để viết văn. Như thế rất phải. Dân Phi-châu còn mù chữ, thì họ cần đi dạy học; dân Phi-châu đói, có thể bắt họ cày ruộng. Tùy hoàn cảnh mỗi lúc, xã hội có quyền đòi hỏi chúng ta giải quyết nhu cầu cấp thiết nhất trước đã. Khi ấy không riêng nhà văn, mà những nhà triết học, những nhà dân tộc học, côn trùng học v.v... cũng là thừa đi trong lãnh vực chuyên môn của họ. Hãy đi dạy học và cày ruộng cả. Đi dạy học và cày ruộng cả ông giám đốc xưởng ráp ti-vi, ông chuyên viên sản xuất đồng hồ đeo tay v.v. (Bởi vì nhà văn không đáng hưởng một sự lưu tâm đặc biệt hơn nhiều giới khác).

Nhưng khi nhu cầu cấp bách, sơ đẳng, đã giải quyết xong, và các nhu cầu khác được lần hồi nêu ra, thì nhà triết học có quyền tha hồ suy tư về ý nghĩa của nụ cười, tiếng khóc, của tất cả cái gì, kể cả sự giao hoan, nhà dân tộc học có thể đi xem người thượng du uống rượu cần, cà răng căng tai, nhà sinh vật học có thể miệt mài suốt tháng suốt năm theo dõi sự động cõn của loài chuột, Proust cứ việc tìm thời

gian đã mất, Mallarmé cứ xáo trộn chữ nghĩa để thí nghiệm cái tác dụng bùa chú của ông ta v.v... Mỗi hạng người có mỗi công việc đáp ứng một nhu cầu của con người, mỗi công việc ấy có liên hệ với xã-hội, với đời sống, một cách khác nhau.

Khi hôn hờ, đề huề trong cảnh thịnh vượng sung túc, chắc chắn không có ai trong xã hội xấu hổ vì những chiếc ti-vi, vì câu thơ hay, vì một phát kiến trong ngành học về loài mối cánh v.v... Người ta còn nghĩ rằng văn hóa tiến về những cái đó. Cuộc sống tiến từ cái nhu cầu có hạt cơm đưa vào miệng, tới cái nhu cầu đeo kính râm cho mát mắt, đọc *Cimetière marin* để tìm rung động thơ...

Thế rồi gặp lúc quẩn bách, xã hội lại lờm mắt quở trách người thợ làm kính râm: « Xung quanh, người ta đói khổ thế này, anh thật vô dụng. Anh hãy xét lại vấn đề trách nhiệm của công việc làm kính râm đối với xã hội ». Anh thợ ngbêch người ra: trách nhiệm của việc làm kính râm chỉ có là làm ra những cái kính thật tốt, mang vào thật khỏe mắt, chứ còn gì hơn?

Xã hội chỉ lờm mắt, cần nắn, trách vấn, vào những cơn bão loạn; xã hội không công bình đâu nhé. Cần gì gặt gồng? bão loạn thì xã hội chỉ có việc bớt nhu cầu đi, bắt ai nấy đi dạy học, đi cày, và đi lính, nếu cần. Bấy giờ anh thợ làm kính, nhà viết văn, nhà dùng văn v.v... sẽ ra đi như nhau. Maurois, Alain — hai thầy trò, kẻ viết văn người dùng văn — đều đã ra đi giản dị như thế.

Có trường hợp mỗi người phục vụ nhân sinh tùy thiên tư, tùy năng khiếu riêng của mình; có trường

hợp mọi người phục vụ nhân sinh tùy theo nhu cầu của nó. Tùy nhu cầu của nó, mọi người phải làm việc như nhau. Nhưng được tùy năng khiếu của mình thì cách phục vụ đặc lực nhất của anh thợ gương là làm gương tốt, của nhà ngữ-âm học là cặm cụi với lũ âm rộng, âm hẹp, âm nõu, âm cửa, âm màng cửa, của Mallarmé là tạo ra câu bùa chú, của Kafka là làm hoang mang, sững sờ thiên hạ bằng những câu chuyện phi lý v.v... Tổng quát thì tất cả mọi hoạt động đều nhằm thỏa mãn cái đòi hỏi muôn mặt triệu mặt của nhân sinh. Tách riêng ra mà nói thì sứ mệnh của thơ tự do là dùng ngôn ngữ gây ra một mỹ cảm không tùy thuộc vào ý nghĩa của ngôn ngữ, sứ mệnh của truyện Maugham là gây thích thú, sứ mệnh của truyện Kafka lại là gây nên sự bất an trong tâm hồn độc giả v.v... Gom góp những dị biệt, mâu thuẫn như vậy mà có thể đặt ra cái sứ mệnh chung cho văn-nghệ sao? Nhất là một sứ mệnh liên hệ đến sự giải quyết những gian nguy khốn đốn của xã hội.

Vì vậy thiết nghĩ đối với những tiếng bấc, tiếng chì, những quở mắng của xã hội, chỉ có sự đáp ứng của văn-nghệ-sĩ với tư cách công dân. Việc đáp lại các đòi hỏi nợ thuộc trách vụ của các văn-nghệ-sĩ hơn là của văn-nghệ.

Truyền thống kẻ sĩ

Nói vậy không khéo bị cho là hạ nhục các nhà-văn. Nhà văn mà cũng chỉ góp vào việc xã hội những bàn tay cầm súng, cầm cày, y hệt như anh thợ rèn, anh phu xe vậy sao? Xã hội cần là cần cái đầu óc, cái tâm tư của nhà văn kia. Nhà văn là những phần tử trí-thức: hãy góp những suy-nghi sáng suốt về các vấn-đề quốc-gia; nhà văn là những phần-tử nhạy cảm: hãy nói lên tâm tình và nguyện vọng của quần chúng. Xã hội

không đòi nhà văn đóng góp sự lao-động mà đóng góp bằng những lo lắng, băn khoăn, tư tưởng v.v...

Có thật sự lo lắng và tư tưởng của nhà văn quý báu đến thế? Nết kiêu hãnh có thể làm hư hỏng bất cứ ai, kể cả những phần tử trí thức và nhạy cảm.

Ít nghề trong xã hội dám tự xem là thiêng liêng. Ít lắm, may ra chỉ dăm ba nghề, trong đó có nghề thầy cúng xưa kia, và nghề văn bây giờ. Trong nghề văn, dường như công việc thiêng liêng nhất là làm thơ. Nhiều thi sĩ khoe-khoang sự trác táng của mình, khoe đã tự làm cho thân tàn ma dại, cho vợ con khốn đốn, vì thơ. Thơ ở trên hết. «Thơ là Đạo, cái đệ nhất nguyên-lý sẽ sáng tạo được vạn-vật khi đã chia âm dương» (!). Cái giây phút người thơ hạ bút viết ra câu thơ thật quan trọng kinh khủng, gọi là «phút thiêng»:

*« Phút thiêng chờ mãi không về,
Bâng khuâng giấy trắng chưa nề mực
đen...» v.v...*

Các bộ môn văn-nghệ khác, dù không thiêng-liêng bằng thơ, cũng chỉ chịu nhường một phần một ly mà thôi.

Bởi vậy, nhà văn không như những giới khác, nhà văn phải sáng suốt hơn, phải đóng vai trò lương tâm của xã-hội, của nhân-loại. Khi xã-hội gặp rắc-rối, nhà văn cần lên tiếng, tuyên ngôn, tỏ thái độ v.v... để làm gương, để hướng dẫn, để xoay chiều dư luận. Nếu không thế nhà văn bị trách cứ, chê bai. Sartre cho là Flaubert và Goncourt phải chịu trách-nhiệm về cuộc đàn áp Ba-lê Công-xã vì đã không chịu lên tiếng ngăn cản.

E rằng một thái-độ như thế đối với nhà văn (cũng như đối với các nhà thông-thái, trí-thức v.v...) chỉ là một cách tôn họ lên quá cao và xúi dại họ. Khi quốc gia

gặp điều rắc rối khó xử, thật khó mà tin rằng những kẻ như Rimbaud, như Verlaine lại thông thạo, sáng suốt, biết rõ đường lối giải quyết hơn là những De Gaulle, Mendès France v.v... Rimbaud, Verlaine, hay Newton, Russell v.v. cũng thế. Không có gì chứng minh rằng những kẻ kể chuyện hay, gieo vần giỏi, thông thạo về một hóa chất, về một loài vi trùng nào đó v.v... lại nhất định phải am hiểu về nguyện vọng, quyền lợi của người dân hơn các ông quận trưởng, về chính sách đối ngoại hơn các ngoại trưởng, hoặc yêu nước thương nòi hơn các thủ-tướng, quốc-trưởng. Ai bầu cho một nhân vật chuyên về âm nôi, âm của đại diện quyền-lợi của dân chúng? Tại sao nhân loại lại chọn lựa một nhân-vật chuyên về giống ếch ương làm lương tâm của mình? Aldous Huxley vừa thông-thái, trí-thức, vừa viết văn, và ông đã viết rằng :... « Giá-trị của một người trong một lãnh-vực này không bảo-đảm được giá-trị của người ấy trong lãnh vực khác. Tài năng toán học của Newton không hề tỏ rằng ông ta giỏi về thần học. Faraday đúng trong vấn đề điện-khí, nhưng không đúng khi nói về thuyết *sandemanisme*. Platon viết văn tài tình, và đó là lý do khiến thiên hạ tiếp tục tin tưởng ở cái triết học tai hại của ông ta. Tolstoi là một tiểu-thuyết-gia tuyệt vời; nhưng đó không phải là lý do để cho rằng các tư tưởng của ông ta về đạo lý là không đáng ghét, hoặc để cảm thấy một cái gì khác hơn là sự khinh bỉ đối với các quan niệm của ông ta về thẩm-mỹ-học, về xã-hội học và về tôn-giáo».

Nói chung thì thế, tuy vậy A. Huxley cũng có nhận thấy giữa trí-thức với văn nghệ-sĩ có chút khác nhau: « Trong trường hợp các nhà khoa học và các nhà

triết-học, một sự ngu xuẩn như thế đối với những điều phạm ngoài phạm vi chuyên môn của họ không có tí gì đáng lấy làm lạ. Sự ngu xuẩn ấy lại còn gần như không thể tránh khỏi». Bởi vì khi người ta đã đi quá sâu vào một ngành học riêng biệt nào người ta có quyền ngạc nhiên trước các vấn đề khác, một quan năng tinh thần phát-triển đặc-biệt phi thường có thể làm tê liệt các quan năng khác. Nhưng còn các văn-nghệ sĩ, việc làm của họ thực ra chẳng có gì chuyên-môn bí-hiêm cho lắm; làm thơ, viết kịch v.v... không bắt buộc họ phải tách rời thực tại xã-hội quá xa như công việc nghiên cứu về nấm, về vi trùng v.v... Văn-nghệ-sĩ thường thường tâm trí được quân bình hơn, xử sự hợp nhân tình thế thái hơn. Do đó, sự « ngu xuẩn » của họ đáng phàn nàn hơn của các người trí thức.

Dù sao, họ cũng trót « ngu xuẩn » và không có lợi gì mà xúi bầy họ can thiệp vào những rắc rối của xã hội.

Di nhiên, ngược lại, không ai được ngăn cản khi họ sốt sắng góp ý kiến vào việc nước. Mọi công dân, từ kẻ thất phu, đều có quyền và có trách nhiệm tham-gia việc nước. Zola lên tiếng về vụ Dreyfus: tốt; Gide lên tiếng về vụ Congo: tốt. Đó đều là những công dân có thiện-chí, đáng khen. Nhưng bảo rằng ý kiến của họ có tầm quan-trọng đặc biệt, rằng quốc dân chờ đợi những ý kiến ấy, hướng về họ trông mong một thái độ v.v...; thì là quá lỗ. Quan trọng đặc biệt ra sao? chờ đợi được gì ở họ? May lắm, không « ngu xuẩn », thì họ cũng phát biểu như bao nhiêu kẻ khác quanh mình, nghĩa là chín người mười ý, lung tung. Về vấn đề đánh nhau tại Việt-Nam, ở Hoa-kỳ quốc dân nên

nghe Arthur Miller hay nghe John Steinbeck ?

Hơn nữa, trong việc quan trọng hóa lời nói của nhà văn còn có gì gần như một sự gian-lận, lừa đảo. Thật vậy, Zola bất quá giỏi viết truyện, cũng như Baudelaire giỏi làm thơ ; không ai dám bảo đảm họ am hiểu về luật pháp và chính trị hơn kẻ khác, hoặc họ sống đạo hạnh, họ thương người, họ có lương tâm trong sạch hơn kẻ khác. Vậy mà khi đề cập tới chuyện nhân quyền, chuyện công lý, tiếng nói của họ vang xa; như thế là nhờ vào cái uy-tín tiêu-thuyết-gia và thi-sĩ của họ. Tiếng nói của họ có thể đúng, có thể sai, không được thẩm định đúng theo giá-trị của nó. Tiếng nói ấy cất lên lại vang to vượt quá tầm giá trị thực sự, lại được tăng cường khuếch-đại bằng một thứ uy danh vay mượn. Như vậy không phải có sự gặt gấm sao ?

Nghề văn thực ra không thiêng-liêng mà cũng chẳng tội tộ. Không thiêng không tội, miễn là người văn đừng lợi dụng cái tín-nhiệm của thiên-bạ dành cho mình trong địa hạt này để mê hoặc người trong địa hạt khác. Nói cách khác là đừng phỉnh gạt.

Lại có quan niệm cho rằng nhà văn, nhà trí thức, là những kẻ sĩ trong thế gian. Theo truyền thống đông-phương, kẻ sĩ có trách nhiệm tinh thần lớn lao trong xã-hội. Không phải họ chỉ lo chu toàn nhiệm-vụ công dân mà đủ ; nhiệm-vụ của họ còn là hướng-dẫn các thành phần phi-sĩ. Một kẻ sĩ không cất tiếng trong cơn bão rối của xã hội là kẻ sĩ đào nhiệm.

Nói truyền thống tức nói đến quá khứ. Trong quá khứ người nông dân vừa cày ruộng, vừa lợp nhà, vừa trét vách, vừa đan thúng đan rổ, vừa đánh cá bẫy chim

v.v.. ; ngày nay mài con dao cũng là nghề chuyên môn rồi. Trong quá khứ, hễ cứ thi đậu từ cử nhân trở lên là có thể ra làm quan, trị dân được, hành pháp được mà tư pháp cũng được, mở dinh điền được mà cầm quân đánh giặc cũng được nữa, nói gì thì phú, biện luận, suy tư v.v... là ngón sở trường. Thế thì có việc gì mà không thuộc tầm quyền kẻ sĩ xưa kia. Sĩ kiêm bách nghệ. Chẳng những khi quốc gia gặp biến động, quốc dân mới chờ ý kiến của kẻ sĩ, mà xóm làng có chuyện tranh chấp gay go, gia đạo có điều xích mích lủng củng, người ta cũng có thể đến xin ý kiến kẻ sĩ.

Trái lại, ngày nay có kẻ sĩ chuyên về chầy rạn, có kẻ sĩ chuyên về binh cơ, có kẻ sĩ lo phóng người lên không gian, có kẻ sĩ chuyên ngành trồng trọt, hoặc chuyên triết lý, hoặc chuyên làm thơ, có kẻ sĩ chuyên điều khiển guồng máy chính trị v.v... Bảo rằng kẻ sĩ rành nghề viết tuồng hát hay rành triết lý có nhiệm vụ can thiệp vào chính trị, trong khi đó không yêu cầu các kẻ sĩ xuất thân ở ngành chính trị, hành chánh, bày tỏ quan điểm về các vấn đề ca kịch và triết học, như thế không thiên lệch sao ? Không có nhiệm vụ, không được yêu cầu, nhưng ông giáo sư nọ, ông văn sĩ kia, ông muốn nói ông cứ nói; còn bảo thiên hạ chờ đợi tiếng nói của ông thì ngày nay không có đâu. Không những nói, ông còn có thể lập một gánh xiếc lưu động như Russell-Sartre ; miễn đừng đồ vạ cho rằng quần chúng mong mỗi thái độ ấy ở kẻ sĩ.

Lại nữa, có thể bảo dù không ai chờ mong, lúc quốc biến kẻ sĩ cũng không đành lòng bất động, bình chân như vại, các giang hát Hậu Đ. 11 10a như người

thương nữ nọ — Phải đau xót ư ? thì cứ đau xót. Ai bảo những kẻ làm thơ thuần túy như Valéry không đau xót. Cứ gì có tuyên-ngôn mới đau xót ? Trong lúc một kẻ sĩ cất tiếng đòi liên hiệp với ông sản, một anh thợ giầy cũng có thể vừa âm thầm khâu giầy cho thiên hạ mang vừa thồn thức vì vận nước chứ. Xin cứ đau xót, và đóng góp vào việc nước ; trong những đóng góp ấy tiếng nói không phải là hình thức nguy hiểm và nặng nề nhất. Kẻ sĩ không nên tự dành cho mình một sự lo lắng nặng phần trình diễn như vậy, đem rổ đòi ngang giá với công việc cụ thể và khó khăn của các tầng lớp khác. Bởi có những trường hợp vì quá sốt sắng với vai tuồng kẻ sĩ mà người ta xao lãng tư cách công dân của mình ; chẳng hạn trong nguy biến kẻ sĩ lại chỉ mãi lo phát ngôn thay mặt cho Công lý, Nhân quyền, đặt mình lên trên các chính phủ, khuyên bên này một điều răn bên kia một điều, phát ngôn như thể là lương tâm của nhân loại, hay như thể một đức giáo hoàng.

Di nhiên mỗi kẻ sĩ — dù có khác chúng nhân đến đâu — cũng không nên làm ra một đức giáo hoàng. Lại càng không nên làm một đức giáo hoàng run rẩy, vừa kêu gọi khuyên răn mọi người vừa lẩn tránh quân địch.

oOo

Công dụng của văn chương và công dụng của văn tự.

Nghề văn không có lý do gì để tự coi như đặc biệt hơn các nghề khác trong xã hội, tại sao lại đặt ra vấn đề dẫn dắt của nhà văn mà không đặt ra sự dẫn dắt của người làm chổi lông gà ? tại sao có vấn đề tương quan giữa văn

nghệ với chính trị mà không có vấn đề tương quan giữa ngành thiên văn với chính-trị ? trước cảnh đói rét giặc giã ít nghe nói đến sự bầu khoản của nhà toán học mà thường nghe sự áy náy của văn nghệ sĩ ?

Thiết tưởng là vì cái nguyên liệu mà các nhà văn sử dụng. Chữ viết, nó có thể dùng để xây dựng thành truyện kỳ bí của Kafka, thành thơ bùa chú của Mallarmé, mà cũng có thể dùng để soạn hịch tướng sĩ văn, đề hô hào cách-mạng, kêu gọi hồi chánh v.v.. Nhà văn, anh đang dùng chữ, bảo rằng chỉ rành dùng nó vào mục đích thẩm mỹ chứ không hiểu mấy về công dụng chính-trị của nó ? Mặc kệ. Anh đang nắm nó trong tay. Cướp vào nhà, trong nhà có kẻ ngồi xất thịt có kẻ nằm ru con. Nếu không đuổi được cướp, người ta sẽ trách kẻ xất thịt, nhiều hơn kẻ ru con. Như thế không phải vì công việc xất thịt tự nó có liên quan gì đến nhiệm vụ đánh cướp hơn công việc ru con, chẳng qua là vì lúc đó cô xất thịt đang nắm con dao mà chị ru con chỉ cầm có tấm tã.

Trách như vậy cũng là hợp tình. Không phải vì sứ mệnh của việc xất thịt, nhưng vì công dụng của con dao, cô nọ nên tham gia đuổi cướp. Giả sử Mallarmé mà làm về chiêu hồi, không phải ông làm với tư cách nhà thơ, nhất là thơ trong quan niệm của ông. Nhưng như vậy đã sao ? lúc cần nhiều người bỏ được mạng sống, sao Mallarmé không làm về được ? Vậy các ông Mallarmé hãy làm về ; với tư cách gì, cái đó không mấy quan trọng.

VÕ - PHIẾN

II - 1968

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Những ngày cuối năm 1967 và đầu năm 1968 dư luận thế giới đã đặc biệt chú ý tới những cuộc tấn công của Việt Cộng tại Nam Việt và hoạt động của Mỹ trong việc tìm cách tái lập hòa bình. Đồng thời Phó Tổng Thống Mỹ cũng qua Phi Châu viếng chính thức 9 quốc gia Hắc Phi để tỏ thiện chí. Tại Âu-châu hai quốc gia Nam-Tư và Tiệp-khắc đang bắt đầu phong trào tự-do-hóa.

Mỹ-châu : Hoa-kỳ vận-động hòa-bình

Năm 1968 sẽ là một năm quan trọng cho đời sống chính trị của Mỹ. Còn 10 tháng nữa sẽ có cuộc bầu cử Tổng-thống, Hạ nghị-viện và 113 số Thượng nghị-sĩ. Để thu hút phiếu của cử tri, Tổng-thống Johnson phải tìm cách giải-quyết chiến-tranh ở Việt-Nam và tìm cách lấy lại uy-tín của Hoa-kỳ đang bị thương tổn nhiều vì cuộc chiến tranh này.

Có lẽ Bắc - Việt cũng khó có thể tiếp tục mãi nỗ lực chiến - tranh nên Tổng trưởng Ngoại - giao Bắc Việt Nguyễn duy Trinh đã tuyên bố là nếu Mỹ ngưng oanh tạc, Bắc Việt sẽ thương thuyết với Mỹ để tìm cách giải quyết vấn đề này. Phái-bộ Bắc-Việt ở Ba-lê cũng xác nhận rằng những lời tuyên-bố của Nguyễn-duy-Trinh theo đúng đường lối ngoại-giao của Bắc-Việt. Tại các thủ-đô Miến-Điện, Lào, Cam-bốt, nhân viên ngoại giao Bắc Việt đang đi tìm một địa điểm thích hợp cho những cuộc tiếp-xúc sau này.

Hoa-kỳ tuy bề ngoài cho rằng lời lẽ

của Nguyễn-duy-Trinh chỉ là một luận điệu tuyên-truyền, nhưng chính-phủ Mỹ cũng đã ngầm tiếp xúc với Bắc-Việt tại 35 thủ-đô có đại diện ngoại-giao Bắc-Việt. Đại sứ Trung-cộng tại Varsovie cũng bằng lòng tới họp với Đại-sứ Mỹ Gronouski.

Đồng thời Mỹ cũng gửi Đại-sứ Bowles sang Cam-bốt để hội đàm với thái-tử Sihanouk. Tuy bề ngoài Đại-sứ Bowles sang Nam-Vang chỉ để thảo-luận về những căn-cứ của Việt-Cộng ở Cam-bốt mà thôi, nhưng người ta cũng đoán được rằng nếu ông Bowles không tiếp-xúc với các đại diện phe cộng-sản thì ít nhất ông cũng thảo luận với Thái-tử Sihanouk để tìm một giải pháp hòa-bình. Thái-tử Sihanouk có thể giữ một vai-trò quan trọng khi hòa-bình được tái-lập. Ông có thể bảo đảm cho giải-pháp hòa-bình tương lai bằng cách giữ một cương vị hoàn toàn trung-lập, ngăn chặn không cho quân đội Bắc Việt xâm-nhập vào miền Nam.

Hiện thời cả hai bên còn đương ở giai đoạn thăm dò. Tổng-thống Johnson cần phải giải quyết cuộc chiến-tranh Việt-Nam trước khi bầu cử bắt đầu thì mới có hy vọng được tái cử. Ngoài ra Tòa-thánh Vatican và các quốc-gia đồng-minh của Mỹ ở Âu-Châu cũng đang làm áp-lực để Hoa-kỳ ngưng oanh-tạc Bắc-Việt.

Sở-dĩ Bắc-Việt còn kéo dài chiến tranh là để hy vọng rằng Johnson sẽ bị thay thế bằng một nhân-vật « bở câu ». Nhưng nay càng gần cuộc bầu-cử, Bắc-

Việt lại càng e ngại. Nếu Johnson được tái cử, uy tín sẽ lên mạnh và sẽ rảnh tay mà tăng cường chiến tranh thì Bắc-Việt sẽ ra sao? Trong khi chờ đợi hòa bình tái lập, cả hai bên đều cố gắng đi tìm một chiến-thắng để có ưu-thế trước bàn hội nghị. Vì vậy mà quân đội Việt Cộng đã ồ ạt tổng công-kích các thị xã Nam Việt kể cả thủ-đô Sài Gòn. Những cuộc tấn công này đã gây nhiều thiệt hại cho dân chúng và trên chiến trường toàn quốc số thương vong của Việt cộng cũng rất quan trọng.

Đề yểm trợ nỗ lực của Việt-Cộng, Bắc Hàn cũng đã bắt giữ chiến-hạm Pueblo của Mỹ cùng toàn thể thủy-thủ đoàn. Đồng thời Bắc-Hàn cũng gây ra nhiều cuộc đụng độ biên-giới với Nam Hàn. Những hành động của Bắc Hàn đã gây ra một tình trạng căng thẳng tại Hàn quốc. Hoa-Kỳ đang phải đối phó với hai vấn đề một lúc: là Bắc-Hàn và Việt-Nam. Phe cộng-sản muốn Mỹ phải đem thêm quân sang Đại-Hàn để cho lực lượng phòng thủ ở Việt-Nam bị suy giảm. Ngay tại Việt Nam, cộng quân cũng áp dụng

chiến lược này. Họ tấn công mạnh mẽ Khe-Sanh lôi cuốn quân đội Mỹ và đồng minh vào nơi này, rồi bất ngờ đánh phá các đô-thị.

Tuy không đạt được kết quả mong muốn, nhưng cộng sản cũng đã thành công trong việc làm cho Tổng-thống Johnson lúng túng. Ông Johnson muốn ngưng chiến để sửa soạn bầu cử, nhưng giờ ông không thể tính tới chuyện hòa đàm được nữa. Ngoài ra ông Johnson còn gặp khó khăn vì Nam-Hàn dọa sẽ rút 45.000 quân khỏi Việt Nam nếu Mỹ không tăng cường quân đội ở Nam-Hàn.

Nhưng ngược lại phe cộng-sản cũng gặp nhiều bất lợi. Dân chúng miền Nam đã không nổi dậy theo họ, quân đội đã không đào ngũ và tan rã như họ đã dự tính. Hơn nữa những hành động tàn bạo của cán binh cộng sản đã làm cho dân chúng bất bình. Sinh lực của các đơn vị cộng quân sau cuộc tổng tấn công bị suy giảm rất nhiều. Trước mưu tính và hoạt động của phe cộng sản các quốc gia trên thế giới dường như đã ý thức được thực-trạng của vấn-đề Việt Nam. Sau hết Mỹ và đồng minh trở nên cứng rắn hơn trước và viễn tượng hòa-đàm càng trở nên xa tắp.

Phi Châu : Cuộc du-hành của Phó Tổng thống Mỹ Humphrey

Phó Tổng-thống Mỹ Humphrey được gửi đi Phi-châu để tỏ thiện chí của Hoa-kỳ muốn giúp đỡ lục-địa này. Nhưng xem lịch-trình của chuyến công du trên đây, người ta nhận thấy rằng ông Humphrey chỉ qua những quốc gia ôn hòa. Đi tới đâu ông Humphrey cũng được các nhà cầm quyền đón tiếp nồng hậu vì ông Humphrey trong các cuộc công du luôn luôn tỏ ra là một nhà ngoại giao có tài. Tại Phi-Châu ông

còn dùng những luận điệu mà người Phi-Châu thích nghe nhất như tăng cường viện trợ Mỹ, hợp tác bình đẳng v.v... Không những thế ông Humphrey còn tung tiền ra để thu hút thiện cảm của Phi-Châu. Ông đã ký khế-ước viện-trợ cho Ghana một số thực-phẩm thặng-dư trị giá 12 triệu Mỹ-kim, chấp thuận cho Côte d'Ivoire vay 36,5 triệu để xây đập... Tóm lại tại các nước Phi-Châu có tình-trạng ổn định ông Humphrey đã đem được nhiều kết quả khả quan.

Tuy nhiên không phải nước Phi-Châu nào cũng ổn định, tại Nigéria chiến tranh đang tăng cường mau lẹ. Nhiều cuộc tàn sát còn đang diễn ra. Trước đây cả quân-đội liên bang lẫn quân đội Biafra đều vô trang thô sơ nên chiến cuộc không gây ra nhiều tổn thất nặng nề. Nhưng từ vài tháng nay, cả hai bên đều sử dụng những vũ khí tối tân nên các cuộc tàn-sát càng ngày càng trở nên tàn bạo.

Quân đội liên-bang đã mua của Nga những phi cơ Mig 15, Mig 17, của Anh những phản-lực-cơ Provost ..

Trong khi đó Biafra cũng được Bồ-đào-nha trợ giúp. Các lính đánh thuê (mercenaires) người da trắng tập nập kéo tới Biafra để tham chiến.

Nếu cuộc chiến tranh này còn kéo dài, sự tham-gia của ngoại quốc sẽ tăng cường để biến Nigéria thành một chiến trường của sự đụng-độ quốc tế.

Âu-châu : Phong trào tự-do-hóa tại các quốc gia cộng sản

Tại Nam-tư, thống chế Tito đã thanh trừng hàng ngũ đảng cộng sản. Ông loại bỏ những người thuộc phe bảo thủ vì những người này đã tìm cách làm ngăn trở sự thực thi các biện-pháp cải-cách kinh-tế và chính-trị năm 1965. Tổng-thống Tito muốn thực hiện được

sự thống nhất hành động. Tuy nhiên ông không đòi hỏi sự thống nhất tư tưởng.

Phong trào tự-do-hóa này bắt đầu từ năm 1966 khi Phó Tổng-thống Rankovic bị loại. Tuy Rankovic mất quyền nhưng tay chân của ông vẫn giữ to chức mật vụ. Số lớn các cán bộ trung cấp vẫn còn thuộc khuynh hướng bảo thủ nên tranh đấu đòi trở lại với chính-thuyết Mác-xít. Những người này đã làm cản trở rất nhiều phong trào tự-do-hóa chính-thề Nam-Tư.

Đầu năm 1968 Tito quyết định dứt khoát với phe bảo-thủ cực tả, nên quyết định thanh trừng nốt các cán bộ mà Rankovic còn để lại trong guồng máy chính quyền.

Tại Tiệp-Khắc phong trào tự-do-hóa cũng được đẩy mạnh. Trung-ương đảng bộ Cộng sản Tiệp-khắc quyết-định hạ tầng công tác của Antonin, Novotny, Chủ-tịch nhà nước Tiệp-khắc và lãnh-tụ đảng Cộng-sản. Lần đầu tiên từ khi lập đảng Cộng-sản cách đây 46 năm, một nhân vật thuộc dân thiểu số Slovaque tên là Alexander Dubcek chủ-trương tự-do văn-hóa và kinh tế. Phe tự do còn đang muốn loại luôn cả Thủ-tướng Josef Lenart và đưa ông Cernik, Chủ-tịch Ủy-ban kế-hoạch lên thay thế.

Hai nhân vật tự do được đưa lên cầm quyền chứng tỏ rằng ý-chí độc lập đã từ Lỗ-ma-ni lan sang tới Tiệp-khắc. Thật vậy tuy ông Brejnev, Chủ tịch Cộng-sản Nga đã đích thân sang bênh vực cho Novotny mà Trung-ương đảng-bộ Tiệp vẫn không nhượng bộ. Sau Lỗ-ma-ni, lại thêm một quốc-gia cộng-sản Đông-Âu mưu toan ra khỏi vòng lệ thuộc của Nga.

Tại Đông-Đức chính-phủ của ông Ulbrich đang lo lắng trước những thành

quả ngoại-giao của chính-phủ Tây-Đức Kiesinger. Như ta đã biết, ông Kiesinger đã có một chính sách ngoại giao thân hữu với các quốc gia cộng sản Đông-Âu. Năm vừa qua ông đã đi tới chỗ tái thiết liên-lạc ngoại-giao với Lỗ-ma-ni. Giờ đây Tây Đức và Nam Tư đang đi tới một giai đoạn tương tự. Hầu hết các quốc-gia cộng-sản Đông-Âu hiện nay đều giao thương với Tây-Đức. Vì vậy Đông-Đức đang bị chính các quốc-gia cộng-sản anh em "bao vây kinh tế." Trong những năm qua Đông-Đức đã tấn bộ nhiều về kinh-tế nên không còn hoàn toàn lệ thuộc Nga như trước nữa. Giờ đây Đông-Đức đã có quyền "ăn to nói lớn" nên không còn có thể chấp nhận việc các "quốc gia anh em" cộng tác với Tây-Đức. Được Gromulka, Thủ tướng Ba-Lan, ủng hộ Ulbrich đã mở chiến dịch ngoại giao để gây uy tín. Chiến dịch này đã thất bại, Ulbrich tìm cách làm khó cho Kiesinger

bằng cách xây "một «bức tường ô nhục mới»" ngăn đôi thành phố Bá Linh. Đây là một thành trì kiến cổ trang bị đủ máy móc tối tân, cao hơn bức tường cũ nên dân Đức tại vùng Đông Bá-linh không những không còn có thể đi chọn tự do, mà cũng chẳng còn được ngậm ngùi nhìn sang phía đồng bào của họ ở Tây Bá-linh nữa.

Những lúng củng nội bộ của phe cộng-sản cũng sẽ còn được bộc lộ tại Đại-hội đảng cộng-sản thế giới. Ngày 26-2 vừa qua, Đại-hội đã họp tại Budapest, thủ đô Hung-giá-Lợi, với sự tham dự của 66 cộng-đảng thế-giới-Trung-cộng không tham dự và vẫn tiếp tục tố cáo Nga thông đồng với Mỹ để thống trị Việt-Nam. Người ta không tin rằng Đại hội sẽ đạt tới những quyết-nghị quan trọng, nhưng chắc rằng Đại-hội sẽ là một bước tiến sâu thêm vào sự chia rẽ giữa Nga-Sô và Trung-cộng.

TỪ-TRÌ

* những ai đang khao khát tìm hiểu sự thật — nghĩa-sống của cuộc đời — Đạo Phật chính là chất liệu cho con người tìm hiểu nghĩa sống cuộc đời ;

* những người yêu Văn-học nghệ-thuật ;

* những Thanh-niên, Sinh-viên, Học-sinh và Phật-tử
hãy tìm đọc hai tác-phẩm sau đây do Nhà xuất-bản VĂN-HẠNH đã phát hành :

BÚT NỞ HOA ĐÀM

thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG. tựa của T.T. Đức-Nhuận.
tranh bìa của Nguyễn-gia Trí.

CHUYẾN HIỆN ĐẠO PHẬT VÀO THỜI ĐẠI

của THÍCH ĐỨC-NHUẬN, bìa của Duy-Thanh.

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa-soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Hương cỏ may** truyện dài của Tuấn-Huy, do Hai-Miền xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 380 trang, in lần thứ hai, Giá. 130 đ.

— **Thương yêu**, tập thơ của Bảo-Hạnh, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang, in ronéo, gồm 24 bài thơ in trên giấy dày, tốt.

— **Người về đầu non** truyện dài của Võ-Hồng, do tập-san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trang, bìa do Nguyễn - Trung minh họa ; Giá nhất định 30 đ.

— **Der Sohn des Walfischs** truyện dài của Cung-Giũ-Nguyên bằng Đức ngữ dịch từ nguyên-tác : *Le Fils de la Baleine*, do tác giả gửi tặng. Sách dày 294 trang.

— **The summing up of ten years of writing** của Thế-Phong, bằng Anh ngữ do X. H, dịch từ bản Việt-ngữ : « Mười năm văn nghệ tôi hứa hẹn điều nào ? » do Đại-nam Văn-hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 21 x 26 dày 22 trang, Giá 200 đ,

— **Trung-quốc văn-tự học**, Lý-văn-Hùng biên soạn, do soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, in trên giấy tốt

— **Người Việt đất Việt** của Cửu-long-Giang và Toan-Ánh, do Nam-Chi tùng-thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 528 trang, gồm 4 phần : Đại-cương (địa lý, gốc tích, lịch sử) ; Văn-hóa ; Danh lam thắng cảnh ; Nếp sống. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 350 đ.

— **Giòng sinh - mệnh văn-hóa Việt nam** của Lý-Đại-Nguyên, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 130 trang. Giá 60 đ.

— **Câu chuyện của dòng sông** nguyên tác « *Weg Nach Innen* » của Hermann Hesse, bản dịch của Phùng-Khánh và Phùng - Thặng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, in lần thứ 3. Giá 90 đ.

— **Về thể tính của chân - lý**, nguyên tác « *Wom wesen der wahrheit* » của Martin Heidegger, Phạm-công-Thiện dịch và giới - thiệu, do Hoàng-Đông-Phương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 158 trang ; bản đặc biệt. Giá bản thường : 150 đ.

— **Văn** (nghiên cứu và phê bình văn-học) số 3, năm thứ hai, tháng 1 và 2 1968. Mỗi số dày 130 trang, gồm những phần : tiểu-luận, tài liệu, đọc sách và thời sự của các cây bút quen thuộc : Nguyễn - văn - Xuân, Trần - Thiện - Đạo, Tam-Ích, Bình-nguyên-Lộc, Võ - Hồng, Lãng-Nhân v.v... Giá mỗi số 30 đ.

Khỏi lửa đầu năm với các người cầm bút

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Những ngày tương đối an toàn, những cây bút tha hồ múa men tung hoành trên lĩnh vực sách báo, đến khi khói lửa lửa thành hình úp chụp xuống đô thành và hầu hết các đô thị miền Nam, những cây bút mới thấy sự bất lực trước những mũi súng tua tủa chĩa vào mình bất cứ lúc nào cũng có thể nổ đạn. Cảnh những thân người nằm sòng sài ngoài đường phố, những dãy nhà vừa được trang hoàng để đón Tết đêm hôm sau đã trở thành đồng gạch vụn còn âm i khói và khét mùi thịt người!

Những ý nghĩ và hình ảnh trên đã thúc đẩy và bám mãi trong đầu suốt những ngày tôi lần lượt tìm đến thăm những anh chị em nhà văn nhà báo ở Thủ đô.

Chị Nguyễn-thị-Vinh cùng ở cư xá Lữ-Gia cách nhà tôi khoảng năm trăm thước. Nhà chị Vinh ở gần «nhà thờ hầm» và gần trường Nữ Quân Nhân, nơi mà VC dùng làm chỗ đóng quân trong ngày mừng hai Tết. Đêm mừng một Tết, chị Vinh và anh Hoàng-Tông thăm bà con ở Saigon và xoa mà chược nhà người thân ở đường Bùi-Thị-Xuân mãi đến gần hai giờ đêm rạng mồng hai mới ra về. Xe chị Vinh chạy ngang qua ngã tư Trần Quốc Toản — Nguyễn Văn Thoại trước một tiếng đồng hồ khi VC nổ súng vào trại Cảnh-sát Dã-chiến. Về đến nhà vì quá mệt sau canh mà chược nên chị ngủ vùi trong tiếng súng VC tấn

công trại Hà-Hồi, trường Nữ Quân Nhân cách nhà chị khoảng năm ba trăm thước. Sáng hôm mừng hai, chị nghe những người hàng xóm bàn chuyện VC chiếm trường đua, đang bắn nhau với quân đội Quốc Gia, chị cũng không quan tâm vì ngỡ rằng vài toán VC đột kích, đến khi chị nghe Phó Tổng-thống ban lệnh giới nghiêm 24 trên 24, rồi tiếng súng nổ khắp nơi và nhất là khi anh Hoàng-Tông và chị ra bao lớn nhìn xuống những toán lính VC kéo nhau đi lại ngay trước cửa nhà chị, bấy giờ chị mới biết sợ. Chị bàn với anh Hoàng-Tông và vợ chồng Dương-Kiên lo cúng hóa vàng để sau đó nếu có chạy loạn thì yên tâm là đã tròn bổn phận với tổ tiên. Cúng xong, nghe tin đài phát thanh cho biết sẽ ném bom khu vực xưởng dệt Vina-tex.o ở Bà Queo, nơi ấy cách nhà chị chưa đến hai ngàn thước đường chim bay. Chị và cả nhà thu dọn hành lý lên ô-tô chạy về Saigon. Ra góc trường đua bị Cảnh sát Dã chiến chặn vì VC còn đầy ở ngã tư Trần Quốc Toản — Nguyễn Văn Thoại. Chị cho xe đi lối ngã tư Bảy Hiền, ngang trường Nữ Quân Nhân đang lúc hai bên bắn nhau, suýt nữa chị đã trở thành nhà vãi quá cố... Cho mãi đến hôm nay (4-3-68) chị thích thoảng mới về thăm nhà, vì vùng này đêm đêm vẫn còn ngán.

Chiều mừng hai Tết, tôi tìm đến nhà Nhật-Tiến và Phương Khanh vào khoảng 6 giờ. Người nhà chỉ tôi thang gác lên sân thượng. Đôi vợ chồng nhà văn này

đang núp bên hồ nước nhìn lên khu vực Vinatexco xem phi cơ oanh tạc. Đêm mừng một Nhật-Tiến ngủ nhà, sáng ra, khi nghe tin VC tấn công Đô-thành anh vẫn ngờ là mấy ông đảo chính, chứ V.C. thì sức mấy mà dám vào Sài Gòn. Sau đó anh nói đây cũng là một dịp để đồng bào Đô-thành làm quen với chiến tranh, cho các cơ quan tuyên-truyền có dịp để thử thách công tác... Nhật-Tiến nghi rằng dân tộc VN đã bỏ qua ba cơ hội tốt để xây dựng đất nước, đó là những biến chuyển 1945, 1954 và 1963 thì trong cuộc tổng-tấn-công thất bại của VC hôm nay là một dịp hi hữu để cho người dân miền Nam thức tỉnh cùng nhau đứng lên nắm lấy cơ hội để xây dựng lại những gì đã đổ nát từ phương diện vật chất đến tinh thần.

Minh Đức Hoài Trinh ở gần công xe lửa số 5 đường Nguyễn-Huệ (Chi Lăng, Phú nhuận) đó là vùng Cây Quáo, đã chịu sự tàn phá của lửa đạn sau mặt trận Hàng Xanh, Ngã Năm Bình Hòa. Tôi tìm đến nhà Minh Đức, xung quanh khói lửa còn nghi ngút cháy, nhìn cửa sắt khóa kín và những vết đạn xéo lỗ chỗ khắp vách nhà trông như một tổ ong, nhất là miếng bê trên tấm cửa sắt phía trong bị bẻ một mảng lớn, tôi nghĩ có lẽ nào cánh chim đã từng bạt gió khắp miền Âu, Á bắt chấp bão cát sa mạc Sahara mà lại gãy cánh ở vùng Cây Quáo này sao? Tôi đi suốt dãy nhà bên cạnh, cửa đóng im ỉm nôi lên nỗi chết chóc còn lần quất đe dọa quanh đây; tôi rùng mình tháo lui... Mấy hôm sau, tôi mới gặp Minh Đức Hoài Trinh đang ở tòa soạn Quyết Tiến. Người nữ ký giả duyên dáng và nhanh nhẹn này vẫn tươi cười chỉ vết sẹo nơi chân mày mắt phía trái, cho tôi biết khi hai bên bắn nhau, Minh Đức đang ở trên lầu nghe tiếng la

của con chó phía sân trước nhà, vội vàng mở cửa trên lầu nhìn xuống, một viên đạn xẹt qua cọ cháy xém một lần gần bằng cái bút nguyền tử. Mặc dù vậy nhưng Minh Đức Hoài Trinh vẫn chưa biết sợ.

Nhà ông Phó chủ tịch Trung Tâm Văn Bút VN Vi-Huyền-Đắc ở ngay mặt trận ngã năm Bình-Hòa, tôi đã hai lượt tìm đến thăm vào những ngày mừng 4, mừng 5 đều bị lính chặn đường đuổi lại. Tôi hỏi thăm chị Nguyễn Tại Vinh được biết kịch tác giả lão thành này đã rời về ở chung với con trai, và cụ Vi vẫn bình yên.

Đám cháy khu phố sau viện Bài Lao đường Nguyễn-thiện-Thuật chiều mừng 7 Tết đã đầy gia đình nữ sĩ Minh Quân ra khỏi căn nhà ẩm cúng ở Vườn Bà Lớn. Lửa đạn bao trùm và cháy xém căn nhà chị vào khoảng hai giờ trưa, chị và đứa con gái lớn thì lo thu xếp vài đồ đạc cần thiết, còn anh Vinh, chồng chị (kỹ sư thanh tra ở bộ Công chánh) lái xe chờ mấy đứa con nhỏ ra chờ sân ngoài đường Phan Thanh Giản vì sợ kẹt đường. Trước khi đi, anh dặn chị cứ đi thẳng sẽ gặp xe anh chờ. Khi thu xếp ít hành trang xong, hai mẹ con chị chạy mãi theo đường thẳng, băng qua đường Phan Thanh Giản đi suốt đường Kiều Công Hai, nhìn ngược nhìn xuôi vẫn không thấy chiếc xe anh Vinh và các con đâu cả. Chị đứng ngơ ngác ở đường Trần Quốc Toản (trước cổng Viện Hóa Đạo) nhìn thiên hạ bằng bề nhau chạy tất tả về hướng Tân Định làm hai mẹ con chị càng bối rối. Súng nổ càng lúc càng gần, lửa cháy càng lúc càng to, mà chiếc xe và anh Vinh cùng mấy đứa nhỏ vẫn biệt tăm. Hai mẹ con chị đành chờ

nước mắt dần nhau xuôi theo làn sóng người chạy loạn tìm đến tá túc đêm hôm ấy ở tòa soạn Bách Khoa. Suốt đêm ấy chị không sao chợp mắt được nghĩ đến anh Vinh và con cái là chị khóc, cứ than thở : « Nếu rùi mấy đứa nhỏ có bề gì, làm sao chị có thể để một lúc cho đủ những đứa con chị đã từng chắt chiu từ ngày chúng còn nằm trong bụng chị », Sáng hôm sau anh Vinh tìm đến, chị mới biết chiều hôm ấy anh Vinh nép xe vào một ngõ hẻm gần đấy để chờ mà hai mẹ con chị mãi trông thẳng phía trước nên không trông thấy. Trưa hôm đó về nhà thì may quá, nhà vẫn chưa cháy, nhưng cửa đã bị mở toang, đồ đạc bị mất mát ít nhiều nhưng chiếc máy đánh chữ của chị vẫn còn nằm bên góc cửa, có lẽ thiên hạ chệ nặng. Chị Minh Quân kể chuyện cho chúng tôi nghe xong, chị cười. « Còn máy đánh chữ thì tôi vẫn còn nợ với với nghiệp văn chương.. »

Nhà Lê Tất Điều ở cách trường bắn Bình-Thới chưa quá một trăm thước. Trước ngày Bình Thới khởi lửa cho mãi đến nay, gia đình nhà văn trẻ vừa mới « cưới vợ ăn Tết » này đã phải bỏ nhà phân tán mỏng làm bốn cánh nhỏ tản cư xuống tá túc các nhà bà con. Lê Tất Điều và Búp bê Muguet tạm cư nhà một bà cô ở cư xá Đô-thành, song thân của anh về nhà bà con ở ngã ba Ông Tạ, còn tám em (anh vốn là đầu tàu của chín anh em) thì chia hai nơi nữa. Mỗi ngày anh phải về thăm nhà và lần lượt đi thăm hai cụ và các em. Ngay đêm Việt Cộng tấn công đô thành, sáng sớm anh nghe mấy ông hàng xóm bàn tán xôn xao, nhà văn Lê Tất Điều vẫn cái là đảo chính. Anh cãi hăng đến nỗi mấy ông hàng xóm có vài người trông rõ

Việt Cộng đi ngang nhà mình, cũng vẫn tin theo Lê Tất Điều mà cho rằng đó là quân của mấy ông đảo-chính lập kế nghi binh !

Trần Đại và Võ Lang nhà cách nhau vài căn, cùng đường Tôn Thất Hiệp trước cửa trường đua Phú-thọ, là vùng hỏa tuyến từ nửa đêm mừng Một cho đến khoảng 2 giờ chiều mừng hai mới ngớt. Sau một phen kinh hoàng, cả gia đình Võ Lang khóa cửa dọn về ở nhà người con cả là Trần Ngọc ở đường Nguyễn Thông gần Sở Kiểm soát xe tự động. Trần-Đại nhất quyết liều cái mạng không-vợ-không-con-không-cả-người-yêu năm ý giữ nhà để hai cụ và các em di cư đến nhà bà con ở Tân-định.

Nhà văn Phan văn Tạo có chân trong Ban Giám-đốc một xí nghiệp đặt trụ sở ở lầu hành lang Eden, anh có nhiệm vụ phải đốt pháo mở cửa hàng vào khoảng đầu giờ Thìn sáng mừng 2 Tết (khoảng 8-9 giờ sáng). Vùng anh ở xa những khu Việt cộng nổ súng. Sớm mừng hai anh thức hơi muộn, nhìn đồng hồ thấy đã hơn 8 giờ, anh vội vàng lái xe ô tô chạy bưng bả lên mở cửa hàng cho kịp giờ tốt. Lúc xe anh chạy qua dinh Độc-Lập, thấy dây kẽm gai ngăn lối, anh cũng tưởng là biện pháp an ninh thường lệ trong những ngày Tết nên lách ngã khác chạy lên đường Tự do. Thấy đường phố có hơi vắng, anh cũng cho rằng ngày Tết và còn hơi sớm nên chưa đông người đi dạo. Anh ngừng xe, lăm lăm leo lên lầu, mở cửa treo ba bánh pháo nơi cửa sổ thông ra đường Lê Lợi ngay trước mặt Quốc Hội, chẳng thềm đếm xia đến những người lính gác và một vài người hiếu kỳ lấy tay chỉ chỗ vào giây pháo đỏ, anh vẫn trịnh trọng đánh diêm châm ngòi pháo và bình tĩnh

đứng chờ cho pháo nổ đến cây cuối cùng mới ra về. Khi xuống đến đường, cảnh sát mới cho anh biết về cuộc biến cố đêm trước ở Đô-thành...

Nhà thơ Xuân Hiến ở gần nhà thờ Ba chuông Trương minh Giảng nên ngay tiếng súng đầu tiên của Việt cộng tấn công vào Tổng Tham mưu thì vợ chồng con cái anh phải lăn xuống đất và suốt đêm đó ngủ dưới gầm giường. Sáng mừng hai, anh đến nhà người hàng xóm mua một ít rau dịnh để ăn với thịt kho. Không ngờ họ bán cho anh một rổ rất lớn mà chỉ lấy có 5 đồng. Khi anh mang rau về, ngang qua mấy nhà ngoại kiều, họ gạ đổi đồ hộp, anh đổi đầy rổ cá và thịt hộp, ăn mãi không hết. Đến mừng 5 Tết, sau vụ một Trung đội Việt cộng ra đầu hàng ở nhà thờ Ba chuông vì quá đói khát, anh Xuân Hiến lo chèn cửa thật chặt. Đang ngủ nửa đêm bỗng nghe sột soạt ngoài hè vợ chồng anh bám nhau cho rằng Việt cộng đói kéo nhau đi kiếm cơm. Chợt nghe từ trên mái nhà có tiếng động rồi có tiếng nhày trên nóc xuống bếp (nhà anh thủng một lỗ lớn ở gian nhà bếp). Vợ chồng anh bảo nhau đúng là Việt cộng nhày vào tìm thức ăn. Hồn vía lên mây, vợ chồng con cái Xuân Hiến không biết đối phó ra sao,

Muốn đóng cửa chốt tên VC ở nhà bếp, thì sợ khi nó tìm lối ra không được nó sẽ nồi lửa đốt nhà thì nguy. Mãi một lúc khá lâu, anh chắc là nó ầu no rồi, bây giờ có thể dùng lời dụ dỗ cho nó ra khỏi nhà. Anh tìm đèn bấm, men đến cửa hông, rọi đèn vào thì ra là một con mè rất lớn đã ăn hết nhãn những thức ăn dành cho gia đình anh ngày mai...

Túy-Hồng và Thanh-Nam nhà ở sau Ty Cảnh-sát công lộ đường Trần Hưng Đạo Saigon, lúc nào cũng sợ pháo kích, cả nhà đều ngủ sàn nhà. Túy Hồng có bầu năm nhà, còn Thanh-Nam đi với bạn bè suốt đêm mừng một. Sáng mừng hai, Thanh-Nam vẫn chưa biết tin VC tấn công Saigon, anh vẫn thức dậy lúc 9 giờ, thay quần áo để tiếp tục đi thăm bạn bè. Ra đến đầu ngõ, gặp nhà thơ Kiên-Giang cho tin Saigon đang có cuộc đảo chánh, và Kiên Giang rủ Thanh Nam đi xem tình thế ra sao. Hai người dắt tay nhau ra đến đường Trần-Hưng-Đạo, cảnh sát chặn lại cho biết sự tình, bấy giờ hai anh mới ngẩn ngơ chia tay nhau ai về nhà nấy... Tôi đến thăm Túy Hồng Thanh Nam, có mang theo một ít hình ảnh cổ đồ Huế trong ngày lửa đạn do bạn Lê-Huy-Linh-Vũ chụp được bằng bình màu để rọi lên cho Túy Hồng và gia đình trông thấy một vài khía cạnh tang tóc của quê hương. Sau khi xem xong, trong câu chuyện hàn huyên Túy Hồng nói: 'Súng nổ nhà cháy, người chết nghe nói cũng nhiều lắm, nhưng hỏi thăm những người quen biết, nhất là các anh em nhà văn, nhà báo, ai cũng vẫn còn sống, thế thì chết cũng vẫn còn ít. chứ đâu có nhiều như thiên hạ đồn!'

Những nhà văn không ăn Tết Saigon mà tôi được biết gồm có Nguyễn Ngu Í về quê mẹ ở Bình-tuy, Nhã Ca về Huế, Nguyễn thị Thụy Vũ về nhà cha mẹ ở Lộc-Ninh, cô Trùng Dương du Xuân ở Đalat, Đỗ Nghê về Bình Tuy, Lê Huy Linh Vũ đi Huế, Bùi Chánh Thời và Trần Phong đưa gia đình lên nghỉ ngơi trong mấy ngày Tết ở Đalat. Tất cả đều trở về Saigon bình yên, mặc dù mỗi người đều gặp nhiều trở ngại tại chỗ hoặc dọc đường. Như trường hợp L.

Huy Linh Vũ kẹt ở thành nội Huế nhưng chính nhờ vậy mà dân đô-thành được thấy đầu tiên những hình ảnh hi hữu của cố đô trong lửa đạn trên T.V. Nhã Ca chịu mấy ngày khói lửa ở quê hương, đã viết được một loạt phóng sự cho báo Sống rất sống. Trần Phong thì may mắn về Saigon từ chiều mùng 1 Tết. Trưng Dương, Bùi Chánh Thời thì bình yên, Đỗ Nghê phải trình diện ở ty Y-tế Bình-tuy vì nhà thơ này vốn là sinh viên Quân-y và sau đó đã được chính quyền địa phương giúp phương tiện về Saigon bằng đường hàng không. Duy có bạn Nguyễn Ngu Í là li kì nhất.

Trước khi Nguyễn Ngu Í về Bình-tuy, tôi nghe được liền chạy đến thăm anh và nhận tin về thân phụ tôi, vì tôi và anh Ngu Í ở cùng quê. Hôm tôi đến thăm anh là tối 28 Tết. Ngu Í phu nhân đã về quê ở miền Trung ăn Tết, Ngu Í đang loay hoay mãi cũng không sao nhóm được bếp dầu hôi để nấu cơm. Tôi giúp anh nhóm bếp, anh dặn tôi nấu cho hai người ăn hôm nay và dành cho anh ăn trọn ngày 29, sáng 30 anh ra bến xe đò về Bình-tuy thì khỏi lo cơm nước. Đêm 28 Tết đó, Anh Ngu Í đồng dục tuyên bố đây là bữa tiệc hai đứa mình ăn Tết trước, Chúng tôi tắt hết điện, thắp nến lên vừa ăn cơm, vừa kể chuyện thiêu hạ và mỗi đứa làm một câu tạo thành một bài thơ Đường luật. Ngu Í đọc trước một câu : Cái đời nghĩ lại cũng kì kì... Rồi chúng tôi mỗi người một câu góp sức gọt giũa cho nhau thật cấp tốc thành một bài thơ do Ngu Í cho tựa dài thậm thụt như sau :

«Một người Được Vợ Bỏ, Một người
Được Tự Do, Bên Ăn Tết Trước, Rồi
Màn Thơ Với Nhau».

Cái đời nghĩ lại cũng kì kì

*Tù tội còn thêm nỗi biệt ly
Kẻ quyết vá trời : điên với đại
Người toan lấp biển : ở tù đi
Nước non manh mún thân vô dụng
Xã hội phân li chí ngủ ì
Thôi đã thương nhau từ tấm bé
Thì thương cho trót, giận nhau chi*

Tôi ngủ đêm hôm đó với anh Ngu Í, và đúng như lời anh nói sáng 30 anh khóa cửa, gởi chìa khóa cho bà hàng xóm, anh lên xe đò về Bình Tuy.

Và mới đây anh đã về Sài Gòn, chỉ Ngu Í cũng vừa ở Quảng Ngãi về tới. Ở nhà được vài hôm, anh lại trêu nhà văn Nguyễn Thị Hoàng một phen. Anh buồn vì vợ chồng Nguyễn Thị Hoàng không đến ăn một bữa cơm tất niên vào trưa ngày 29 Tết như đã hứa. Khi ở Bình Tuy về, anh cắt giấy tờ ở nhà (hẻm 441 Phan Đình Phùng Saigon), anh đi mình không qua Gia-định (nhà vợ chồng Nguyễn Thị Hoàng ở gần trường nữ Trung học Lê văn Duyệt, Gia-định) anh trêu cho ty Cảnh sát ở đây bắt anh. Sau đó anh khai khai rằng anh là anh ruột của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng, số nhà X, đường Y v.v... Cảnh sát liền cho nhân viên tìm đến, làm cho Nguyễn Thị Hoàng đang ăn cơm trưa, phải bỏ đĩa chạy đi tìm bà Ngu Í để lãnh anh ấy về. Có thể nhờ cái xui xẻo ấy sẽ đem đến cho vợ chồng Nguyễn Thị Hoàng những may mắn khác trong năm con khỉ này chăng?

Đỗ Tiến Đức nhà ở cách khu nhà sau viện Bài Lao Nguyễn Thiện Thuật chừng tám chục thước, thiếu chút nữa nhà của tác giả Má Hồng đã xam đen vì khói lửa chiều mừng 7 Tết.

Nhà Lê Xuyên ở vùng Nguyễn Tiểu La, cách xóm nhà cháy vài trăm thước. Cả nhà nhón nháo kinh hoàng hôm đạn bay lửa cháy. Hôm nay thì Lê Xuyên vẫn đến tòa soạn Thời Thế với nhiệm vụ thư ký Tòa soạn như thường.

Nhà thơ Tuệ Mai, nhà ở cư xá Đại học Minh-Mạng, mặt tiền nhà chị là đường Trần Hoàng Quân, nơi hai bên đánh nhau ác liệt suốt mấy ngày từ mùng 3 cho đến ngày 12 (tháng Giêng ta). Súng nổ trước mặt, sau lưng và nhà cháy khói lửa mịt mù bao trùm căn nhà xinh xắn của chị. Suốt mấy ngày đó, chị bước chân ra đường nhìn lên hăng rượu Bierre, xuống ngã sáu (Cholon) phía trong là xóm đường Hòa Hảo nơi nào cũng thấy xác chết nằm ngổn ngang ...

Võ Phiến ở xa những vùng lửa đạn nên hàng ngày vẫn đến đầu hót với anh em ở tòa soạn Bách Khoa.

Vũ Đình Lưu và Nguyễn Đình Toàn ở góc Phan đình Phùng và Đình Tiên Hoàng cách Đài Phát thanh Saigon chừng trăm thước đường chim bay: Đêm mừng một sáng mừng hai súng nổ ở đài Phát thanh đạn bay vun vút qua nhà hai nhà

văn này, nhưng may mắn cả nhà vẫn bình yên.

Duyên Anb, Văn Quang, Nguyễn Mạnh Côn, Bạ Tùng Long, Phạm Duy cùng ở trong ngõ Chu Mạnh Trinh đường Chi Lăng Phú Nhuận, ngay hôm mừng một rạng mồng hai Tết đã phải hứng chịu đạn bay súng nổ trên đầu. Hôm nay vết đạn vẫn còn in trên tường nhà. Phạm Duy vẫn còn giữ đầu một viên đạn để làm kỷ niệm. .

Tôi gặp Mai Thảo, Viên Linh, Hà Thượng Nhân, Tô Kiều Ngân, Nguyễn Đạt Thịnh, Lô Răng ở tòa soạn Tiền Tuyến và đài Phát thanh quân đội. Viên Linh than rằng Tuần báo Kịch Ảnh chạm mở cửa tháng nào là tháng ấy anh bị mất 15 xấp. Mai Thảo thì từ hôm súng nổ đến nay, hôm nào anh cũng đi đến nhà bạn bè chơi đều đều, vì anh ở nhà tù túng không chịu được, đi chơi là một thói quen dù khói lửa đầy đường anh vẫn đi. Nguyễn Đạt Thịnh cho biết nhà anh ở đường Võ Trường Toản Gia-định, tuy lửa đạn bao vây nhưng vẫn nguyên vẹn. Tôi hỏi thăm nhà nghệ sĩ Kim Cương, anh cho biết nhà anh sao thì nhà Kim Cương vậy, vì hai nhà ở gần nhau. Viên Linh cho biết các anh Phạm Hồ, Dương Hùng Cường, Tường Linh, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Liễn, Thanh Tâm Tuyền đều được tai qua nạn khỏi.

Nghiêu Đề, Hồ Trường An đang thi hành nghĩa vụ quân dịch và đang bị cầm trại trăm phần trăm.

Theo lời anh Hồng Sơn (giám đốc nhật báo Tia sáng) cho biết các anh Ngọc Linh, An Khê, Ngô Ty, Sĩ Trung, Sơn Nam, Phan yển Linh, Hoài Điệp Tử đều may mắn thoát cơn lửa đạn.

Ngô Thế Vinh vẫn hoạt động trong

ban cứu trợ (anh là sinh viên dân-y). Huy Lực vẫn ngày ngày đi làm ở Bộ Canh nông, các nhà văn đàn anh: Đông Hồ, Giản Chi, Á Nam Trần Tuấn Khải, Nguyễn Duy Cần, Đoàn Thêm, Lãng Nhân, Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Bình Nguyên Lộc, Mặc Đỗ, Trần Thanh Hiệp, Vũ Khắc Khoan. Nghiêm Xuân Hồng, Hoàng Xuân Việt, Nguyễn Văn Trung, Tạ Tỵ, Nguyễn Vỹ đều may mắn không gần nơi lửa đạn.

Anh Võ Hồng ở Nha Trang là thành phố chìm trong khói lửa, nhưng vẫn may mắn được an lành cả gia-đình. Hoàng-Anh-Tuấn và gia-đình ở Đalat, nhưng thành phố hiền lành này không làm đổ máu những nhà tai mắt, cho nên

ông Quản đốc đài Phát thanh Đalat kiêm nhà văn nhà thơ họ Hoàng và gia quyến chẳng hề hấn gì cả. Lệ-Khánh, nàng thơ của tình yêu vẫn yên lành trong Đalat sương mù.

Bùi Kim Đình nhà ở ngay khu lửa đạn Nguyễn Kim góc sân vận động Cộng Hòa. Nhà tuy không bị cháy, nhưng mấy tuần liền sau Tết đêm đêm anh vẫn phải đi ngủ nhờ nhà bạn ở Sài Gòn.

Phan Tùng Mai, Phở Đức, Hoàng Hương Trang, Trần Tuấn Kiệt, Thế Phong, tôi cũng nghe tin được bình an. Vũ Hạnh ở trại Tam Hiệp, Biên-Hòa cũng vẫn mạnh khỏe.

Saigon Xuân 68
LÊ-PHƯƠNG-CHI

TRÀNG-THIÊN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Giết bằng ánh sáng

Ở Đan-mạch cũng như mọi nơi trên thế gian có cái phiền là bị sự quấy rầy của những sản phẩm khiêu dâm. Hoặc là báo, hoặc là sách, hoặc phim, hoặc những bức hình bán lén lút.

Kiểm soát, ngăn cấm, tịch thu những món đó rất khó khăn. Bởi vì cả hai giới cung cấp và tiêu thụ đều tỏ ra có thiện chí, họ sẵn sàng vượt mọi gian lao để bí mật tiếp xúc với nhau.

Tháng 9 năm vừa qua, Quốc-hội Đan-Mạch bèn chấp thuận một biện pháp đối phó. Cho bán thả cửa, cho mua tự do.

Trong khi các nhà đạo đức xoắn xuýt, thì tay tỏ in loại khiêu dâm kêu trời: «Chết tôi rồi!» Quả nhiên, chết thật. Từ đó chẳng có ma nào mua sản phẩm

khiêu dâm nữa. Giới kinh doanh bèn tung mọi sáng kiến ra, hoạt động chỉ chết. Họ lập những cửa hàng riêng, treo bảng thực to: Porno Shop, Sex-Bazaren v.v.. Thấy không ăn thua, họ cho nghiên cứu, đổi lại những nhan đề tác phẩm nào chưa được hấp dẫn, họ in lại bla mới ngoạn mục hơn.

Khách hàng vẫn lờ.

Biện pháp mới: Đại hạ giá. Biến sản phẩm khiêu dâm thành món hàng vừa túi tiền của mọi người, để phục vụ đại chúng, phục vụ đa số.

Vẫn ế.

Lại cố gắng nữa, quảng cáo đầy đường, bằng hình vẽ, bích chương, bằng khẩu hiệu neon sáng choang. khắp các góc

đường đều có chỗ bán tự động, khách hàng cứ tự tiện vớt tiền vào lấy sách ra, không phải e thẹn với ai cả.

Rất cuộc thi đấu thông mới có một cụ già lóm khóm mua một mớ, hoặc một đụ khách ngoại quốc đến Đan-mạch chọn một món đề mang về nước khoe khoang. Thế thôi.

Kết quả thí nghiệm: của ấy tựa như phim đề chụp hình, phô ra ánh sáng là hồng ngay.

Malraux chưa từng viết tiểu thuyết

Michel Droit đến phỏng vấn André Malraux, tỏ ý nhờ Malraux thử chọn giúp thanh niên một cuốn tiểu thuyết. Malraux lưỡng lự giữa các cuốn *Le père Goriot*, *Illusions perdues* v.v. . . rồi dứt khoát chọn ngay cuốn *L'histoire de France* của Michelet.

— *L'histoire de France* không phải tiểu thuyết.

— Vâng, nhưng cuốn này tốt hơn tiểu thuyết. Đó là một tác phẩm cao quý lắm.

— Xin thử cố gắng chọn một cuốn tiểu thuyết xem.

— *Chiến tranh và hòa bình* của Tolstoi.

Về điểm này tư tưởng của Malraux có thể không khác với tư tưởng của chúng ta mấy.

Lại hỏi A. Malraux có định viết tiểu thuyết nữa chăng. Đáp rằng chắc không, hiện nay ông thích loại *Antimémoires* hơn. Và lại ông chưa hề bao giờ viết một cuốn tiểu thuyết để nhằm cho có một cuốn tiểu thuyết cả. Chẳng qua là ông suy tư. Những suy tư ấy có khi diễn ra dưới hình thức tiểu thuyết, có khi

dưới hình thức khảo luận, có khi dưới hình thức *Antimémoires* hiện thời hình thức *Antimémoires* là nhất, ông nghĩ thế.

Tuy vậy Michel Droit vẫn nài bần thêm nữa về tiểu thuyết. A. Malraux cho rằng tiểu thuyết hết thời rồi.

Tiểu thuyết nhằm kể chuyện chăng? Thời Balzac để bịa chuyện ly kỳ hấp dẫn, chứ ngày nay báo chí người ta đăng thừa thãi những chuyện vặt còn ly kỳ gấp mấy, nhưng chuyện ấy vừa thực vừa được tiểu thuyết hóa chút ít, được quần chúng khoái thích. Báo chí đánh gục tiểu thuyết về mặt kể chuyện.

Tiểu thuyết phân tích tâm lý chăng? Từ hồi có Freud, những tâm lý trong tiểu thuyết có giá trị gì dưới mắt y-sĩ? Nietzsche từng nói: « Chỉ có Stendhal với Dostoiévski là dạy tôi được chút ít về khoa tâm lý.» Thời ấy qua rồi.

Lại còn một lý do là cái khuynh hướng của quần chúng ngày nay thích chuyện thực hiện tại với bằng chứng cụ thể, trực tiếp, hơn là chuyện tưởng tượng. Với điều kiện là chuyện thực ấy nên trình bày ...pha lối tiểu thuyết một tí.

Michel Droit đưa ra một vấn đề có vẻ khó: Trước đây có lần A. Malraux viết rằng các chính trị gia thường khinh thường con người, bây giờ Malraux đã làm bộ-trưởng tức một chính-trị-gia, vậy có khinh người chăng?

Malraux vội từ chối tư cách chính-trị gia. Hạng này nên hiểu là những kẻ chinh phục quần chúng, được quần chúng bầu lên. Còn ông, ông chỉ làm công việc của một chuyên-gia (về văn-hóa) trong chính phủ. Hai mươi hai năm làm chuyên-viên như thế không giúp ông biết gì hơn trước về các chính-trị gia!

Tuy thế, chúng ta thấy câu trả lời này lại có chất «chính trị» lắm.